

Không bỏ
BẠN
lại

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA VI



NGUYỄN NGỌC HOA

BIỂN NGỌC
XUẤT BẢN

MỤC LỤC

Lời Tựa

- 1. Sống Mỗi Ngày Một Lần Thôi**
 - 2. Cuộc Trần Ai Ai Dễ Biết**
 - 3. Bạn Bè Như Bẹn Bà**
 - 4. Người Mỹ Phi Thường**
 - 5. Nỗi Lòng Thiếu Nữ**
 - 6. Lùi Lại về Tương Lai**
 - 7. Kẻ Trở Cờ**
 - 8. Không Lấy Cũng Uống**
 - 09. Hạ Thủ Bất Hoàn**
 - 10. Thẳng Thắn Thật Thà Thành Thua Thiệt**
 - 11. Bay Đi Tổ Quốc Không Gian**
 - 12. Không Bỏ Bạn Lại**
 - 13. Người Ra Đi, Kẻ Trở Về**
 - 14. Anh Đôn**
 - 15. Bà Cọ Phơi Cơm**
 - 16. Nàng Autumn Chung Thủy**
 - 17. Thử Lòng Người Hiền Lương**
 - 18. Đám Cưới Ngoài Biển Khơi**
 - 19. Không Để Ai Bị Khốn Khó**
 - 20. Rắn Chuông và Người**
 - 21. Học Một Sàng Khôn**
 - 22. Tiếng Gọi từ Cối Âm**
 - 23. Món Quà Ngày Chủ Nhật**
 - 24. Vớt Nhầm Hột Châu**
- Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa**

LỜI TỰA

Những truyện ngắn trong *Không Bỏ BẠN LẠI: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa VI* trên tay quý bạn được viết trong thời gian khoảng một năm từ đầu mùa xuân 2019, đã được phổ biến dưới tiêu đề "loạt truyện Đời Phiêu Ngụ," và kể lại những câu chuyện chúng tôi trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại trong lúc sống lêu bêu trong hai trại tỵ nạn ở Hoa kỳ sau biến cố 30 tháng Tư 1975, ngày đau thương nhất của đất nước trong lịch sử cận đại. Theo tự điển Hán-Việt, "Phiêu ngụ" là "ở nơi đất khách," "ở trọ nơi đất khách," hay "sống rày đây mai đó, không yên một bề nào."

Mỗi truyện ngắn là một tác phẩm riêng lẻ đặt liên hoàn với các truyện khác theo thứ tự thời gian, nhưng toàn thể sáu cuốn *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I, II, III, IV, V, và VI* phổ biến và ấn hành từ năm 2013 đến nay không hẳn là một bộ trường thiên tiểu thuyết. Chúng tôi viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương. Nhớ chuyện xưa đến đâu viết đến đó chứ không hề sắp đặt trước bố cục, nội dung, hay nhân vật, và cũng không hề dự định nói lên điều gì cao siêu như những tác giả lớn làm văn chương thực sự.

Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa: Tập truyện ngắn này không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Nhân vật xưng "tôi" được dùng như nhân chứng thuật lại chuyện xưa; nhân vật này không phải chính tác giả mà có thể mang dáng cách, tâm sự, và mơ ước thầm kín của tác giả cũng như bạn bè cùng thời. Mọi nhân vật khác đều được dựng nên, tiểu thuyết hóa cho phù hợp với câu chuyện, và có thể không tương ứng với nhân vật có thực nào. Xin đừng liên kết nhân vật trong truyện với bất cứ ai ở ngoài đời.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như đã khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác và xuất bản tập truyện. Xin được kể tên vài người là chị Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan) và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, mọi sai lầm hay kém chính xác đều do sơ suất của chúng tôi.

Ngoài việc đội ơn ơn trên đã phò hộ cho gia đình và bạn bè gần xa được an lành trong mùa dịch cúm coronavirus 2020, chúng tôi xin cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc. Nàng đã khích lệ chúng tôi, đọc bản thảo các truyện ngắn, và đề nghị tựa truyện để vừa thích hợp với chuyện kể vừa lôi kéo sự chú ý của độc giả.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa VII* đang được phổ biến dưới tiêu đề "loạt truyện Đất Khách Quê Minh." Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày Thu phân 2020
(22-09-2020)

Sống Mỗi Ngày Một Lần Thôi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Những đêm đầu tiên ngủ lều nhà binh trong trại tạm trú Orote Point trên đảo Guam, tôi dễ giấc ngủ bằng cách tự nhủ cuộc ra đi của vợ chồng tôi và bốn đứa em là chuyển đi cắm trại dài ngày trên một hòn đảo ngoài khơi Tuy Hòa tỉnh Phú Yên. Ở thành phố nhỏ bé hiền hòa và sạch sẽ đó, gia đình tôi đã sống hơn năm năm, và ngày hè như khoảng thời gian này trong năm tôi thường về thăm. Giống như tháng Năm ở Tuy Hòa, thời tiết Guam ôn hòa, ban ngày nhiều nắng ấm, và trời chỉ mưa về đêm vì mùa mưa mới bắt đầu. Nửa khuya, những hạt mưa rơi lộp độp trên mái lều đánh thức tôi và nhắc nhở rằng chúng tôi đang bước vào cuộc đời phiêu ngạt nơi đất khách quê người. Guam cách xa Tuy Hòa gần bốn ngàn cây số và nằm trong cùng vĩ tuyến, có diện tích rộng hơn một phần mười tỉnh Phú Yên, và không nhỏ bé hay gần đất liền như hòn Chùa, hòn Mái Nhà, hòn Yến, và cù lao Xanh hoang sơ và tuyệt đẹp của quê hương.

Trong “Thành phố Lều” này, những thứ cần thiết cho đời sống hàng ngày được cung cấp miễn phí, và để nhận lãnh phải xếp hàng chờ phiên mình trên căn bản *tới trước tiếp trước*. Lần đầu tiên tới văn phòng hội Hồng thập tự nhờ gửi thư, tôi quen thói không nhìn trước ngó sau, xồng xộc sấn tới trước mặt nhân viên phụ trách, và bị một anh lính Mỹ trẻ ngăn lại đưa ngón tay trở hướng lên trời và nhã nhặn nhắc, “One line, please (Xin xếp hàng một).” Tôi thẹn đỏ mặt không nói nên lời và từ đó chừa cái thói quen chen lấn đã ăn sâu trong xương tủy từ . . . bốn ngàn năm văn hiến.

Một lần khác, tôi đứng xếp hàng chờ lấy thức ăn, một anh lính Mỹ trẻ thấy hàng tôi khá dài bèn ngoắt tôi tới gần bằng cách cong ngón tay trở hướng lên trời và co duỗi lui tới như (người Việt) gọi chó rồi chỉ sang một hàng mới mở. Tôi nổi dóa bước tới định *xọc* “thằng con nít hỗn láo” một mách và “dạy cho nó một bài học.” May sao Quỳnh Châu đứng cạnh kéo tay tôi giải thích đó là lối gọi tới gần thông thường của người Mỹ. Lối gọi của người Việt (giơ cánh tay ngang vai, để lòng bàn tay nhìn xuống đất, và vẫy vẫy cả bốn ngón tay) người Mỹ dùng để chào từ giã người đang rời đi. Tôi *quê một cục* và từ đó hết đường *lấy le* (làm cho oai để lên mặt) với vợ rằng ta đây cũng giỏi tiếng Anh không kém gì mấy tay du học ngoại quốc về.

Lúc nhập trại, chúng tôi được chỉ tới căn lều ở Khu 5, khu xa nhất và nằm gần bìa rừng. Hai ngày sau, Khu 5 chỉ còn lại gia đình tôi, và các lều khác đều trống trơn vì sau khi biết lẽ lối tổ chức trong trại, người ta kéo nhau dời về các khu gần bộ chỉ huy để ban ngày nghe rõ thông báo và nhắn tin trên hệ thống truyền thanh chỗ đông, ban đêm tiện tụ họp ở “Ngã Năm Quốc tế,” và nhất là thấy an toàn hơn.

Tôi thích vắng vẻ và ngại chung đụng với người chưa quen nên bằng lòng với căn lều gần bìa rừng cho đến ngày cuối cùng trước khi chuyển sang trại Andersen trong căn cứ Không quân Andersen để lên máy bay vào (lục địa) Hoa kỳ. Chúng tôi không có gì để sợ mất vì tài sản mỗi đứa vốn vẹn một chiếc *xắc* tay nhỏ đựng bộ áo quần và giấy tờ tùy thân. Những xấp giấy bạc năm trăm và một ngàn đồng mẹ cho nằm trong chiếc cặp da, một tài sản kèch xù ở Sài Gòn, nay

là mớ giấy lộn vô giá trị. Dưới hồ tiêu ngoài trời, tôi thấy đầy dẫy hai thứ giấy bạc đó, mới toanh và có lẽ bị sở hữu chủ uất nộ liệng bỏ chứ giấy bạc mới khó có thể dùng làm giấy vệ sinh.



Ngã Năm Quốc tế là tên đặt cho khoảnh đất tráng nhựa nằm tại giao điểm của hai con đường chính của trại là phi đạo cũ thời thế chiến thứ II. Ngã đường thứ năm là đoạn đường ngắn dẫn vào nhà để máy bay cũ nay làm nơi đặt bộ chỉ huy trại. Văn phòng hội Hồng thập tự, trạm phát thanh thông báo tin tức, *pi-éch* (PX, viết tắt của Post Exchange là quầy hàng Quân Tiếp vụ), v.v. trong các *trailer* (nhà *ơ-moóc*, do tiếng Pháp “remorque,” có thể dùng xe kéo đi và đặt ở nơi mong muốn) bằng gỗ mới toanh đều nằm quanh Ngã Năm Quốc tế. Ban đêm những kẻ vừa lia què hương đến đây tìm người quen, trao đổi tin đồn, và cùng nhau đoán già đoán non những gì sẽ xảy ra cho mình.

Một tối tôi đang thèm thường nhìn thiên hạ ra vào *pi-éch* mua sắm thì bỗng hiện ra trước mặt một hình dáng quen thuộc – anh Hán con bà cụ chủ nhà trọ và là người anh đỡ đầu thời tôi còn là sinh viên trường kỹ sư. Sau mẹ, anh là người tôi mong ước gặp lại nhất. Với nụ cười nửa miệng cố hữu, anh đùa,

“Ô kìa, ai như cậu *Ba Hoa*? Tôi biết thế nào cũng gặp cậu ở ngoài này; sức mảy mà cậu bị kẹt lại.”

“Anh Hán . . . Làm sao anh ra khỏi Sài Gòn?” tôi la lớn và nhảy tới nắm chặt tay anh.

“Tôi có anh bạn làm trung tá Hải quân, anh ta rủ tôi và Dư là chú em rể chồng cô Thảo đem gia đình lên tàu ra Phú Quốc lánh nạn. Có ngờ đâu tàu chở mình tới vịnh Subic ở Phi Luật Tân rồi chuyển lên tàu Green Wave (Sóng Xanh) sang đây.”

“Em cũng tới Guam bằng tàu Green Wave như anh. Thế chị Uyên đâu?” Chị Từ Uyên giáo sư trường trung học Trưng Vương là vị hôn thê của anh.

“Ngày 28 tháng Tư tôi đến Trưng Vương giục Uyên về nhà thu xếp và đến chỗ hẹn lên tàu Hải quân để cùng đi. Chờ mòn con mắt không thấy cô ấy đến, tôi đành *đơn thân độc mã* ra đi một mình,” ánh mắt của anh buồn tênh.

* * *

Đợt di tản bằng tàu ập tới Guam trong cuối tuần lễ thứ hai và đầu tuần lễ thứ ba của tháng Năm khiến dân số của Thành phố Lều lên tới hơn 50 ngàn người, hơn một nửa cư dân trên đảo. Trong hai tuần lễ tiếp theo, số phận của những kẻ lưu lạc rất mù mờ vì Quốc hội Hoa kỳ, cơ quan nắm giữ hầu bao của quốc gia, đang ở trong kỳ nghỉ. Chúng tôi được bộ Quốc phòng nuôi ăn ở trong chiến dịch Đời Mới, nhưng bộ Ngoại giao và bộ Y tế, Giáo dục, và An sinh chưa được chuẩn chi và chưa thể công bố chương trình giúp đỡ dân tỵ nạn. Thời gian này, tôi gặp bạn là Toàn giảng viên toán dạy hai trường như tôi: Đại học Cơ bản Thủ Đức ở Phú Thọ và Đại học Kỹ

thuật Minh Đức ở Phú Nhuận. Vợ chồng Toàn và đưa con nhỏ di tản bằng tàu Việt nam Thương tín. Toàn mừng rỡ mời tôi về lều và xin tiền vợ vào *pi-éch* mua một xâu bia Budweiser sáu lon đãi tôi. Toàn chỉ người bạn ở chung lều, một thanh niên trạc tuổi tôi đang ngồi ủ rũ,

“*Ba Hoa* biết Kịch em về Kim dạy bên trường Điện mà. Kịch đi cùng tàu với vợ chồng mình.” Kim là bạn đồng khóa kỹ sư và dạy Ngành Điện ở Phú Thọ cùng với tôi.

“Ừa, vậy chớ bà xã Mỹ Diễm đâu? Hình như hai người có con rồi, phải không?” tôi hỏi Kịch.

“Dạ, tụi em có đứa con trai sáu tháng. Cả tháng trước, em và Diễm bàn bạc nát nước về chuyện đi hay ở. Nàng nghe lời anh Kim là một kẻ bài Mỹ, và khư khư ôm con ở lại. Em đành phải chia tay, nhảy xuống tàu ra đi, và giờ bơ vơ một mình.”

Kịch ôm mặt khóc rưng rức,

“Từ hôm qua đây, đêm nào em cũng trần trọc nhớ vợ thương con; em nhận ra mình đã mất hết lẽ sống trên đời và quyết định sẽ xin về Việt nam. Bằng bất cứ cách nào, dù chết cũng về.”

“Bọn mình khuyên hết lời, về tới nơi chưa được gặp gia đình vợ con đã bị tụi nó tóm cổ bắt giam biệt tích rồi, nhưng không lay chuyển được Kịch,” Toàn xen vào rồi đổi đề tài và hãnh diện cho biết, “Vợ chồng mình sẽ đi Gia Nã Đại chứ không thềm ‘chơi’ với anh *Mẽo* cao bồi dở trò ma giáo bỏ rơi miền Nam khiến mình mất nước.”

“Làm sao Toàn may mắn như vậy?”

“Ông già vợ mình dạy học ở Đại học Montréal nói tiếng Pháp ở Montréal thuộc tỉnh Québec; *ông* đã làm giấy tờ bảo lãnh bọn mình.”

Vào một tối đi phát phơ ở Ngã Năm Quốc tế, tôi gặp Sửu và Trung; hai anh là kỹ sư điện vào trường trước tôi một năm và ra trường làm việc cho công ty điện lực. Sửu là cựu học sinh *lycée* Yersin Đà Lạt và nổi tiếng bay bướm và nhảy đầm điệu nghệ nhất trường Điện; anh đi một mình. Trung quen thân với tôi hơn vì hồi đó anh ở trọ cùng với thằng Song bạn tôi trong cư xá Lữ Gia đối diện cổng trường và nằm phía bên kia đường Nguyễn văn Thoại; Trung đi với vợ mới cưới và chưa có con. Sửu chia sẻ tin tức sốt dẻo,

“Pháp và Gia Nã Đại gửi phái đoàn vào trại tuyển mộ di dân với chủ ý vớt chất xám của trại Orote Point, chỉ nhận bác sĩ và kỹ sư, và chừa lại đám ‘danh ca’ cho Mỹ.” “Danh ca” (“đánh cá” không bỏ dấu tiếng Việt) là lối gọi mỉa những ngư dân.

“Mấy ông thầy mình ở trường kỹ sư đều xin đi Pháp vì ngày trước mấy *ông* học và làm việc bên đó,” Trung kể tên một lô giáo sư cũ.

“Những người lớn tuổi đều xin đi Pháp vì Gia Nã Đại không nhận ứng viên trên 55 tuổi. Bọn *Diên* (do âm trong “*Canadien*” tiếng Pháp) nói thẳng là chúng tôi không muốn nhọc công vô ích vì sau khi huấn luyện để có thể dùng được thì anh đến tuổi về hưu,” Sửu gượng cười.

Hôm sau, tôi lên văn phòng phái đoàn Gia Nã Đại đặt trong căn *trailer* trên mái trướng cờ lá phong đỏ để xem thử. Tôi gặp Sửu và Trung đang sửa soạn vào phỏng vấn, hai anh cho biết hôm đó là ngày chốt phái đoàn Gia Nã Đại nhận người nên tôi vội vàng xin đơn điền tại chỗ. Nhân viên phỏng vấn tôi là một thiếu phụ trẻ đẹp và kهنh kiêu, cô đọc lướt các chi tiết cá nhân và gia đình và khinh khỉnh hỏi tôi bằng tiếng Anh,

“Tại sao anh muốn nhập cư Gia Nã Đại?”

“Tôi là kẻ vô tổ quốc không có chỗ dung thân. Quốc gia nào đồng ý nhận mà tôi thấy sống được thì đến sinh cơ lập nghiệp.”

“Nếu được nhận, anh làm được gì cho Gia Nã Đại?” cô nhíu mày hỏi tiếp.

“Vợ chồng tôi là giáo chức đại học, các em đều có triển vọng thành người học thức và hữu ích, và gia đình tôi sẽ phục vụ xã hội hữu hiệu không thua kém ai,” tôi đã sửa soạn câu trả lời này đêm qua.

“Anh có thân nhân ở Gia Nã Đại không?” mắt cô không rời khỏi bản khai của tôi.

“Dạ không, nhưng tôi có bạn du học ở Montréal và Ottawa. Tôi có tên và địa chỉ của họ, nếu cô cần.”

Bấy giờ cô mới ngẩng mặt lên,

“Không cần. Tôi đã cứu xét đơn và quyết định nhận vợ chồng anh và ba người em dưới 21 tuổi làm ngoại kiều thường trú tại Gia Nã Đại.”

“Vậy còn Sang em trai 24 tuổi của tôi?” tôi ngạc nhiên hỏi lại.

“Chúng tôi không thể nhận anh ta,” mặt cô đanh lại.

“Tại sao? Tôi tưởng . . .”

“Anh ta là cựu quân nhân của chế độ Nam Việt nam. Và trên 21 tuổi không kể là thành viên của gia đình anh,” cô ngắt lời tôi; lời nói của cô nhắc nhở tôi trong bảy năm qua, ông thủ tướng Gia Nã Đại thường tỏ ra thiên vị phe Cộng.

“Cám ơn cô và xin lỗi đã làm cô mất thì giờ. Gia đình tôi không thể bị phân ly,” tôi đứng dậy đi ra.

Sử và Trung đứng bên ngoài nói cười tíu tít. Trung sung sướng báo tin,

“Tụi *moa* được nhận đi định cư ở tỉnh Québec nói tiếng Pháp. Ngày mai qua quân y viện bên trại Andersen khám sức khỏe và nếu mọi việc suôn sẻ, ngày kia tụi *moa* rời trại bay sang Montréal bằng chuyến bay đặc biệt của hãng Canadian Air Pacific. Đó sẽ là chuyến cuối cùng của đợt di cư đi Gia Nã Đại từ đảo Guam.”

Bạn tôi đi Gia Nã Đại; tôi nằm lại Orote Point mà không hề buồn hay thất vọng. Vui buồn không xảy ra tình cờ, đó là do chúng ta lựa chọn. Tôi chọn *sống mỗi ngày một lần thôi* và tận hưởng những thứ hiện có hôm nay: ngày ba bữa có người nấu cơm cho ăn, đêm ngủ an toàn trong lều, ban ngày ra bãi biển ngắm trời xanh nước biếc, và ban đêm tìm bạn bè tán gẫu. Hôm qua là quá khứ, không thể thay đổi. Ngày mai chưa tới, tội gì mà lo lắng cho một óc?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Tư, 2019

Cuộc Trần Ai Ai Dễ Biết

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi quen lệ thức giấc nửa khuya chờ tiếng lộp độp trên mái lều nhà binh của trận mưa đêm, nhưng không nghe thấy. Đồng hồ đeo tay chỉ hai giờ sáng; Sài Gòn giờ này là nửa đêm cuối ngày hôm trước. Tôi nằm yên không động đậy để khỏi làm Quỳnh Châu ở giường bố bên cạnh thức giấc, và một lát lâu sau nhẹ nhàng buông tay nàng, rón rén ngồi dậy, và vén tấm bạt lều bước ra ngoài trời. Mặt trăng hình bán nguyệt chênh chếch trên bầu trời chiếu ánh sáng lờ mờ lên những chiếc lều trống chung quanh. Ở bìa rừng lập lòe bóng ma trời. Bỗng nhiên, tôi rùng mình nhận ra cảnh tượng trước mắt thật quen thuộc: tôi đã thấy trong giấc mơ nhiều lần trước đây khoảng ba năm.

Có người nắm nhẹ tay tôi. Tôi quay lại, Quỳnh Châu đứng sát vào người tôi và tựa đầu lên vai tôi. Tôi kể nàng nghe giấc mơ ngày cũ. Lạ thay, nàng cũng sửng sốt không kém,

“Chồng yêu, không phải chỉ mình anh có giấc mơ tiên báo này. Vào mùa hè đỏ lửa 1972 ở bên nhà, lúc học ở Stanford, ban đêm em ngủ mơ thấy anh đứng nhìn trăng với em y *hịch* như bây giờ. Từ đó, em tâm nguyện dù lưu lạc đến chân trời góc biển, em cũng sẽ trở về với anh.”

“Vậy là cô vợ dễ thương giỏi hơn anh. Chưa bao giờ anh hiểu ra các giấc mơ báo trước cho đến khi chúng thực sự xảy ra. Ngày học trung học, anh ước mơ làm kỹ sư, say mê hình ảnh mình xắn tay áo đội mũ an toàn đi vào nhà máy hay ra công trường chỉ huy thợ thuyền, và học ngày học đêm để đạt tới ước nguyện. Vậy mà cứ nằm mơ thấy mình cầm viên phấn đứng trên bục giảng giảng bài. Tám năm sau, lần đầu tiên xách cặp bước vào giảng đường, anh giật mình vì quang cảnh lớp học hệt như giấc mơ ngày trước.”

Đêm khuya vắng lặng và bóng đêm huyền ảo bao trùm trại Orote Point. Hơn ba mươi năm trước, cuối thế chiến thứ II, nơi đây là bãi ác chiến giữa quân Hoa Kỳ tái chiếm đảo Guam và quân Nhật đã chiếm đóng đảo này hơn hai năm rưỡi. Hơn 18 ngàn lính Nhật tử thương, và số đầu hàng không tới 500. Khoảng hai ngàn thường dân, hay mười phần trăm dân số Guam hồi đó, đã thiệt mạng vì cuộc chiến. Tôi bùi ngùi nhớ lại các biến cố đời mình trong hai mươi bảy năm sống trong chiến tranh với hai lần rời quê hương, và vượt tót Quỳnh Châu,

“Mỗi lần anh trải qua một ngã rẽ của cuộc đời, dù thành công hay thất bại, mẹ cũng nói anh có *quới nhưn phò hộ*. Nay anh khám phá ra *quới nhưn* thực của anh chính là em, người vợ yêu dấu và cũng là điều kỳ diệu nhất xảy tới cho anh.”

“Cám ơn chồng! Em yêu anh đến nỗi em nằm trong lều mà anh bước ra ngoài em cũng thấy nhớ. Anh ơi, đã biết số mệnh đã an bài và tạo hóa có khi tiết lộ tương lai đời mình qua các giấc mơ bí ẩn, sao tối qua anh ngủ không yên nửa đêm thức giấc và ra đây?”

“Anh giận mình đã vô tâm đến nỗi trong hai tháng tính toán chuyện di tản mà không nghĩ tới chuyện đổi vài chục đô la lặn lưng cho vợ và các em chi dùng. Để cho các em phải nhịn thèm như hôm qua.”

Chiều hôm qua tôi và Quỳnh Châu cùng các em ra bãi biển chơi. Hai vợ chồng ngồi trong nhà mát trò chuyện, trong lúc thằng Sang đưa em đi xem dải san hô ngầm sát bờ. Đột nhiên từ chiếc nhà mát khác ở đằng xa, anh Hán chạy lại,

“Cậu nhớ anh Bằng không nhỉ? Gặp lại nhau hôm kia, chúng tôi rủ nhau ra bãi biển và đang ngồi với nhau bên kia.” Anh Bằng bạn anh Hán là một giáo sư có uy tín nổi tiếng Sài Gòn.

“Anh Bằng có ba đứa con đặt tên ở nhà là con Gà, con Cút, và thằng Còm, sao em không nhớ?”

“Anh ấy và gia đình nhà vợ đi sang đây. Chị mệt nằm nghỉ ở lều, anh Bằng phải chăm mấy đứa con, sợ chúng nó chạy xuống nước sóng cuốn đi mất. Ồ, hình như anh ấy đang mua kem và thức uống giải khát; cậu đợi tôi một lát.”

Anh Hán trở lại trên tay cầm một lon *root beer*. Được anh Bằng mua mời, anh đưa lon nước lên môi vờ uống rồi mang sang cho tôi. Nghe nói “bia” (beer) tôi nghĩ đến mùi men rượu nhẹ nhẹ và vị hoa hốt bố đặng đặng của bia “33” quen thuộc và uống ngay một ngụm rồi nhăn mặt,

“Bia gì mà dở ẹt như xá xị Con Cọp bên mình?”

“Là xá xị thứ thiệt mà! Tôi tưởng cậu giỏi tiếng Anh tiếng U thừa biết *root beer* là gì chứ,” anh Hán nói đùa, nhưng tôi thẹn tai nóng bừng; tôi thèm bia nên quên bém đi nghĩa chữ “*root beer*” thông thường.

“Chê thì để đó cho tụi em, chớ phí của trời,” Quỳnh Châu giật lấy lon nước ngọt và chia cho Bình và hai em nhỏ nhất, mỗi đứa được hai ba ngụm. Lon xá xị chia cho sáu người! Thằng Sang trở lại trễ không có phần, nó nháy mắt hóm hỉnh cười, “Nước ngọt có đường, chị Châu uống nhiều quá coi chừng bị hư răng!”

* * *

Thời trang mùa hè ở “Thành phố Lều” là chiếc mũ lưỡi trai (hay *kết*, do tiếng Pháp *casquette*) giả chỉ có vành mũ nối với một cái dải vải nịt quanh đầu mà không có phần che đỉnh đầu người Mỹ đội che nắng khi đánh quần vợt hay coi đánh *baseball* (dã cầu hay bóng chày). Thứ mũ này được công nhân người Phi mang từ bên ngoài vào bán ba đô la một cái, và trên con đường chính của trại và ngoài bãi biển, thanh thiếu niên con nhà giàu đội . . . chạy đầy đường. Tôi không khỏi ganh tị với các bạn trẻ đang học đòi làm người Mỹ này vì với ba đô la, tôi có thể vào *pi-ếch* (PX) mua một bịch thuốc lá Lucky Strike *Lời Ước Của Kẻ Yêu* mười gói hút cho đã đời, hay một xâu bia Budweiser sáu lon uống cho bỏ những ngày cơ cực, và còn lại đủ tiền mua một bọc kim may và hai cuộn chỉ trắng đen cho Quỳnh Châu và Bình khâu vá áo quần. Lúc ra đi, ngoài bộ đồ trên người, mỗi đứa chúng tôi chỉ có một bộ áo quần trong *xắc tay*; hai bộ dùng hoài đã mòn rách hay sút chỉ.

Nhưng tôi không có ba đô la. Tôi nhăn nhó cười với Quỳnh Châu,

“Nói theo kiểu mấy anh Cộng sản nhà quê, anh là kẻ ‘vô sản chuyên chính.’ Orote Point không cho nhận thư từ nên anh đành làm tên ‘bần cố nông,’ vào trong đất liền mới cầu cứu bạn bè được.”

“Em có thể làm cho *ông dông bác thằng Bần* thành . . . trăm phú có bạc trăm trong tay, nếu anh đồng ý,” nàng cười rụt rè.

“Em nói thử thì biết anh đồng ý hay không liền,” tôi đã đoán ra điều nàng tính làm.

“Anh nhớ trong số nữ trang dùng làm sính lễ đám cưới tụi mình, em còn giữ đôi hoa tai và chiếc kiềng vàng?”

“Cám ơn vợ yêu, nhưng đôi hoa tai là ‘bông con gái’ của em, và chiếc kiềng vàng là của gia bảo truyền lại từ *mụ sơ*. Anh thiếu thuốc lá hút hay các em không có nước ngọt uống đôi ba tuần cũng chưa chết thằng Tây nào; gia sản chỉ có từng đó, đem *mại* đi thì mai mốt lấy gì cho con gái?”

Mua bán vàng là hoạt động thương mại duy nhất ở trại Orote Point. Nếu vàng là thứ của cải để dành và cất giữ chắc chắn nhất trong thời chiến tranh, nó trở thành bất tiện trong trại tỵ nạn. Các thương gia kim hoàn ở ngoài Agana (làng thủ phủ của Guam) và Dededo (làng đông dân nhất đảo) có lẽ biết vậy nên kéo nhau vào đặt *kiosk* (quán hay sạp) dọc theo con đường chính, thuê người thông dịch, và giăng bảng quảng cáo mua vàng với giá thị trường. Phần lớn những người bán vàng là ngư dân, những người bị gọi mỉa là “danh ca” (“đánh cá” không bỏ dấu tiếng Việt); có gia đình bán một lúc đến bốn trăm lượng. Trong mấy ngày tàn của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”), dân chúng các làng chài lưới ven biển hò nhau chất quang gánh, *ti-vi*, xe Honda, v.v. lên thuyền đánh cá chạy ra hải phận quốc tế. Họ được tàu Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ, tàu Hải quân VNCH, và thương thuyền di tản vớt. Họ có mặt ở đây rất đông và rất ồn ào.

Tình cờ tôi nghe lóm hai vợ chồng ngư dân ôm bị tiền rời khỏi *kiosk* mua vàng trò chuyện với nhau bằng giọng Bắc làng Phước Tỉnh gần Vũng Tàu. Ông chồng có bộ mặt dày dặn nắng mưa hỉ hả trách yêu bà vợ đội khăn mỏ quạ,

“Tao đã bảo bu mà y cứ bình tĩnh *nấy* vàng ra bán; bọn Mỹ ngu bỏ mẹ đi, chúng *ló* chả biết mình *lôn lao* muốn tống khứ cái *nô* vàng đó đâu. Mấy *nần* tao trừng mắt bảo bu mà y đừng có kể *ne* với thằng thông dịch viên *nà* hai vợ chồng mình ngày đêm *lầm* ôm vàng trong *nều* mà *no* ngay ngáy sợ quân cướp *ló* gi súng đoạt của. Cũng may *nà* thằng đó không để ý mà *lói nại* với thằng chủ.”

“Bố mà y ạ, tôi biết thằng chủ Phi *Nuật Tân* đó thương người Á châu như *ló lên* chả thèm gìm giá mình. *Ló* mua vào bằng giá thị trường trăm rưỡi một *nượng*, chứ trả giá thấp xuống vài chục *đô-na* nữa mình cũng bấm bụng mà bán thôi. Nhờ mình hết *nòng* cầu nguyện *lên* Đức Chúa Trời che chở. Tạ ơn Chúa, amen,” bà làm dấu thánh giá.

Như bà ngư dân nói, giá vàng trên thị trường hiện tại là 150 đô la một lượng, nhưng đó là lượng Mỹ hay *Troy ounce* vào khoảng 31.108 gam chứ không phải lượng ta nặng 37.5 gam, hơn lượng Mỹ hơn 20 phần trăm. Sau khi tính thêm “chi phí” trừ vào giá bán, trong vòng một buổi và không tốn chút công sức nào, ông chủ tiệm vàng người Mỹ gốc Phi hưởng lợi ít nhất là 30 phần trăm ngon ơ. Tuy nhiên, dù bị thiệt thòi đáng kể, những kẻ có vàng bán vẫn may mắn hơn tôi và vô số người khác. Chúng tôi mang theo tiền giấy VNCH nay trở thành giấy lộn vô giá trị. Chỉ cựu nhân viên sở Mỹ bên “Thành phố Thiếc,” tức là trại Andersen trong căn cứ Không quân Andersen mé bắc đảo Guam, mới được cơ quan cũ bồi thường bằng cách mua lại với hối suất chính thức trước tháng Tư là 750 đồng ăn một đô la, nhưng chỉ đền bù tối đa hai ngàn đô la. Giới hạn này tương đương với khoảng ba năm lương giảng nghiệm viên Đại học Kỹ thuật ở Phú Thọ của tôi.

Buổi tối tụ họp ở “Ngã Năm Quốc tế,” khi hết chuyện tán gẫu, các bạn tôi quay ra kể xấu “danh ca” để cười đùa và thỏa lòng đố kỵ. Nào là chen lấn kịch liệt khi xếp hàng lấy thức ăn khiến lính Mỹ than phiền mà họ *coi như pha*. Nào là lấy thức ăn ngập ngụa vun đĩa ăn không xuể rồi thả nhiên đổ vào thùng rác và cười hô hố *của chùa* đổ đi cho sướng tay. Nào là sau khi ăn no cảnh hông còn rán lấy thêm hai tay hai đĩa bưng về lều để dành ăn đêm. Nào là buổi tối cơm nước xong, cha xứ ới lên một tiếng là cả làng quỳ xuống đọc kinh ê a đến khuya, ai ngủ không được rán mà chịu. Không thiếu gì chuyện để chê bai!

Nhưng bạn tôi biết rằng quân nhân công chức bậc trung như chúng tôi và đám ngư dân đều giống nhau ở chỗ không thuộc vào những giới mà Hoa Kỳ mong mỏi sẽ đến đây. Hoa Thịnh Đốn đã dự liệu rằng chỉ những nhân viên sở Mỹ, sĩ quan cao cấp, và viên chức chính phủ quan trọng mới cần đưa ra khỏi Việt nam để khỏi bị Việt Cộng bắt bớ tù đày và do đó, không hề dự định di tản các thành phần khác. Trong một phúc trình gửi tới Quốc hội sau này, chính phủ Hoa Kỳ tổng kết,

Một nửa số người Việt nam chúng ta định di tản đã không đi được – và một nửa số người chúng ta nhận được đáng lẽ không nên đi.

Đối với tôi, “danh ca” Orote Point là những kẻ *bỏ phiếu bằng chân* tránh nạn Cộng sản hàng đầu. Họ rời bỏ quê hương vì yêu tự do – nhất là tự do tín ngưỡng – chứ không phải trốn chạy vì sợ hãi. Họ dùng và vứt bỏ thuyền đánh cá của họ để ra đi chứ không sử dụng tài nguyên quốc gia hay ỷ lại vào các thương cục tư. Tôi sẽ không ngần ngại đặt họ ngang hàng với bất cứ “anh hùng” đáng phục nào trong cuộc di cư đổi đời này,

Trong cuộc trần ai ai dễ biết,

Rồi ra mới biết mặt anh hùng.

(Nguyễn Công Trứ - “Đi Thi Tự Vịnh”)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 15 tháng Năm, 2019

Bạn Bè Như Bẹn Bà

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ở lều nhà binh trong trại tỵ nạn Orote Point và ngày ba bữa ăn cơm lính Mỹ nấu mà có khách bên ngoài vào viếng thăm là cả một điều lạ lùng và hiếm hoi. Tôi ngạc nhiên khi thấy anh Bá lái xe từ làng Agana thủ phủ của Guam vào tận lều thăm tôi. Anh là một người cầm đầu Ngành Điện của Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ, trường mà ngoài nhiệm vụ giảng huấn, tôi làm Trưởng phòng Giáo sư vụ, một chức vụ tự nguyện không cho thêm phụ cấp hay quyền lợi nào khác. Anh là đàn anh của tôi, ở lại trường dạy sau khi tốt nghiệp kỹ sư điện, đi Hoa Kỳ lần lượt học Cao học và Tiến sĩ (PhD, viết tắt của Doctor of Philosophy) rồi về trường tiếp tục làm giáo sư, và sau đó được bổ nhiệm vào chức vụ anh giữ đến khi bỏ nước ra đi.

Trong thời gian đi du học, anh Bá lập gia đình với một chị người Mỹ gốc Đài Loan và đưa chị về Việt nam sinh sống, nhưng tôi chưa bao giờ gặp chị và cũng không nghe anh nói về chị hay chuyện gia đình riêng tư. Hàng ngày chúng tôi làm việc sát cánh bên nhau, anh nói nhiều nhưng có nhiều sáng kiến, và tôi hằng hái thực hiện những dự án lợi ích cho sinh viên anh đưa ra. Đầu tháng Tư 1975, trong khi các giáo sư du học Hoa kỳ về hàng ngày đội nắng sắp hàng trước tòa Đại sứ Hoa kỳ xin được *bốc* đi, anh rộn ràng ra ngân hàng lấy tiền bạc ký thác và thu xếp nhà cửa. Một buổi sáng không còn thấy anh đến trường, mọi người xầm xì anh đã theo vợ về Mỹ.

Với giọng nói nhanh nhẩu và lối vào đề trực khởi thường lệ, anh không nói quanh nói quất hỏi thăm sức khỏe hay làm sao tôi đến đây, cũng không kể chuyện mình hay quan tâm tới đồng nghiệp ở trường, mà giới thiệu người đàn ông cao lớn mang bộ mặt Á đông,

“Đây là anh vợ tôi. Ông làm chủ một nông trại trên đảo Guam đang cần người làm. Gia đình anh gồm sáu thanh niên mạnh khỏe, thích hợp với công việc *ong* cần. Nếu anh đồng ý, *ong* sẽ bảo trợ ra ngoài đó làm việc và sinh sống.”

Người đàn ông trạc tứ tuần đứng cạnh anh Bá có làn da rám nắng và mặc bộ áo quần thợ máy màu cứt ngựa. Nhìn vẻ mặt nửa làm lì nửa ngờ ngác của ông ta, tôi hỏi, “Ông nói được tiếng Anh không?” Ông ta gật đầu và nói lí nhí gì đó trong miệng. Tôi nói chậm rãi bằng tiếng Anh,

“Cám ơn anh và ông cất công vào đây thuê chúng tôi làm việc cho nông trại. Vậy chớ hai người có hiểu nhu cầu hiện tại của gia đình tôi như thế nào không?”

“Anh cần nơi định cư và công ăn việc làm, anh vợ tôi có thể giúp anh,” anh Bá vội vàng trả lời.

“Không biết hai người sống như thế nào, chứ nhu cầu vật chất của chúng tôi gồm ba lãnh vực: thực phẩm để sống, nơi cư ngụ để gia đình sinh hoạt, và phương tiện di chuyển để đi lại. Hai người dự định đáp ứng như thế nào?” tôi nói lên điều đã suy nghĩ từ mấy tháng nay.

“Anh vợ tôi hứa sẽ cho em anh dưới mười tám tuổi đi học, nhưng sau giờ học phải phụ giúp công việc nông trại.”

Tôi ngẩng đầu lên nhìn anh Bá và hỏi ngoài đề,

“Sau đảo Guam, anh sẽ đi đâu?”

“Chưa biết chắc, có lẽ tôi qua Đại học Michigan ở Ann Arbor, nơi tôi tốt nghiệp,” anh miễn cưỡng trả lời.

“Dạ tôi biết anh làm luận án PhD máy trợ thính hay dụng cụ nghe cho người điếc ở trường đó,” tôi gạt gù cười nụ.

Anh Bá sa sầm nét mặt khi tôi đề cập tới luận án máy trợ thính; mặt đỏ rần, anh xoắn xang hỏi dồn,

“Ý anh thế nào về đề nghị của anh vợ tôi?”

“Anh muốn tôi nói thực không?” tôi hỏi anh bằng tiếng Việt.

“Anh cứ nói, tôi là người thẳng thắn,” nhưng anh đã nhột nhạt, giọng nói e dè.

“Anh Bá, tôi kính trọng chức vụ của anh và làm nhiệm vụ của tôi, chứ không hề nề phục tài năng hay tư cách gì của anh cả. Vợ tôi tốt nghiệp Đại học Stanford, một đại học nổi tiếng nhất ở Mỹ, và tôi đã hoàn tất luận án tiến sĩ kỹ sư ở Đại học Khoa học Sài Gòn. Giá chót, cái bằng kỹ sư điện của tôi qua Pháp cũng *ngang cơ* với mấy bằng *Xúp Ê-léc*. Chúng tôi chỉ thua kém anh ở chỗ chờ chưa đến tay, chưa có cơ hội để thực hiện những điều anh đã thành đạt. Tại sao anh hạ chúng tôi xuống thành bạn điền trên hòn đảo chưa thành tiểu bang của Mỹ này, có khác nào anh tự sỉ nhục mình?” “*Xúp Ê-léc*” (tiếng Pháp “*Supélec*”) là tên gọi tắt trường Cao đẳng Điện học ở Paris, một *grande école* có uy tín bậc nhất của Pháp.

Buổi tối tụ họp bàn tán chuyện đời ở “Ngã Năm Quốc tế,” tôi kể chuyện bị anh bạn khoa bảng chơi một cú tức học gạch. Không dè vụ chủ nông trại Guam vào “tuyển mộ di dân” lại được suy tưởng thành một viễn ảnh đáng lo ngại. Anh Hán hỏi gặng,

“Có chắc tên bạn cậu thực lòng kêu cậu xuất trại ra Guam không?”

“Em nghĩ anh ta chiều lòng thẳng anh vợ thiếu người làm và nhân tiện *chơi* em thôi. Có gì quan trọng đâu anh,” tôi cười cười.

“Sao lại không? Biết đâu ở bên ngoài *hắn* ta biết tin tức mà trong này mình mù tịt. Hiện tại chỉ có dấu hiệu chính phủ Mỹ sẽ nhận và giúp đỡ mấy tay làm *sở* Mỹ, tướng tá cao cấp, và viên chức chính phủ tai to mặt lớn. Còn bọn làng nhàng như tụi mình và đám ‘danh ca,’ tôi nghi tụi Hoa Thịnh Đốn sẽ cho *ra rìa* bỏ rơi sống chết mặc bay.”

“Cậu Hán nói thật giống ý ta! Thăng *Mẻo* lưu manh đều cáng vô cùng tận, không bao giờ nên tin. Cả miền Nam nó bỏ rơi cái rụp, sá chi vài chục ngàn đũa tép riu thấp cổ bé miệng không dây mơ rễ má với *Mẻo* như bọn mình. *Tịch tình tang, tưng tưng tưng,*” một anh bạn anh Hán xen vào.

Người vừa lên tiếng là anh Luật “thiếu tá với cây đàn” đi đâu cũng mang theo cây đàn *ghi-ta* chỉ còn hai dây và thường gảy đàn bằng miệng đệm cho câu nói của mình. Chuyện kể rằng ngày trước anh là một sĩ quan bộ binh đánh giặc giỏi và lập nhiều chiến công trên chiến trường miền Tây. Một hôm anh đụng trận bị thương nặng và được trực thăng tải thương về quân y viện Cần Thơ. Chị Luật ở Sài Gòn nghe tin dữ liền tức tốc đi xe đò xuống Cần Thơ, xe trúng mìn Việt Cộng chôn giữa đường, và chị thiệt mạng. Sau thời gian trị liệu, người đàn ông góa vợ ra khỏi bệnh viện và đổi về bộ Tổng Tham mưu làm việc. Nhờ bà con giới thiệu, anh quen chị Liên, một quả phụ hai con xinh đẹp, và sung sướng chấp nối với chị.

Trong thời gian theo học lớp Chỉ huy Tham mưu cao cấp tại Đồn Leavenworth ở tiểu bang Kansas của Hoa kỳ, anh Luật kết bạn với một trung tá sĩ quan cán bộ người Mỹ tên là Thomas, gọi thân mật là Tom. Về lại Sài Gòn, một ngày kia, anh tình cờ gặp lại Tom mới giải ngũ và sang Việt nam làm giám đốc điều hành cho một hãng thầu dân sự Hoa kỳ trong căn cứ Long Bình gần Biên Hòa. Anh mừng rỡ mời Tom về nhà, giới thiệu với vợ, và mở tiệc đãi đằng. Tom đề nghị đưa chị Liên làm việc cho công ty của Tom và hứa trả lương hậu hỉ. Mỗi ngày đi làm chị mang về các món hàng quý chị nói *pi-ếch* (PX) bán rẻ mặt và đồng nghiệp người Mỹ “thương chị” mua tặng.

Rồi tháng Tư 1975 tới, công ty có kế hoạch di tản nhân viên và thân nhân. Chị cho biết vì anh là sĩ quan tại ngũ, công ty không chấp nhận cho gia đình anh đi. Để vượt qua trở ngại này, Tom nghĩ ra giải pháp giúp anh: ghi trong danh sách chị là vợ Tom và anh Luật là anh của chị. Sáng ngày 28 tháng Tư, anh Luật và đứa con trai riêng 15 tuổi cùng “gia đình” chị vào Tân Sơn Nhất để lên máy bay. Tom, chị Liên, và hai đứa con riêng của chị mang hành lý lên trước. Đến lượt anh Luật, nhân viên phi hành đoàn dò lại danh sách và lắc đầu, “Ông không phải là thân nhân của gia đình này.” Anh lớn tiếng giải thích nhưng tình ngay lý gian không ai thèm nghe, và hai cha con bị tổng cổ kho phi trường với cây đàn đứt dây là tài sản duy nhất trên người. Anh tức như bò đá, quyết chí đi Mỹ sẵn lòng đôi gian phụ dâm phụ rửa hận, và dẫn con tìm đường xuống tàu Hải quân rồi đến đây. Anh cười ra nước mắt khi bị bạn chọc ghẹo, “Cũng tại thằng nhỏ làm khổ thằng lớn!” Nhưng dầu sao hai cha con anh vẫn còn có nhau.

* * *

Ba mươi lăm năm sau, vợ chồng tôi dự buổi họp mặt thường niên của ái hữu Phú Thọ ở Texas, và tôi được dịp trò chuyện với anh Thanh ngày xưa dạy Ngành Công chánh, bạn du học và *sếp* chỉ huy trực tiếp của anh Bá ở Đại học Kỹ thuật. Anh Thanh kể,

“Anh Bá bây giờ tội lắm. Anh sống một mình, rất cô đơn vì chị mất năm ngoái và thằng con duy nhất chẳng ra gì.”

“Từ hồi đó đến giờ, anh Bá làm gì?”

“Năm 1975, anh được nhận làm giáo sư trợ giảng Đại học Michigan, nhưng vài năm sau anh nghỉ dạy, lấy bằng sáng chế, mở công ty riêng, và làm đủ thứ chuyện nhưng chẳng có chuyện gì thành công.”

Trên đường về, Quỳnh Châu nhỏ nhẹ trách tôi,

“Chồng vô tâm thì thôi, bạn đồng nghiệp cũ mà sang Mỹ mấy chục năm không liên lạc thăm viếng cho phải đạo.”

“Ngày đó anh xem anh Bá là bạn, nhưng không dè anh ấy chíp trong bụng nổi oán giận nhỏ nhen và chờ dịp làm cho lại gan,” tôi lắc đầu.

“Không phải lúc mình chưa biết trôi giạt về đâu, anh ấy có lòng tốt định giúp mình ra định cư ở Guam sao?”

“Không phải đâu vợ ơi! Ông chủ nông trại có thể cần nhân công rẻ tiền làm việc đồng áng, nhưng anh Bá thừa nước đục thả câu xiên xỏ nhục mạ anh mà thôi,” tôi giải thích với nàng và nhớ lại chuyện động chạm ở trường gần bốn mươi năm trước.

Về nước với tấm bằng PhD mới toanh, anh Bá được cắt cử dạy ban Điện tử. Tự hào về trình độ học vấn của mình, trong một phiên họp nhân viên cơ hữu hàng tháng, anh chất vấn thầy Cần Trưởng ban Điện tử về "qualifications" (chữ anh dùng), tức là khả năng đảm nhận chức vụ, của thầy. Thầy là giáo sư kỳ cựu được mọi người kính mến và trước đây từng giữ chức vụ cầm đầu trường Điện như anh sau này. Không thấy ai lên tiếng bênh vực vị thầy khả kính hiền hậu, tôi đứng dậy,

"Anh Bá ăn nói đàng hoàng và kính trọng người khác một chút. Anh nên biết rằng bất cứ kỹ sư nào trong phòng họp này nếu có cơ hội đi Mỹ du học như anh đều có thể hoàn tất luận án PhD hay bằng hay giỏi hơn cái luận án . . . máy điếc của anh."

Luận án tiến sĩ của anh Bá do một công ty chế tạo dụng cụ trợ thính tài trợ, có giá trị thương mại nhiều hơn là nghiên cứu khoa học, và là đề tài bàn tán của du học sinh cao học người Việt ở Hoa Kỳ; họ gọi anh là "Đốc-tờ Điếc." Do đó, "máy điếc" là đề tài cấm kỵ đối với anh.

Một hôm, bạn tôi là Hồng giảng nghiệm viên ban Điện tử có việc đến nhà anh, nhưng anh vắng nhà. Hồng là kỹ sư tốt nghiệp ở Hoa Kỳ và nói tiếng Anh lưu loát. Hôm sau, Hồng thất vọng than thở với các bạn,

"Chị Bá ta vừa già vừa xấu mà lại hợm hĩnh; *bả* coi mình như *nơ pa*. Đào với kếp thật xứng đôi!" "Nơ pa" ("*ne pas*" tiếng Pháp) nghĩa là không là gì cả.

"Tụi mày biết vì sao anh Bá rước chị Đài Loan đó về xứ không?" tôi cười chum chím.

"Tại sao?" lũ bạn nhôn nhao.

"Chàng ta thiếu tình mẫu tử, *xa quê hương nhớ mẹ hiền*."

Nghe kể đến đây, Quỳnh Châu ôm bụng cười,

"*Ô Ông dôông* này thì...!...ê...ê...ệt quá quắt, chạy đằng trời cũng không khỏi bị anh Bá trả đũa cho hả lòng! Hồi đó em mà biết chổng ăn nói sắc lẹm như con dao như *dzậy* thì . . ."

"Thì làm sao, vợ nói cho anh nghe coi?" tôi cười tít mắt.

"Thì em đã tìm cách về với anh sớm hơn rồi. Để *tốt* (stop) anh lại cho anh bớt bạo mồm bạo miệng và khỏi hao tổn âm đức dành cho con về sau."

Mỗi lần nói tới anh Bá bạn tôi, hay Tom bạn anh Luật, tôi nghĩ ngay đến thành ngữ thông dụng của người Mỹ, *với bạn như thế, ai cần kẻ thù làm gì?* ("With friends like that, who needs enemies?") Dịch nghĩa đen không lột tả được hết ý nghĩa mà phải dùng cách nói lái của người Việt để dịch thành . . . "*bạn bè như bẹn bà!*" nghe mới đã. Nếu người nói là đàn bà thì lại càng hay tuyệt.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Năm, 2019

Người Mỹ Phi Thường

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mỗi ngày đi qua trong trại Orote Point là thêm một ngày khắc khoải âu lo không biết tương lai đời mình về đâu. Chồng chất vào đó là nỗi bức dọc vì đồ ăn không hợp khẩu vị. Trong cuộc tụ họp về đêm ở “Ngã Năm Quốc tế,” bạn anh Hán có thêm một đề tài bàn tán; người lớn tuổi nhất là anh Bằng phàn nàn,

“Tôi ngán lên tới cổ rồi. Ngày nào cũng thịt nấu theo kiểu Mỹ *ón ang* không tài nào nuốt trôi.”

“Anh khó vừa vừa thôi chứ, mình là dân tỵ nạn chứ có phải là bố thằng Mỹ đâu! Phải công nhận chúng nó có thiện chí. Thí dụ như thuê mấy bà Việt nam chỉ dẫn cách nấu ăn, và khi nghe mình than món ăn nấu toàn thịt đông lạnh, đổi món bằng cách cho ăn cá. Anh không thấy sao?” anh Hán trách bạn.

“Cậu nói thế chứ hôm nào có cá là lều nhà ăn vắng tanh, *Mẽo* chiên cá mùi tanh bay khắp trại, và tởn ngược bỏ bữa chả thèm ăn. Hôm nào có thịt gà chiên thì hàng người dài cả cây số, lại phải chờ mệt nghỉ luôn,” anh Luật “thiếu tá với cây đàn” xen vào.

Anh Hán xua tay,

“Các anh phải biết nuôi ăn năm chục ngàn miệng không phải là chuyện dễ dàng. Chúng mình chè rau đậu đóng hộp không thèm ăn, nhưng trên hòn đảo xa xôi này đào đâu ra cho đủ đồ tươi? Để thỏa mãn nhu cầu ăn trái cây *đét-xe* của mình, chúng nó đem tới lê đóng hộp trong thùng hai *ga-lông* (gallon) gần tám lít.” “*Đét-xe*” (tiếng Pháp “*dessert*”) là đồ tráng miệng sau bữa ăn.

“Khốn nỗi là món lê *đét-xe* khoái khẩu thường bị mấy tay anh chị *chơi cha* bung nguyên thùng đem về lều ăn dần khiến những kẻ chậm chân như tôi không có phần. Lính Mỹ chỉ trơ mắt đứng nhìn,” anh Bằng tiếp tục than phiền.

“Nơi nào có đồng dân An Nam mình, nơi đó có chuyện bon chen vật vãnh chướng tai gai mắt; chịu khó ít lâu *rồi đời mình cũng qua* thôi anh ơi. Ngày nằm đói meo trên tàu Hải quân, có bao giờ em tưởng tượng sẽ được ngày bốn bữa phủ phê như bây giờ,” tôi vỗ vỗ tay anh Bằng.

“Đồng ý với cậu *Ba Hoa*. Tởn không ưa gì bọn *Mẽo*, nhưng cũng cảm động khi thấy chúng nó có lòng nấu *xúp* cho mình ăn khuya,” anh Luật dịu giọng.

Có lẽ được cho biết người Việt có thói quen ăn cháo khuya, ban chỉ huy trại loan báo hàng đêm trại sẽ nấu và phân phát *xúp* bắt đầu từ 10 giờ tại lều nhà ăn Khu 1 gần Ngã Năm Quốc tế. Tôi đứng xếp hàng hơn nửa tiếng đồng hồ và được múc cho một ly *xúp* hành pha từ bột trong hộp, không có cái, và trông tương tự như *xúp miso* của Nhật. Tôi hơi thất vọng, nhưng mấy đêm sau vẫn tiếp tục đi ăn cháo – để nhớ ngày . . . xưa ở Sài Gòn.

Một tối, tôi đứng xếp hàng lấy *xúp* thì một thiếu niên chừng mười sáu, mười bảy tuổi mặt mày sáng sủa rụt rè đến gần,

“Thưa có phải là anh *Ba Hoa*?”

“Trông em quen lắm, nhưng anh chưa nhớ gặp em ở đâu,” tôi ngờ ngợ.

“Em là Lập em chị Khôi Lan con ông bà Lãm nhà ở con đường ngắn từ đường Trương Nguyệt Ánh rẽ vào.”

“A, Lập mà anh không nhận ra. Tại em lớn nhanh như thổi,” tôi tự biện hộ.

“Anh đến nhà hội họp với người lớn nên ít khi thấy mặt em. Gặp anh em mừng lắm, việc chị em giao phó tưởng là không thể làm được không dè lại dễ ợt. Để mai em mang quà tặng anh chị tới tận lều.”

Bác Lãm đã về hưu, là một viên chức chính phủ quan trọng dưới thời Đệ nhất Cộng hòa, và là nhân viên ban chấp hành hội Quảng Bình Tương tế mà tôi được đề bạt làm Tổng Thư ký. Vào dịp bác làm chủ khoản đãi cuộc họp hàng tháng của ban chấp hành, tôi gặp Khôi Lan con gái lớn của bác. Nàng kém tôi một tuổi, dịu dàng và đoan trang, và có mái tóc cắt ngắn và nụ cười đẹp mộc mạc của tài tử Audrey Hepburn trong phim *Roman Holiday* (Kỳ nghỉ ở La Mã). Trước nàng học luật, nay ở nhà quán xuyến việc gia đình, trông nom đứa em duy nhất là thằng Lập, và dành thì giờ săn sóc trẻ mồ côi trong cô nhi viện của các bà xơ bên Khánh Hội.

Từ đó tôi trở thành khách thường xuyên nhà bác Lãm. Đôi khi bác mời tôi ăn tối, bữa ăn thịnh soạn bác gái và Khôi Lan nấu dĩ nhiên ăn dứt phần cơm rẻ tiền ở Đại học xá Minh Mạng, nơi tôi ở lậu sau khi cãi lời cha và bỏ nhà *đi bụi đời*. Tôi và Khôi Lan ngồi nói chuyện ngoài hàng hiên dưới ánh đèn đường xuyên qua kẽ lá của hàng cây trước nhà. Khoảng chín giờ tối, anh người Mỹ thuê tầng lầu nhà bác Lãm về nhà. Căn lầu có cầu thang đi riêng, nhưng anh dừng lại thăm hỏi và chuyện trò với Khôi Lan. Đáng người tầm thước trong bộ y phục hợp thời trang may ở nhà may nổi tiếng Văn Quân trên đường Lê Thánh Tôn, anh nói năng lịch thiệp và luôn luôn chiều lòng nàng. Hôm đầu tiên, nàng duyên dáng giới thiệu,

“Anh Phú nói tiếng Việt cực giỏi nên anh *Ba Hoa* khỏi cần trở tài nói tiếng *Ăng-lê* làm gì cho . . . moi tay.”

“Vài người ngoại quốc bạn tôi nói tiếng Việt lưu loát, nhưng lấy tên Việt thì anh là người thứ nhất,” tôi khen ngợi.

“Tên tôi là Richard Lee Navitage và đổi sang tên Việt là Lê văn Phú. Richard, gọi thân mật là ‘Rich’ nghĩa là giàu có hay ‘Phú,’ và họ Lê thì do tên giữa Lee.”

Anh Phú lớn hơn tôi ba tuổi, tốt nghiệp Học viện Hải quân Hoa kỳ năm hai mươi hai tuổi, và tình nguyện sang Việt nam phục vụ. Ban đầu anh làm việc trên một khu trục hạm đóng ngoài khơi vịnh Bắc Việt và sau đó làm sĩ quan cố vấn bên cạnh lực lượng giang thuyền Hải quân Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Anh mang lon thiếu tá và phục vụ ba nhiệm kỳ liên tiếp. Anh đánh giặc như điên, ngủ đất và ăn cơm gạo sấy (đổ nước vào thành cơm ăn liền) với cá kho và ớt cay như các bạn đồng đội người Việt, và khi về hậu cứ ăn nhậu và kể chuyện tiểu lâm bằng tiếng Việt không thua kém họ. Từ các tiệc nhậu tẩy trần đó, anh học được chuyện khôi hài,

Bốn anh Pháp, Mỹ, Việt, và Tàu ngồi uống bia với nhau. Bỗng có bốn con ruồi bay vào ly bia của các anh. Anh Pháp, dân nổi tiếng hào phóng, bèn đổ bia và vứt bỏ cái ly. Anh Mỹ, dân có tiếng thực tế, đổ bia nhưng giữ cái ly lại. Anh Việt nam, dân vốn cần kiệm, vứt con ruồi ra liệng bỏ rồi tỉnh bơ uống hết ly bia.

Cuối cùng, anh Tàu, dân vốn ở dơ và bần tiện, vứt con ruồi ra và đưa lên miệng nút lấy nút để. Sau khi ruồi hết sạch bia, anh ta mới nhắm nhấp ly bia.

Sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, anh Phú về Hoa kỳ rồi giải ngũ và trở lại Sài gòn làm việc cho văn phòng Tùy viên Quân sự (Defense Attaché's Office hay DAO) trong phi trường Tân Sơn Nhứt. Anh thuê và ở trên tầng lầu nhà bác Lãm, đó là thời gian tôi gặp và quen anh. Anh làm gì ở DAO, tôi không hỏi và anh cũng không nói. Chỉ biết rằng anh hết lòng giúp đỡ Khôi Lan, cung cấp thực phẩm, áo quần, và thuốc men cho các em cô nhi của nàng.

* * *

Sáng hôm sau, Lập đến lều tôi và mang theo nửa tá khăn *mù-soa*, góc khăn thêu tỉ mỉ một đôi loan phượng quấn quít vào nhau,

“Chị Lan em nói không dự được đám cưới anh chị nên xin gửi quà tặng trễ.”

“Khôi Lan và ba má đâu? Làm sao em tới đây?”

“Ngày 27 tháng Tư, trước khi trả nhà ra đi, anh Phú năn nỉ gia đình em rời khỏi Sài gòn, *anh* sẽ lo liệu tất cả. Ba má nhất quyết không đi, chị Lan ở lại với ba má nhưng xin cho em đi với anh Phú. *Anh* đưa em vào tòa Đại sứ Mỹ nhờ nhân viên đưa em đi vì *anh* có công tác quan trọng cần làm. Giờ em ở bên trại Andersen với tư cách thân nhân của *anh*.”

Lập ra về để lại trong lòng tôi nhiều nghi vấn về Khôi Lan. Thấy vẻ mặt dớn dác lo ngại của tôi, Quỳnh Châu thương hại bật cười,

“Chồng ngỡ ngáo thấy mà thương! Anh đừng lo, em biết hết chuyện và lại thương anh nhiều hơn. Anh có biết anh Phú đã đề nghị kết hôn mà chị Lan nặng lòng với anh nên không *ưng* không?”

“Anh nghe phong thanh và tránh không gặp Khôi Lan để nàng dễ quyết định,” tôi mừng như cởi tấm lòng.

“*Chỉ* biết anh cố tình lánh mặt nên một hôm lấy hết can đảm vào Chợ Lớn đến Đại học xá tìm gặp anh. Xui cho *chỉ*, trong phòng tiếp khách đã có một thiếu phụ đài các và duyên dáng đến trước và ngồi đợi anh. *Chỉ* đau lòng gạt nước mắt lặng lẽ ra về.”

“Anh nghe bạn Đại học xá nói mà không nghĩ ra cô gái đến tìm rồi bỏ về là ai. Người đến trước là chị Huyền mà có lần anh đã kể em nghe. Tuy có cảm tình sâu đậm với anh, nhưng chị ấy mắc chứng cuồng dâm và *phua la-me* với hầu hết các bạn anh,” tôi nhớ lại chuyện ngày trước; “*phua la-me*” nói lái thành *phe la-mua* (“*faire l’amour*” tiếng Pháp là làm tình).

Tôi còn một thắc mắc cuối cùng,

“Làm sao cô vợ dễ thương lại *rành sáu câu* như *dzậy*?”

“Trước ngày đám cưới mình, chị Lan đến nhà thăm và chúc mừng em. *Chỉ* đẹp và dễ thương *dễ sợ*; chồng vì yêu em, dù chưa một lần tỏ tình hay hứa hẹn, mà không xiêu lòng thì thật xứng đáng để em trao cuộc đời,” Quỳnh Châu cười tít mắt.

“Làm sao Khôi Loan biết em và chuyện hai đứa mình?” tôi chưa hết băn khoăn.

“Em hỏi anh hội Quảng Bình Tương tế có bao nhiêu người tai to mặt lớn như bác Lãm và cha, và làm sao nhóm người lớn đó không quen biết nhau cho được? Sau khi chị Lan từ chối lời cầu hôn của anh Phú, bác Lãm gái đến thăm mẹ. Chuyện gì mà qua mắt được các bà, kể cả cái bà *xỉ xỉ* (tí tẹo) dễ thương này?”

* * *

Tôi không gặp lại Lập hay anh Phú. Mười năm sau cuộc di tản đời 1975, một số cựu sĩ quan cao cấp của Hải quân VNCH và Hoa kỳ viết kể lại vai trò của anh Phú,

Trong mấy ngày cuối cùng của VNCH, sứ giả mật của bộ Quốc phòng Hoa kỳ là Richard Navitage bí mật họp với viên chức cốt yếu của Hải quân VNCH, vạch kế hoạch đưa ra khỏi Việt nam “càng nhiều chiến cụ càng tốt,” và thỏa thuận Côn Sơn là địa điểm tập trung của hạm đội khi di tản.

Chiều ngày 29 tháng Tư, Navitage theo trực thăng của chiến dịch Gió Thường Hay Thổi (Frequent Wind), đáp xuống chiến hạm USS Blue Ridge thuộc Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ là tàu chỉ huy chiến dịch, và yêu cầu Đề đốc tư lệnh liên lạc với Ngũ giác đài để xác nhận sứ mạng tối mật của ông. Chiến dịch này di tản nhân sự Việt Mỹ và các quốc gia thứ ba ra khỏi Sài Gòn.

Navitage chuyển sang USS Kirk vào nửa đêm 30 tháng Tư và ra lệnh cho chiến hạm này chở tới Côn Sơn để lên tàu HQ-3 là soái hạm của hạm đội VNCH. Từ HQ-3, ông phối hợp lực lượng Hải quân hai nước, điều động nhân lực và vật lực của bộ Quốc phòng Hoa kỳ để vớt người và bảo vệ và tiếp tế cho đoàn tàu, thương thảo với chính phủ Phi Luật Tân, và đưa đoàn người đến vịnh Subic ở Phi và đảo Guam an toàn.



Thì ra anh Phú là ân nhân của tôi và hơn ba chục ngàn người trên đoàn tàu VNCH. Đầu thập niên 1980, anh giữ chức Phụ tá Bộ trưởng bộ Xxxx khi chương trình Ra Đi Có Trật tự (ODP) cho phép người Việt nhập cảnh Hoa Kỳ tiến hành. Năm 2001, sau khi Thượng viện phê chuẩn cho anh giữ chức Thứ trưởng bộ Yyyy, tờ Los Angeles Times đăng tải một bài viết về đời tư của anh,

Trong thời gian ông phục vụ ở Đông nam Á, ông và phu nhân, Lanna K. Navitage, xúc động vì cảnh ngộ của các em cô nhi. Ông bà có tám người con, trong đó sáu người là con nuôi. Ông bà cũng làm cha mẹ nuôi tạm thời cho ít nhất là 40 trẻ em khác, và một số em được bà dạy học tại gia. Khách đến nhà ông bà giờ ăn tối sẽ thấy một quang cảnh náo nhiệt. Một cơ quan cổ xúy nhận con nuôi xin trao tặng bằng tuyên dương công trạng, nhưng ông bà từ chối vì không muốn bị chú ý.

Cái tên Lanna K. Navitage (đàn bà tây phương lấy họ chồng khi lập gia đình) và chuyện nuôi dạy trẻ em không cha mẹ khiến tôi ngờ rằng bà thứ trưởng chính là Lan Khôi (viết ngược theo lối Mỹ). Tôi giữ mãi trong trí nụ cười thánh thiện của nàng khi nghe anh Phú kể chuyện “ruồi hết sạch bia.” Trông hai người đẹp đôi làm sao!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng Sáu, 2019

Nỗi Lòng Thiếu Nữ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hai tuần lễ sau khi tôi đặt chân lên đảo Guam, Quốc hội Hoa kỳ thông qua đạo luật Cứu trợ Dân Di cư và Tỵ nạn Đông dương 1975 cấp ngân khoản cho bộ Ngoại giao và bộ Y tế, Giáo dục, và An sinh để xúc tiến chương trình định cư cho những kẻ mất quê hương, và chấm dứt những ngày khắc khoải đợi chờ của họ. Tổng cộng trên 130 ngàn người sẽ được chở bằng máy bay vào bốn trại tỵ nạn ở (lục địa) Hoa kỳ trong chiến dịch Người Mới Đến (New Arrivals) di chuyển và nuôi ăn ở cho đến khi người tỵ nạn đi định cư và hội nhập vào xã hội Hoa kỳ. Mỗi trại do một binh chủng phụ trách điều hành: Căn cứ Không quân Eglin của Không quân ở tiểu bang Florida, Đồn Chaffee của Lục quân ở Arkansas, Trại Pendleton của Thủy quân Lục chiến ở California, và Đồn Indiantown Gap của Hải quân ở Pennsylvania.



It ai biết rõ địa điểm trại tỵ nạn có ảnh hưởng thế nào đến việc định cư và tương lai của mình; đối với nhiều người, lựa chọn trại sẽ đến không phải là chuyện dễ dàng. Trong cuộc bàn tán về đêm ở “Ngã Năm Quốc tế,” anh Bảng là người lớn tuổi và hay than phiền nhất bọn càu nhàu,

“Mấy anh Mỹ thật rắc rối! Sao không chỉ định quách cho xong, chứ dân ngu khu đen như đám ‘danh ca’ thì biết nơi nào nơi nào mà chọn với lựa?” “Danh ca” (“đánh cá” không bỏ dấu tiếng Việt) là lối gọi mỉa những người làm nghề chài lưới.

“Anh trở thành ông cụ khó tính nhất thiên hạ lúc nào vậy? Người ta cho anh tự do lựa chọn, anh than phiền; nếu mà bắt anh đi chỗ không vừa ý, anh có chịu yên không?” anh Hán cười trêu anh Bảng và bồi thêm, “Thế mới biết,

Ở sao cho vừa lòng người

Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.” (Ca dao)

“Con nhà Bảng khéo lo bò trắng răng, cha nó lú thì chú nó khôn, ‘danh ca’ i tờ rít thì đã có cha xứ ‘nằm’ cố vấn tối cao. Chỉ có mấy tên ‘trí thức tiểu tư sản’ đầu có sạn như mình mới lo lắng bàn tới bàn lui mỗi miệng mà chẳng đến đâu,” anh Luật hòa theo chọc quê anh Bảng.

Anh Bảng bực mình hỏi vặn,

“Vậy cậu đi nơi nào và tại sao, nói thử tôi nghe?”

“Tôi đi Đồn Chaffee ở Arkansas. Tiểu bang đó nằm cạnh Kansas là nơi tôi sống chín tháng khi theo học lớp Chỉ huy Tham mưu cao cấp tại Đồn Leavenworth. Dễ như bỡn ấy mà!” anh Luật trả lời rồi quay sang hỏi tôi, “Còn cậu Ba Hoa tính ‘nằm thao’?”

“Em đi Trại Pendleton. Chọn California vì em có nhiều bạn đồng nghiệp đã du học tại Đại học Tiểu bang California - Long Beach và hy vọng sẽ móc nối kiếm được chân dạy học tại đó.

Quỳnh Châu tốt nghiệp Đại học Stanford ở bắc California, và gia đình anh Leon bạn em cũng ở đó. Anh ấy đang ở bên Nhật và sẽ bay về Mỹ gặp em sau khi em tới nơi,” tôi đã bàn với Quỳnh Châu và dự tính từ trước.

“Vậy tôi cũng đi California như cậu,” anh Hán suy nghĩ một lát rồi nói.

“Tôi cũng đi California. Xong rồi,” anh Bằng quyết định nhanh chóng không ngờ.



Tôi chợt thấy một thiếu nữ nãy giờ lảng vảng sau lưng tôi. Tôi ngoảnh cổ nhìn và bắt gặp một đôi mắt long lanh mà rụt rè; nàng bước lại chào với giọng nói run run,

“Thưa thầy . . . Em là Vân Bình học lớp đệ nhị niên ban điện tử.” Nàng là một sinh viên xuất sắc học với tôi niên khóa vừa qua ở Phú Thọ, và nếu không mất nước, sẽ là một nữ kỹ sư điện tử đầu tiên tốt nghiệp tại Việt nam.

“A, chị Bình, tôi nhớ trong lớp chị ngồi ở bàn đầu và học rất giỏi. Trên tàu Hải quân tôi có gặp Ninh học cùng lớp với chị.”

“Dạ, em gặp Ninh và được Ninh cho biết. Mấy hôm nay em ra đây mà chỉ đứng xa xa nhìn không dám lại chào thầy,” nàng rơm rớm nước mắt.

“Sao vậy? Tôi ít có thì giờ chuyện trò với sinh viên, nhưng trong trường luôn luôn xem mình là đàn anh của các anh chị thôi. Chị đi với ai, gia đình đâu?”

“Dạ, em lạc ba má và đi với thằng em,” nàng khóc rờn kể lại cuộc ra đi bất ý của chị em nàng.

Cha Vân Bình trước là hạ sĩ quan phục vụ trong quân đội, đánh giặc bị thương, và giải ngũ ở nhà trông nom cửa hàng tạp hóa giúp vợ. Vân Bình lớn nhất nhà, và hai em thì đứa lớn mười bốn tuổi và con bé út chín tuổi. Ngày 30 tháng Tư, cha nàng đưa gia đình ra bến tàu Sài Gòn tìm đường di tản. Từ nhà ở Gò Vấp, Vân Bình đi xe gắn máy chở cậu em, và cha nàng chở vợ và bé út bằng chiếc xe thứ hai. Khi đến gần trung tâm thành phố, hai xe lạc nhau trong cảnh náo loạn súng nổ đạn bay. Vân Bình lo sợ quay xe trở lại tìm cha mẹ và đi lạc loang quanh một hồi lâu thì bất ngờ ra được bến tàu. Nàng vừa khóc vừa hỏi người chung quanh xem có ai trông thấy cha mẹ nàng ở đâu không. Một quân nhân chỉ vào chiếc ghe nằm sát bờ bảo theo ghe ra chiếc tàu đậu giữa sông, biết đâu cha mẹ nàng đã lên tàu. Nàng nghe lời dắt em lên tàu, chưa kịp tìm thì tàu đã ra đi. Hai chị em thành bơ vơ không cha không mẹ.

Cảnh ngộ đáng thương của cô học trò mười chín tuổi lần đầu tiên ra khỏi tầm tay cha mẹ khiến tôi xúc động và nắm tay nàng an ủi. Vân Bình ôm tôi khóc nức, vai áo tôi ướt đẫm nước mắt.

Khi cơn đau buồn dịu lại, nàng bẽn lẽn buông tôi ra,

“Xin lỗi thầy, đáng lẽ em không được làm phiền thầy.”

“Không sao đâu, chị cứ khóc đi cho vơi bớt lo buồn. Chị sẽ đi trại nào bên Mỹ?”

“Dạ em không biết. Từ nhỏ đến lớn, chưa bao giờ em phải quyết định việc gì cho mình.”

“Tôi có ý kiến này: Hay là chị nhập bọn với vợ chồng tôi và bốn đứa em đi Trại Pendleton; mình sẽ nương tựa lẫn nhau. Cô em gái tôi cũng tên Bình, nhưng là Ngự Bình vì nó sinh ra ở Huế. Chị và chú em sẽ giống như em trong gia đình tôi.”

Vân Bình suy nghĩ khá lâu rồi lay tay tôi,

“Thầy không cần hỏi ý kiến cô hay sao?”

“Không cần, nếu vợ tôi biết hoàn cảnh của chị, cô ấy càng mong chị và chú em đi chung,” tôi biết Quỳnh Châu rất hay giúp người.

“Những lời thầy nói với đứa học trò bất hạnh này là cả một niềm khích lệ vô biên, trên cả mọi điều em từng mơ ước, và đủ cho em thấy đời đáng sống. Nhưng xin cho em không nhận lời thầy. Em ở chung lều với gia đình một bác Hải quân; vợ chồng bác nói sẽ bảo bọc hai chị em đi Pennsylvania,” tôi nghe như nàng nói không thật lòng.

“Nếu vậy, chị phải hứa với tôi một điều: Chị sẽ phấn đấu trở lại đại học để không mai một tài năng của mình. Đầu óc dân Phú Thọ mình không thua kém bất cứ thiên tài khoa học nào trên thế giới cả. Nhớ *nghen*.”

* * *

Mùa hè năm 1985, làm kỹ sư kế hoạch cho một công ty tiện ích, tôi được gửi đi dự khóa học theo lối hội thảo về phương pháp giải những bài toán liên quan đến hệ thống điện lớn. Khóa học do trường Kỹ sư của Đại học Tiểu bang Ohio ở thủ phủ Columbus tổ chức và giảng dạy. Tài liệu quảng cáo giới thiệu giảng viên chính,

Tiến sĩ B.V. Erickson, Giáo sư Dẫn giảng, là một chuyên gia có thẩm quyền nhất thế giới về ngành này. Lúc gia nhập ban giảng huấn Đại học Tiểu bang Ohio, bà là vị giáo sư trẻ tuổi nhất trong lịch sử của viện đại học. Bà đã đoạt nhiều giải thưởng của các hội chuyên gia kỹ thuật điện ở Hoa kỳ và trên thế giới.

Tôi ngạc nhiên sững sờ khi bước chân vào lớp buổi học đầu tiên: vị giáo sư trẻ tuổi nổi danh ấy là cô học trò cũ của tôi – Vân Bình. Học viên lễ phép gọi nàng là “Tiến sĩ Erickson” hay “Giáo sư Erickson,” và không ai thắc mắc tên viết tắt “B.V.” là gì. Tôi đoán đó là “Bình Vân” và Erickson là họ chồng nàng; đàn bà tây phương lấy họ chồng khi lập gia đình. Khóa học kéo dài từ thứ Hai đến trưa thứ Sáu, chiều thứ Sáu học viên ra phi trường bay về nhà trước cuối tuần. Chương trình học cô đọng từ một giảng khóa cao học dạy suốt một lục cá nguyệt nên cả giảng viên lẫn học viên đều phải tận dụng mọi thì giờ trong lớp để có thể bao quát mọi đề tài cần thiết, và tôi và Vân Bình không có dịp nói chuyện riêng với nhau. Sáng thứ Năm, nàng xuống bàn lạng lẽ đưa cho tôi tờ giấy nhắn bằng tiếng Anh hẹn đi ăn tối.

Vân Bình đến đón tôi ở khách sạn trong chiếc áo dài màu trắng đơn sơ trông không khác gì cô sinh viên rụt rè e lệ ngày trước ở Phú Thọ. Trước khi tôi tìm ra cách xưng hô thích hợp bằng tiếng Việt, nàng run run,

“Thưa thầy, em xin được gọi thầy bằng ‘anh’ và xin . . . anh coi em như chị Ngự Bình.”

“Vậy thì còn gì hay bằng! Anh cũng đang băn khoăn không biết gọi . . . bà thầy làm sao cho thích hợp. Nếu dựa vào câu *nhất tự vi sư, bán tự vi sư* (dạy một chữ cũng là thầy mình, dạy

nửa chữ cũng là thầy mình), hai đứa mình ở trong nghịch lý không rõ ai thầy ai trò,” tôi mỉm cười trút đi một gánh nặng.

“Anh khéo nói đùa thì thôi, khi nào mà em không kính trọng anh là thầy em,” đôi mắt nàng sáng lên, và nàng tóm tắt cuộc sống mười năm qua, “Từ đảo Guam, em đi Đồn Indiantown Gap. Ở trong trại gần hai tháng, hai chị em được vợ chồng ông giáo sư viện Đại học Pennsylvania ở thành phố Philadelphia bảo trợ, và em được tiếp tục đi học, mà lại học trường *Ivy League* tầm tiếng đó. Nhớ lời căn dặn thương yêu của anh, em học ngày học đêm nên từ năm thứ ba kỹ sư đến khi trình luận án tiến sĩ mất không tới năm năm.”

“Ivy” là dây thường xuân, và “Ivy League” là nhóm trường đại học lâu đời và nổi tiếng ở miền đông bắc Hoa kỳ như Đại học Pennsylvania, Đại học Harvard, Đại học Princeton, v.v. Ở những trường này, các tòa nhà cổ bằng gạch có dây thường xuân leo bao phủ trên tường. Tôi không thấy Vân Bình đeo nhẫn cưới nên hỏi dò,

“Bình lấy họ mới Erickson hồi nào mà không mang ông xã theo cho vui?”

“Không phải đâu anh, ai mà thèm lấy em! Trong hai năm đầu tiên, em tận lực dò hỏi tin tức ba má và cuối cùng gặp người hàng xóm cũ tận mắt thấy ba má và nhỏ út bỏ mình vì đạn lạc trên đại lộ Hàm Nghi gần bến tàu. Ông bà bảo trợ không có con nên xin nhận hai chị em làm con nuôi, vì vậy em mang họ Erickson gốc gác bên Na Uy. Em thành đạt hôm nay là do hồi đó dun rũi chọn đi Pennsylvania, và do lúc nào cũng nghĩ tới anh.”

Tôi nhớ lại lần cuối gặp Vân Bình và thắc mắc,

“Tại sao Bình không đi Trại Pendleton với gia đình anh?”

“Anh bắt em phải thú thật hay sao? Hồi đi học, em không nhút nhát hay e thẹn như anh tưởng. Ngày học trung học ở trường Lê văn Duyệt, em chọc phá như điên, thầy cô nào cũng ngán. Lên đại học, em dạn dĩ như con trai và sẵn sàng cãi tay đôi với bất cứ giáo sư nào – trừ anh ra. Hồi đó anh nghiêm thật nghiêm, em và các bạn chưa bao giờ thấy anh cười. Không biết sao khi anh vào lớp dạy là em im thín thít mở miệng không ra, mong được anh chiếu cố nhìn xuống một lần là em vui cả tuần. Tụi bạn nói em phải lòng ông ‘Ba Bông héo’ – cái tên em đặt riêng cho anh. Đó là lý do em tới Ngã Năm Quốc tế tìm gặp anh,” nàng cười thẹn thùng.

“Anh yêu mến học trò và hết lòng giảng dạy, nhưng anh trẻ tuổi và vụng về trong việc giao tiếp nên cố tình nấp sau bộ mặt xa cách lạnh nhạt cho . . . yên thân,” tôi giải thích.

“Em biết mà! Sau khi tò mò tìm hiểu đời tư của anh và biết rõ mối tình bất hủ của anh và chị Quỳnh Châu, em tự hứa sẽ không bao giờ xen vào giữa làm phiền anh chị. Khi gặp em ở đảo Guam, anh tốt bụng đến nỗi kêu ngay con nhỏ đi chung với gia đình anh. Em sung sướng tột cùng và càng quý trọng và yêu anh nhiều hơn. Xuýt nữa em nhận lời, nhưng đột nhiên trong đầu có tiếng nhắc nhở, ‘Không được, không thể làm phiền, và phải sống xa anh chị ấy.’ Em đi Pennsylvania; đó là chỗ xa anh nhất.”

Tôi không khỏi tự hỏi, nếu lúc đó nàng thuận đi California với chúng tôi, cuộc đời nàng sẽ ra sao. Ông Trời có lối sắp đặt bí ẩn cho từng người dưới trần thế. Để ai đoán được ý ông xanh.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 3 tháng Bảy, 2019

Lùi Lại về Tương Lai

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Năm, bộ chỉ huy trại Orote Point mỗi ngày tổ chức hai chuyến du ngoạn đảo Guam để giúp dân tỵ nạn tìm hiểu thêm về Hoa kỳ. Ít người hưởng ứng các chuyến du ngoạn này vì đa số không ai có lòng dạ nào mà “đi chơi” trong khi chưa rõ ràng về tình trạng pháp lý, không có một mảnh giấy tùy thân nào do chính phủ Mỹ cấp, và chỉ ngồi trên xe chạy vòng vòng và không được xuống xe. Một buổi chiều đầu tháng Sáu, sau khi ăn trưa, tôi và Quỳnh Châu lên xe buýt đi du ngoạn, tha hồ chọn chỗ ngồi vì xe còn khá nhiều ghế trống. Bên ngoài nắng chói chang và bên trong xe nóng hầm hập khiến ai nấy đều buồn ngủ.

Đây là lần đầu tiên tôi thực sự nhìn thấy nước Mỹ bên ngoài trại Orote Point. Xe buýt chạy qua các đường phố rộng, sạch sẽ, và vắng xe, trong lúc một anh thiếu úy trẻ qua lời thông dịch viên giảng giải về những địa điểm đi qua. Toàn đảo Guam có 19 làng, và thủ phủ là làng Agana; đó là nơi đặt văn phòng thống đốc và tòa nhà nghị viện. Không giống như hầu hết nghị viện của các tiểu bang Hoa kỳ, Nghị viện Guam chỉ gồm một viện, đại biểu gọi là thượng nghị sĩ. So với Sài Gòn, hòn đảo này vắng bóng những tòa nhà tráng lệ, những con đường đông đúc với đủ thứ xe cộ chen nhau chạy nườm nượp, những đường phố đầy dẫy hàng quán với khách bộ hành đi lại tấp nập, v.v. Guam nhỏ bé giống như Tuy Hòa, thành phố hiền hòa và sạch sẽ ở miền Trung gia đình tôi sống hơn năm năm.

Khi xe lần lượt chạy qua trường Đại học Guam và trụ sở cục Điện lực Guam trong làng Mangilao ở mé đông của đảo, Quỳnh Châu hích nhẹ vào tay tôi,

“Sở làm tương lai của chồng kia kìa. Tha hồ chọn lựa, muốn trở lại nghề gõ đầu . . . sinh viên cũng được, mà làm ông kỹ sư làm oai làm tướng với thợ điện cũng xong.”

Quỳnh Châu che miệng cười. Tôi chợt tỉnh ngủ, trong đầu lóe lên một tia hy vọng. Ngay cả hòn đảo nhỏ bé này cũng có trường đại học và cơ quan điện lực thì những thành phố nhỏ dân số dưới một trăm ngàn thiếu gì cơ quan để vợ chồng tôi có thể xin việc làm thích hợp với khả năng. Biết đâu trời thương sẽ cho tôi thực hiện điều ước mơ nhiều năm qua: Tôi vốn là cậu bé nhà quê chất phác và thích yên tĩnh và từ ngày về Sài Gòn học và làm việc, luôn luôn mong được trở về Huế sinh sống. Tôi rời Huế tháng Năm 1963 và chưa một lần về thăm lại. Mùa hè sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, tôi làm đơn xin ra dạy ở Đại học Huế, nhưng không được chấp thuận. Từ đó, thỉnh thoảng tôi nằm ngủ mơ thấy mình đứng trước một tấm bia lớn trước bãi cỏ xanh mướt rộng như sân vận động có hai hàng cây cao ở hai bên và tòa nhà lớn hình hộp diêm ở đằng sau.

Tôi không thổ lộ cho ai biết mơ ước sống ở tỉnh nhỏ của mình. Buổi tối tụ họp ở “Ngã Năm Quốc tế,” anh Bằng phác họa chương trình thành lập khu phố Việt nam, tương tự như phố Tàu ở các thành phố lớn của Hoa kỳ, có chợ bán đồ ăn, tiệm ăn, trường dạy Việt ngữ, nhà kính trồng rau, v.v. Lúc ra đi, anh mang theo hạt giống các rau cải và hoa quả Việt nam, và dự định định cư

ở Los Angeles thuộc tiểu bang California là thành phố lớn thứ ba của Hoa Kỳ. Anh Hán mỉm cười kê tủ đứng vào miêng anh Bằng và kéo anh về thực tại,

“Anh đừng tưởng bở mà vội xây lâu đài trên cát. Los Angeles chưa chắc là miền đất hứa vì California đang ở trong tình trạng suy thoái kinh tế, mức thất nghiệp cao, và hãng xưởng thi nhau đóng cửa. Thống đốc, nghị viện, và dân chúng theo đuôi bọn tài tử Hollywood phản đối chiến tranh Việt nam và thiên về phe Cộng sản miền Bắc nên anh sẽ phải thấp đuốc đi tìm một người dân California có thiện cảm với mình.”

Chuyện định cư chưa tới, hiện tại mối lo lớn nhất là mùa bão ở Thái bình dương sắp bắt đầu, và lẽu vải nhà binh không phải là nơi trú ẩn khi bão tới. (May thay, trời thương dân tỵ nạn nên năm 1975 đảo Guam không hề bị bão.) Trong những ngày kế tiếp, chúng tôi được gọi đi làm giấy tờ để vào đất liền. Gia đình tôi ở Khu 5 là khu cuối cùng nên phải đợi hơn hai tuần lễ mới đến phiên mình. Chúng tôi xếp hàng trước *trailer* (nhà *ro-moóc*) dùng làm văn phòng tạm thời của Sở Di trú và Nhập tịch (hay INS) thuộc Bộ Tư pháp. Để che nắng mùa hè thiêu đốt cho hàng người rất dài, người ta đóng một hành lang khá dài bằng gỗ, bề ngang đứng được năm sáu người, có sàn, mái che, và tay vịn hai bên. Người đợi có thể đứng hay ngồi bệt xuống sàn, và tha hồ đọc những lời nhắn tin tìm thân nhân trên mặt gỗ và ghi thêm mẫu nhắn tin của mình vào những chỗ còn trống.

Sau khi được nhân viên INS phỏng vấn, mỗi người được cấp mẫu I-94, tức là Thẻ Ghi Đến - Đi, dùng để theo dõi những chuyến đến và đi khỏi Hoa Kỳ của người không phải là công dân hay ngoại kiều thường trú. Mẫu I-94 ghi tên họ, chi tiết cá nhân, và tư cách pháp nhân là “*parolee*.” Ra khỏi văn phòng, cầm mẫu I-94 của cả gia đình trong tay, tôi nhăn nhó với Quỳnh Châu,

“Em à, mình bị họ liệt kê vào hạng *parolee* hay tù nhân tạm dung (được tha tạm). Có đáng buồn không?”

“Chồng nói gì em không hiểu,” nàng đưa mắt dò hỏi.

“Cô vợ dễ thương của anh ơi, ‘*parolee*’ trong tiếng Anh là lời hứa danh dự. *Parolee* là danh từ pháp luật chỉ tù nhân chưa mãn hạn tù mà được phóng thích – vì hạnh kiểm tốt chẳng hạn – với lời hứa sẽ tuân theo một số điều kiện bắt buộc như cấm uống rượu, cấm dùng ma túy, và cấm tiếp xúc với trẻ em nhỏ tuổi. Nếu bất tuân sẽ bị bắt vào tù trở lại.”

“Theo quốc tế công pháp, kẻ di tản như mình không được hưởng quy chế tỵ nạn vì dưới mắt Liên hiệp quốc, mình trốn thoát ra khỏi nước vì ‘chính thể đối’ chứ không bị bạc đãi bắt bớ hay tù đầy vì lý do chính trị. Sở Di trú và Nhập tịch đặc cách cho phép nhập nội và sinh sống ở Hoa Kỳ, nhưng chưa cho vào ngoại kiều thường trú là vì vậy. Với tư cách *parolee* hay ngoại kiều tạm dung, nếu vi phạm các điều kiện luật định, trên nguyên tắc có thể bị trục xuất và trả về Việt nam. Chồng em giỏi tiếng Anh thấy khó chịu, nhưng đừng *théc méc* quá mà . . . hao tổn mình *dzàng!*”

Ngày thứ Tư 18 tháng Sáu, sau bốn mươi ngày lấy trại Orote Point làm nhà, chúng tôi được đưa qua trại Andersen bên căn cứ Không quân Andersen ở mé bắc đảo Guam, chờ nửa ngày trời, và đến mười giờ tối được gọi ra đứng xếp hàng lên máy bay. Gia đình tôi xếp hàng đầu, đằng sau hàng rào chắn. Khoảng mười một giờ, một anh sĩ quan trẻ cầm danh sách hành khách đột nhiên bước tới chỉ mặt tôi hỏi,

“Ông nói tiếng Anh được không?”

“Được. Anh cần tôi làm gì?” tôi trả lời như một phản xạ.

“Ông sẽ làm thông dịch viên cho chuyến bay này. Mời ông và gia đình lên máy bay trước.”

Anh sĩ quan mở rào cản đưa chúng tôi lên máy bay và giới thiệu với cô tiếp viên hàng không chính; tôi thành thông dịch viên có nhiệm vụ dịch ra tiếng Việt các thông báo của phi hành đoàn qua hệ thống truyền thanh chỗ đông. Chiếc DC-10 của hãng Hàng không Northwest Orient cất cánh vào lúc nửa đêm (rạng ngày 19). Trong khi gần 300 người khác ngồi ngủ gà ngủ gật trên ghế, tôi chống mắt rán thức để sẵn sàng chuyển lời tiếp viên. Đây là lần đầu tiên đi chuyến bay quốc tế nên có nhiều danh từ tôi hiểu nhưng tức thời không biết dịch sao cho đồng bào hiểu. Quỳnh Châu cùng thức với tôi và nhắc những chữ không quen thuộc; nàng thủ thỉ, “Em thức cho chồng có bạn.”

Phi cơ ghé lại phi trường Honolulu, thủ phủ và thành phố lớn nhất của tiểu bang Hạ Uy Di, để lấy thêm nhiên liệu; hành khách phải ngồi trên máy bay và không được ra ngoài. Sau tổng cộng khoảng 12 tiếng đồng hồ, máy bay đáp xuống một phi trường quân sự ở nam California. Cô tiếp viên hàng không chính từ giã hành khách bằng câu nói thiết tha,

“Chào mừng quý vị đến tiểu bang California chan hòa ánh nắng. Chúc quý vị may mắn trong những ngày sắp tới.”

Mặt trời đang lặn sau dãy núi xanh thẫm và chiếu lên bầu trời các tia nắng cuối trong ngày; California sắp chính thức bước vào mùa hè, tôi nói thầm. Gia đình tôi lên chuyến xe buýt cuối cùng về Trại Pendleton, “nhà” của chúng tôi trong hơn hai tháng kế tiếp. Trời tối mịt khi chúng tôi làm thủ tục nhập trại.

* * *

Cuối tháng Tám, chúng tôi xuất trại đi định cư ở thành phố Bismarck, thủ phủ tiểu bang North Dakota, dưới sự bảo trợ của nhà thờ Ba Ngôi Lutheran. Mục sư nhà thờ cùng họ đạo ra đón chúng tôi ở phi trường, đưa về nhà thuê trang bị đầy đủ bàn ghế tủ giường với chiếc tủ lạnh lớn trong nhà bếp chứa đầy thức ăn, và mở tiệc tiếp tân tưng bừng với bích chương và lời chào mừng nồng nàn. Tôi ngạc nhiên khám phá ra hôm nay là thứ Năm 21 tháng Tám. Trang lịch trong cuốn sổ hoạch định bỏ túi năm 1975 tôi mang theo trong mình và đánh dấu mỗi ngày, cũng như ô vuông chỉ ngày trong chiếc đồng hồ đeo tay Seiko tự động tôi mang thường trực trên tay, lại ghi rõ ràng là thứ Sáu 22 tháng Tám. Thật khó tin, một ngày biến đi đâu mất?

Ba tuần sau khi đến Bismarck tôi mới có dịp đi dạo quanh thăm viếng thành phố với Quỳnh Châu. Bismarck đẹp đẽ êm ả và hiền hòa không kém gì Tuy Hòa yêu dấu ngày trước. Tôi há hốc mồm khi đến trước tấm bia với quang cảnh nằm mơ thấy hai năm trước. Hàng chữ nổi khắc trên tấm bia: “North Dakota Capitol.” “Capitol” viết hoa chỉ tòa nhà Quốc hội Hoa kỳ nhóm họp tại Hoa Thịnh Đốn, và “capitol” viết thường chỉ tòa nhà nghị viện tiểu bang nhóm họp hay, trong trường hợp North Dakota, là khu nhà chính quyền tiểu bang (gồm thống đốc, nghị viện, và tối cao pháp viện) thi hành phận sự. Không như *capitol* các tiểu bang khác có mái vòm bán nguyệt, *capitol* North Dakota là một tòa nhà 21 tầng hình hộp diêm đơn giản. Thực ra, ngày

trước *capitol* North Dakota cũng có mái vòm, nhưng năm 1930 bị cháy và khi được xây lại, dân North Dakota vốn cần kiệm và thiết thực quyết định xây *capitol* mới hình hộp diêm để khỏi phạm khoảng không gian trống trên mái vòm. (Về tính dè xẻn này, tôi đồng hóa theo dân North Dakota lúc nào không hay.)

Điều thắc mắc tại sao một ngày trong đời tôi biến mất chìm vào quên lãng cho đến gần hai mươi năm sau, khi tình cờ tôi nghe hai người bạn bàn cãi về câu hỏi: đảo Guam là điểm cực tây hay cực đông của lãnh thổ Hoa kỳ? Hai ý kiến trái ngược nhau, nhưng cả hai đều đúng. Nếu tính theo chiều di chuyển, Guam là điểm cực tây nằm phía trái cùng trên bản đồ. Tuy nhiên, nếu tính theo múi giờ từ kinh tuyến gốc (kinh tuyến 0° chạy qua Greenwich ở Anh quốc), Guam là điểm cực đông: Theo múi giờ từ đông sang tây, một ngày ghi trên lịch bắt đầu trước tiên ở Guam; 17 tiếng đồng hồ sau, ngày đó mới bắt đầu ở California; và ba tiếng đồng hồ nữa, ngày đó mới bắt đầu ở Hạ Uy Di. Guam và Hạ Uy Di gần nhau về khoảng cách địa lý, nhưng nằm hai bên kinh tuyến 180° phân chia đông - tây.

Năm 1975 tôi rời khỏi Guam lúc “không” (0:00) giờ ngày 19 tháng Sáu, ngồi trên máy bay 12 tiếng đồng hồ, và đáp xuống California lúc bảy giờ chiều ngày hôm trước, tức là ngày 18. Tôi đến nơi trước lúc khởi hành năm tiếng đồng hồ, *lùi lại về tương lai*, và sống ngày 19 đến hai lần. Nếu bảo *thì giờ là vàng bạc* thì trong cuộc di cư đổi đời tôi . . . lời thấy rõ. Tôi *cù lần* nên không biết đó thôi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Bảy, 2019

Kẻ Trở Cờ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trên chuyến bay từ đảo Guam đến nam California, tôi được chỉ định làm thông dịch viên chuyển đạt thông báo của phi hành đoàn. Khi chiếc DC-10 đáp xuống phi trường, gia đình tôi được mời xuống máy bay trước tiên, nhưng được yêu cầu đứng ở chân cầu thang đến khi hành khách sau cùng ra ngoài để phòng trường hợp có người cần thông dịch. Dòng người hối hả bước xuống và được hướng dẫn vào khu tiếp đón là một nhà kho trống, và không mấy ai để ý đến chàng thông dịch viên bất đắc dĩ mặt mũi bơ phờ vì mệt mỏi và thiếu ngủ. Đầu óc mụ đi, tôi giật mình khi nghe tiếng đàn bà dịu dàng,

“Ba Hoa, em nói tiếng Anh giỏi quá, nghe hay như người Mỹ. Cám ơn em.”

Tôi ngược mặt nhìn, đó là cô Tâm dạy Việt văn năm tôi học đệ nhị (lớp 11) trường trung học Ban Mê Thuột. Dạo ấy, cô là giáo sư tôi ưa chuộng nhất. Năm sau tôi lên đệ nhất (lớp 12), không còn học với cô, được bầu làm Chủ tịch ban Đại diện học sinh, và chủ trương tờ báo học sinh phát hành hàng tháng. Tôi và một thằng bạn cùng lớp viết chung mục tường thuật sinh hoạt học đường, và với giọng văn trào phúng châm biếm, thằng bạn ấy kể lại tin đồn “thầy Tâm thật tử tế, thích tâm tình,” và “hay cười duyên với học trò khác phái.” Trước khi phát hành báo, chúng tôi được tin cô Tâm nổi giận vì bài báo, và thầy hiệu trưởng ra lệnh cho chúng tôi hủy số báo và đình bản. Nổi máu anh hùng rơm, chúng tôi mang báo xếp thành đống dưới cột cờ giữa sân trường và châm lửa đốt. Kết quả là tôi và đám bạn làm báo bị đưa ra hội đồng kỷ luật và đuổi học hai tuần lễ.

Từ đó đến nay tôi mới gặp lại cô Tâm. Thầy (chồng cô) là kỹ sư công chánh, những năm gần đây tôi nghe nói thầy làm việc ở Long An và cô đổi về đó dạy. Tôi chưa kịp định thần thì cô đã đi qua, tôi thầm nghĩ ra một câu nói hóm hỉnh để trả lời cô,

“Em dịch lời của họ ra tiếng Việt chứ có nói tiếng Anh hồi nào đâu mà cô khen.”

Tôi ngạc nhiên và mừng rỡ khi thấy Ân, anh là đại úy Không quân được quân đội gửi tới học lớp kỹ sư điện của Ngành Điện thuộc Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ. Ân trên ba mươi tuổi, người Nam, *đô con* cao lớn, chăm học và lễ độ, và mới tốt nghiệp. Ân đi với một cô sinh viên cán sự điện trường Đại học Trung cấp tôi không biết tên. Khi đi qua trước mặt tôi, Ân ưỡn ngực đứng nghiêm, đưa tay chào kính theo lối nhà binh, và hô lớn, “Thầy!” như thể đang trình diện thượng cấp.

Tôi nhớ lại khoảng thời gian cuối cùng ở trường Phú Thọ chiều ngày 28 tháng Tư. Sau phiên họp bất thường của hội đồng giáo sư Ngành Điện do tôi chủ tọa chấm đậu và cấp bằng kỹ sư cho sinh viên đệ tứ niên, họ xúm lại vây quanh Minh Trưởng phòng Học vụ chờ tin. Minh cười vui, “Các anh được chấm đậu tất cả rồi! Bây giờ cần giúp tôi cộng điểm và lập văn bằng tốt nghiệp.” Ân đứng riêng rẽ và chăm chú theo dõi tôi đến khi tôi bước khuất vào sau cánh cửa văn phòng làm việc.

Trời tối mịt khi gia đình tôi lên chuyến xe buýt cuối cùng về trại tỵ nạn Trại Pendleton. Trại vốn là trung tâm huấn luyện tân binh Thủy quân Lục chiến Hoa kỳ, thành phố gần nhất là Oceanside. Chiếc xe buýt chạy ngoằn ngoèo qua những dãy *ba-rắc* ("barrack") rồi dừng lại. "Ba-rắc" là danh từ người Việt dùng để gọi các nhà tiền chế bằng tôn mạ kẽm màu trắng nhôm có mái cong hình bán nguyệt chạm tới mặt đất có tên là *chòi Quonset* vì được chế tạo đầu tiên tại Quonset Point thuộc tiểu bang Rhode Island cho Hải quân đầu thập niên 1940. Đám hành khách ngỡ ngác đưa mắt nhìn cửa xe mở toang ra, một anh lính trẻ xuất hiện và loan báo bằng tiếng Anh, "Chào mừng quý vị đến căn cứ chúng tôi. Đây là nơi quý vị sẽ lưu lại. Hy vọng quý vị sẽ cảm thấy an toàn."



Anh lính dùng tay ra hiệu cho đám người tỵ nạn xuống xe và sắp hàng trước trạm quân y trong làn không khí lành lạnh về đêm. Anh lính y tá cầm khẩu súng chích ngừa lớn dí vào cánh tay từng người, tôi không thấy đau nhói và không có cảm giác kim chích vào thịt như trước đây ở Việt nam. Chúng tôi sang trạm kế tiếp nhận lãnh vật dụng cá nhân như khăn tắm, xà phòng, kem đánh răng, chần mền, v.v. trước khi tới nhà bàn ăn cơm. Tôi ăn không thấy ngon miệng, một phần vì đã được cho ăn liên tục trên máy bay, và một phần vì buồn ngủ. Đồng hồ chỉ một giờ sáng khi tôi về lều ngủ trên chiếc giường bố nhà binh và nhắm đôi mắt cận thị *mơ huyền* (mờ) sau ba mươi sáu tiếng đồng hồ liên tiếp chưa hề chớp mắt. Giờ thì trời sập cũng mặc kệ.

Chúng tôi ở trong căn lều nhà binh cuối cùng nằm trên đồi của Trại 3; từ cổng ra vào, trại tôi nằm phía trong cùng xa nhất của Trại Pendleton. Căn lều chỉ có gia đình tôi chiếm cứ, sau lưng là bụi rậm người ta nói có rắn chuông, và bên kia thung lũng là núi đồi trùng điệp. Trong lúc thiên hạ tranh giành vào ở *ba-rắc* ấm có giường nệm hai tầng và nghe nói có cả *ti-vi* màu để xem, tôi yêu "túp lều lý tưởng" đứng chơ vơ trên "Đỉnh Gió Hú" ngày đêm gió thổi rì rào của chúng tôi. Tôi không phải chung đụng với người chưa quen, và nửa đêm thức giấc nằm trên giường làm toán thầm, đọc thơ cổ điển, và nói chuyện và cười khan một mình mà không làm phiền ai ngoài Quỳnh Châu; nàng phập phồng lo lắng "*sợ ôông dôông* bị loạn trí."

* * *

Sau sáu tuần lễ ngày ba bữa đứng sắp hàng ăn cơm nhà bàn, gia đình tôi vẫn chưa có bảo trợ đi định cư. Một buổi chiều, Ân và cô bạn đến lều tìm tôi,

"*Tui* và Liên Kim ở Trại 5 gần cổng ra vào. *Tụi tui* đến chào từ giã thầy vì sáng mai *tụi tui* xuất trại đi tiểu bang Washington." Liên Kim là tên cô bạn của Ân; chắc hẳn hai người khai là vợ chồng với sở Di trú và Nhập tịch; rất nhiều người làm như vậy.

“Chúc anh chị gặp may mắn trong cuộc sống mới,” tôi siết chặt tay Ân và hỏi thêm, “Sau lần mình thấy nhau ở trường là tôi đi luôn, vấn đề bằng biểu giải quyết ra sao?”

“Anh em sinh viên cộng điểm và làm văn bằng suốt đêm; hôm sau là ngày 29, thầy Minh mang bằng sang cho thầy Thanh Khoa trưởng ký. *Tui* nghe nói sau đó thầy Thanh *đi* bằng tàu Việt nam Thương tín. *Tui* mừng húm khi thấy thầy trên máy bay, nghĩa là thầy đã thoát đi an toàn. Với tư cách một quân nhân, *tui* xin tỏ lòng ngưỡng mộ tinh thần chống Cộng của thầy,” Ân nhìn thẳng vào mắt tôi.

Tôi khẽ lắc đầu,

“Tôi bỏ nước ra là một điều vạn bất đắc dĩ thôi anh Ân ơi.”

“Ai cũng biết Đại học Kỹ thuật mình có một lô Việt Cộng nằm vùng. Vậy mà trong những lần nói chuyện với sinh viên, thầy kể tội ác của già Hà và chính quyền miền Bắc, vạch rõ cuộc sống nô lệ tụi nó sẽ áp đặt lên miền Nam, và tuyên bố sẽ không sống chung với tụi nó và ra đi với bất cứ giá nào. Từ đầu tháng Tư, *tui* và mấy anh bên lớp điện tử quân nhân nghe phong thanh tụi khốn nạn tính *làm thọt* thầy.” Lớp kỹ sư điện tử quân nhân là lớp học riêng chỉ gồm các sĩ quan do bộ Quốc phòng gửi tới "nhờ" trường huấn luyện trong chương trình "Việt nam hóa chiến tranh" năm 1971-1972, khác với lớp kỹ sư điện dân sự Ân được gửi tới học.

“Nếu phe sắp thắng cuộc phải tìm cách triệt hạ một giáo sư chỉ có mỗi một môn . . . võ mồm như tôi thì họ yếu kém và hèn hạ quá. Chẳng khác gì xác nhận mọi điều tôi đã nói với anh em.”

“Thầy còn nhớ thầy rượt đánh ông Tuấn Phụ tá Khoa trưởng và phá vỡ kế hoạch lập diễn đàn rước Cộng về của ông ta không? Từ hôm đó, sợ tụi nó hại thầy, *tui* với mấy anh bạn sinh viên quân nhân thay nhau mang súng kín đáo làm *gác đờ co* cho thầy.”

“*Gác đờ co*” là người bảo vệ cho một yếu nhân, do tiếng Pháp “garde du corps.” Thì ra tôi còn nguyên vẹn hình hài để ra đi là nhờ Ân và bạn che chở. Mười bảy năm trước, Tuấn cùng học đệ thất (lớp 6) nhưng khác lớp với tôi ở trường trung học Hàm Nghi Huế. Tuấn không giỏi nhất lớp, nhưng được thầy cô rất mực thương yêu vì “nhà nghèo và hạnh kiểm tốt,” trong lúc tôi tứ thời có tên trong bảng phong thần gồm những đứa học trò nghịch ngợm và phá phách. Cuối năm đệ tứ (lớp 9), Tuấn lãnh phần thưởng danh dự toàn trường, mặc dù Tuấn đứng thứ nhì lớp và có ít nhất là sáu học sinh đứng nhất lớp xứng đáng hơn. Trong kỳ thi lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp, tôi đậu thủ khoa hội đồng Hàm Nghi với hạng Bình, Tuấn vừa đủ điểm đậu hạng Bình thứ. Lên đệ nhị cấp trường Quốc Học, tôi với Tuấn lại học khác lớp đệ tam (lớp 10). Tuấn khôn khéo luồn lọt và tiếp tục được thầy cô mến chuộng và khen thưởng.

Sau khi đậu Tú tài II, Tuấn được cấp học bổng Colombo sang Úc du học ngành hàng không. Tốt nghiệp kỹ sư với hạng cao, đáng lẽ phải về nước, Tuấn khéo léo xoay sở được học bổng ở lại học tiến sĩ, và lấy vợ đẻ con bên Úc. Cuối năm 1974, Tuấn đưa gia đình về nước và được bổ nhiệm dạy ở Đại học Kỹ thuật. Về trường giữa năm học, trong lúc chờ cắt đặt dạy giảng khóa mới, Tuấn tạm thời làm phụ tá khoa trưởng cho anh Thanh, một chức vụ ngồi chơi xơi nước.

Tôi gặp lại Tuấn cuối tháng Ba 1975, khi từng tỉnh miền Trung một lần lượt lọt vào tay Cộng sản; Tuấn kêu gọi thành lập ủy ban cứu trợ sinh viên chiến nạn miền Trung. Ủy ban gồm Tuấn và đại diện năm Ngành nhóm họp, và tôi đại diện Ngành Điện. Không ai biết phải làm gì vì ngân sách

và phương tiện không có, và Tuấn chú trọng vào việc ca ngợi “phe bên kia” hơn là giúp sinh viên đói ăn. Tôi về trường mình dùng mọi phương tiện tài chánh có thể kiếm được để giúp đỡ sinh viên đàn em. Tình cờ tôi khám phá ra trong thời gian ở Úc, Tuấn nhiều lần tiếp xúc với tòa Đại sứ Việt Cộng. Tòa đại sứ ấy được thiết lập năm 1972, khi đảng Lao động thiên tả Úc thắng cử lên cầm quyền và công nhận chính quyền Hà nội nhưng vẫn duy trì tòa đại sứ tại Sài gòn.

Sáng thứ Bảy 26 tháng Tư, tôi đến trường mà lòng trĩu nặng. Cộng quân năm ngã tiến về Sài gòn, và Quốc hội lưỡng viện thảo luận quyết nghị yêu cầu Tổng thống Xxxx Hoan trao quyền cho Tướng Yyyy Man. Một đám đông tụ họp trong sân Ngành Điện nằm cạnh cổng ra vào khuôn viên Đại học Kỹ thuật, Tuấn đứng giữa kêu gọi sinh viên lên giảng đường khiêng bục giảng và bàn ghế xuống làm sân khấu. Nhìn thấy tôi, Tuấn mừng rỡ,

“*Ba Hoa* ra lệnh cho sinh viên giùm. Họ không biết tôi nên không nghe lời.”

“Để làm gì?” tôi gằn giọng hỏi.

“Phe bên kia sắp vào tới nơi. Phải mở rộng vòng tay chào đón họ. Đây là cơ hội cho mình lập công chuộc tội,” Tuấn hăng hái trả lời.

“Đ.m. mà ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản! Đồ vô ơn bạc nghĩa. Mà mà không cút đi, tao đập chết cha mà bây giờ.”

Tôi tức giận chỉ mặt Tuấn và nắm tay nhào tới; Tuấn hoảng hốt bỏ chạy. Có tiếng hoan hô tán thành sau lưng; bây giờ tôi nhận ra đó là tiếng của Ân.

Ngày 30 tháng Tư, Tuấn là một trong hai giáo sư đón mừng và bàn giao Đại học Kỹ thuật cho “lực lượng tiếp quản.” Người kia là Phụ, một kỹ sư được cấp học bổng Colombo đi Gia Nã Đại du học và về nước cùng thời với Tuấn. Phụ cũng là người quen cũ của tôi – điều tôi không lấy gì làm hãnh diện. Hai kẻ trở cờ này “lập công chuộc tội.” *Đồ ăn cháo đái bát!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 7 tháng Tám, 2019

Không Lấy Cũng Uống

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trại tỵ nạn Trại Pendleton chỉ có một con đường chính chạy từ ngoài vào trong và gồm làm tám trại đánh số từ 1 đến 8. Qua khỏi cổng là Trại 8, kế tiếp là Trại 5 nằm bên trái và Trại 6 và 4 bên phải. Sau đó đến trung tâm Trại Pendleton là tòa nhà trệt có sân cờ đằng trước, bình thường dùng làm bộ chỉ huy trung tâm huấn luyện Thủy quân Lục chiến, và giờ là Trung tâm Thủ tục (Processing Center) là nơi làm giấy tờ cho người tỵ nạn. Quanh đây xúm xít mười bảy, mười tám *trailer* (nhà *rờ-moóc*) dùng làm văn phòng của các cơ quan thiện nguyện và văn phòng di trú của vài quốc gia như Gia Nã Đại, Colombia, và Pháp.

Sân vận động nằm nửa đường từ bên ngoài, có bãi cỏ xanh và mấy hàng ghế tầng bằng gỗ, ban ngày là sân đá bóng và nơi sinh hoạt cho trẻ em, và buổi tối là chỗ chiếu phim và diễn đàn thuyết trình về đời sống tại Hoa kỳ. Trên khoảnh đất còn lại, ba chiếc lều nhà binh lớn được dựng lên để làm lớp học tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

Tiến vào sâu hơn sẽ gặp Trại 1, 2, và 3. Trại 1 ở bên trái gồm các dãy *ba-rắc*, tức là *chòi Quonset* tiền chế có mái cong hình bán nguyệt chạm tới mặt đất. Trại 2 bên kia đường có một khu dành riêng cho những người sẽ trở về Việt nam; hàng đêm họ tụ tập biểu tình đòi sớm được hồi hương. Trại 3 của tôi ở trong cùng; căn lều chỉ định cho gia đình tôi nằm xa nhất trên đồi, sau đó là bụi rậm và núi đồi.



Đến Trại Pendleton đêm trước, ngủ bù chưa no mắt thì sáng hôm sau, ba người trên 21 tuổi trong gia đình là tôi, Quỳnh Châu, và thằng Sang đã phải đi làm thủ tục giấy tờ. Xe buýt dừng lại, chúng tôi được lệnh ngồi tại chỗ, và một viên chức bước lên trình trọng giờ tay và đọc lên một số điều cam kết như không được ủng hộ Cộng sản để lật đổ chính phủ, phải cầm súng để bảo vệ Hoa kỳ khi luật pháp đòi hỏi, phải khai đúng sự thật, v.v. Chúng tôi giơ tay tuyên thệ sẽ tuân theo rồi xuống xe đi vào trong căn phòng rộng và trống trải ngồi trên ghế dài đợi đến phiên mình.

Các viên chức phụ trách làm việc chậm rãi và từ tốn như thể dư thừa mọi thứ thì giờ trên thế gian, mặc cho kẻ tỵ nạn đợi lả người suốt ruột chờ thầm thằng Mỹ *lè phè*. Dù đang phỏng vấn nửa chừng mà đến giờ nghỉ giải lao (hay “break,” một điều mới đối với tôi), họ thản nhiên đứng

dậy, bỏ mặc chúng tôi ngồi chờ vợ, và tà tà đi lấy cà-phê vừa uống vừa đi lui đi tới chuyện trò với bạn đồng sự; mười lăm phút sau mới trở lại tiếp tục việc đang làm dở. Thủ tục gồm ba chặng: khai quan thuế, làm giấy tờ di trú, và nhận thẻ an sinh xã hội (social security, “SS”).

Khai quan thuế đối với gia đình tôi rất giản dị vì chúng tôi không có lấy một đồng xu (Mỹ) dính túi. Nhờ trạm khai báo thanh thiên bạch nhật này, người ta biết rõ và truyền miệng với nhau số tiền và số vàng mấy ông tai to mặt lớn mang theo khi di tản. Thí dụ, ông Phó Kiên – ông ở Trại 8, người nhiệt tình tham dự biểu tình chống tham nhũng trong những ngày cuối cùng của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”), có bốn triệu đô la tiền mặt. Ngay sau khi hoàn tất thủ tục, ông được John Wayside, tài tử đóng vai người hùng trong phim cao bồi miền Tây nổi tiếng nhất của Hoa kỳ, bảo trợ ra sống ở nam California.

Đòi hỏi nhiều thì giờ nhất là vụ lặn tay, điền đơn xin nhập cư, và phỏng vấn với viên chức sở Di trú và Nhập tịch (hay INS). Đây là chặng những cặp tình nhân dẫn nhau đi không có hôn thú trở thành vợ chồng, và một số bà hay cô độc thân sồn sồn tự hồi xuân cho phép mình trẻ lại năm, mười, hay mười lăm tuổi để nuôi hy vọng mai sau *bắt* được chồng *nhí*. Luật pháp Hoa kỳ phạt nặng tội man khai trong lúc thề khai thật nên viên chức INS chỉ xem xét các câu hỏi để biết chắc đương sự trả lời đầy đủ và thích hợp, chứ không chất vấn có đúng sự thật hay không. Những kẻ khai láo không biết điều này nên thường huênh hoang bọn Mỹ ngu lắm, mình khai gì nó cũng tin cái rụp.

Sau khi xét đơn, viên chức INS xé bỏ ngay trước mặt chúng tôi mẫu I-94 cấp ở đảo Guam. Đó là Thẻ Ghi Đến - Đi dùng để theo dõi những chuyến đến và đi khỏi Hoa kỳ của người không phải là công dân hay ngoại kiều thường trú. Đoạn ông ta đánh máy mẫu I-94 mới ghi tên họ, chi tiết cá nhân, và tư cách pháp nhân là ngoại kiều tạm dung. Không khác gì mẫu cũ, chỉ đổi ngày nhập nội là ngày hôm nay.

Cuối cùng, chúng tôi qua bàn ông công chức già của Tổng nha An sinh Xã hội. Ông lấy ra một xấp thẻ SS gồm cả trăm cái đã đánh số nhưng chưa có tên, rút thẻ cầu âu không theo thứ tự, và đánh máy tên người trong gia đình vào từng thẻ. Tôi không biết thẻ SS dùng làm gì cho đến khi về lều, Quỳnh Châu giải thích số SS gồm chín con số được chỉ định cho mỗi công dân, ngoại kiều thường trú, và các ngoại kiều được phép làm việc khác. Không có số SS thì không được làm việc; muốn kiếm tiền thì đi làm lậu, chịu bị ép trả tiền công rẻ, và lấy tiền mặt. Số SS còn dùng như thẻ căn cước trong việc thuế má và nhiều mục đích khác.

Xong vụ giấy tờ là hết buổi sáng và quá giờ ăn trưa. Tôi dớn dác kiểm xe buýt về trại mình thì nghe tiếng gọi, “*Ba Hoa! Ba Hoa!*” Tôi mừng rỡ quay lại thấy chú Hoàng em họ của mẹ, chú đi khập khiễng và được hai phụ nữ trẻ dìu hai bên. Chú khoát tay,

“*Chừ tau phải lên xe buýt qua bên bệnh viện Hải quân khám bác sĩ chữa cái chân què bị Việt Cộng bắn. Để bữa mô tau tới tìm cụ mi.*”

Chú Hoàng lớn hơn tôi bảy tuổi, người cao lớn, và giọng nói dõng dạc. Ngày tôi học đệ thất (lớp 6) trường Hàm Nghi Huế, chú học trung học đệ nhị cấp trường Bán Công, và truyền thuyết kể rằng chú là trùm băng du đảng làm mưa làm gió trong thành phố. Sau khi rời Huế, tôi nghe nói

ông mụ (mẹ gọi bằng chú thím) đi cưới thím Hồng Đào cho chú. Thím là con gái người bạn thân của *ông* và làm cán sự điều dưỡng ở Bệnh viện Trung ương Huế. Chú thi đậu Tú tài I, đi học thám sát viên ở Học viện Cảnh sát Quốc gia, và ra trường đổi về ty Cảnh sát Quảng Nam ở Đà Nẵng. Thím và hai con là cô bé Hồng Tâm và cậu bé Hoàng Nghĩa từ Huế dọn vào với chú. Tôi gặp chú lần cuối ở Tuy Hòa bảy năm trước, khi tôi về thăm nhà và vì một lý do nào đó chú ghé thăm mẹ.

* * *

Khoảng một tháng sau, chú Hoàng và cô bạn – chắc hẳn nay chính thức là vợ chú – đến lều tìm tôi. Chú đã đi đứng khá bình thường. Tôi nhận ra bà thím mới là Khánh Phương ở cùng xóm Mang Cá với tôi ngoài Huế. Nàng lớn hơn tôi hai tuổi, tóc dài xõa ngang vai, và dáng người thon đẹp. Ngày đó, nàng học Đồng Khánh và học ngang lớp với tôi, và thỉnh thoảng chúng tôi cho nhau mượn sách học. Niềm vui *tha hương ngộ cố tri* (xứ lạ gặp người quen) khiến cô bạn cũ không giữ kẽ như thời mới lớn,

“Mười mấy năm rồi mà *Ba Hoa* không thay đổi chút *mô* hết, ngó vẫn đẹp trai và *láu cá* như *mọi lần*.”

“Cho *cụ mi* biết, *tụi tau* ở với nhau hoàn toàn hợp pháp. Lâu nay *tau* *độc thân vui tính*, không còn ràng buộc về gia đình,” chú Hoàng *thanh minh thanh nga*.

“Vậy sao? Thím Hồng Đào chú để cho chó ăn à?” tôi không tin và nói lớn tiếng.

“Đó là lý do *tau* vô Tuy Hòa gặp chị, tức là bà già *cụ mi*. Chuyện *tau* dài dòng lắm,” chú thần thờ trả lời rồi chậm rãi thuật lại quãng đời đã qua.

Hồng Đào dọn nhà vào Đà Nẵng, và nhờ giới thiệu Pháp thím xin làm thông dịch viên kiêm phụ tá bác sĩ trên tàu bệnh viện Tây Đức Helgoland. Tàu màu trắng mang dấu chữ thập đỏ thả neo trên sông Hàn có tám bác sĩ và 30 y tá người Đức và 130 giường là viện trợ nhân đạo của hội Hồng thập tự và chính phủ Tây Đức cho VNCH. Thím làm việc cho Hans, một bác sĩ trẻ hơn thím hai tuổi quê ở Dresden thuộc tiểu bang Saxony nằm sát biên giới Ba Lan. Hans mới tốt nghiệp trường y khoa và tình nguyện phục vụ để đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh.

Chú Hoàng làm sĩ quan cảnh sát có nhiệm vụ len lỏi và xâm nhập vào thế giới bán *ba* (bar), mại dâm, và ma túy, tức là kỹ nghệ phục vụ nhu cầu xác thịt nhắm vào lính Mỹ. Chẳng bao lâu, chú chìm đắm vào cuộc sống trụy lạc trác táng của thời làm trùm du đãng và có khi cả tháng mới chường mặt về nhà. Khi về chú thường kiểm soát mắng chửi Hồng Đào và không ngó ngang gì đến hai đứa con. Thím hàng ngày làm việc với Hans dịu dàng và nhân ái, và những ngày nghỉ, Hans xin phép đến nhà thăm và dẫn bé Tâm và bé Nghĩa đi chơi. Hans thân thiết và thương yêu hai bé như cha đối với con.

Một đêm chú Hoàng về nhà, Hồng Đào còn thức đợi chú về; thím đợi chú từ nhiều đêm rồi. Bằng một giọng bình thản, thím báo là sẽ *để* (ly dị) chú để kết hôn với Hans và theo Hans về nước. Thím không thể sống xa con nên yêu cầu chú chấp thuận cho Hans nhận bé Tâm và bé Nghĩa làm con nuôi đưa về Tây Đức sinh sống. Nghe thím nói, chú nổi cơn thịnh nộ toan ăn tươi nuốt sống thím rồi đi tìm tình địch thanh toán, nhưng khi thấy hai đứa con thơ ôm chặt bảo bọc mẹ và nhất quyết chịu cùng số phận, chú nuốt hận bước ra khỏi nhà.

Chú buồn bã kể tiếp,

“Trong lúc tâm can nung nấu bởi thất vọng, đau đớn, hận thù, và hối tiếc, *tau* chợt nhớ tới chị. Trong họ chị là người chín chắn khôn ngoan nhất; mỗi lời chị nói ra, ai cũng nghe. *Tau* cần lời khuyên dạy của chị trước khi ra tay gây án mạng. Đó là lần gặp *cụ mi* ở Tuy Hòa.”

“Mẹ nói sao với chú?”

“Nghe *tau* khóc kể một buổi, chị trầm ngâm một hồi rồi nói, ‘Chuyện con Hồng Đào với chú, tình nghĩa hết rồi. Không ở với nhau được thì *thôi* nhau, vấn vương làm *chi*, buông ra cho khỏi khổ cả đôi đàng. *Chừ* nghĩ tới hai đứa nhỏ, chú có thương con không?’ *Tau* trả lời chị ơi để con ra ai mà không thương, và chị nói tiếp, ‘Nếu thực sự thương con, chú cần trả lời thành thực với lòng mình: Hai đứa nhỏ sẽ được nuôi dạy chu đáo và lớn lên thành người đàng hoàng hữu ích cho xã hội hơn nếu tụi *hắn* ở với chú, hay ở với con *nó*?’”

Nãy giờ im lặng nghe chuyện, Quỳnh Châu không nén được lòng tò mò,

“Rồi chú làm sao?”

“Việc đầu tiên khi mình về Đà Nẵng là ký giấy tờ ly dị và chứng thư thỏa thuận cho Hans nhận bé Tâm và bé Nghĩa làm con nuôi rồi tự mình mang lên tàu Helgoland giao cho Hồng Đào và Hans. Không ngờ mọi việc lại dễ dàng hết sức, ai nấy đều vui vẻ thoải mái – kể cả mình. Chưa bao giờ mình thấy hai đứa nhỏ sung sướng như *rứa*.”

“Thím Hồng Đào và hai em có thường liên lạc với chú không?”

“Một tuần sau, Hans mãn nhiệm kỳ và ở lại một tháng lo giấy tờ cho Hồng Đào và hai đứa nhỏ xuất ngoại. Về Tây Đức, hàng tuần *tụi hắn* được mẹ nhắc nhở viết thư và gửi hình ảnh cho mình. *Té ra* ở bên *nó* *tụi hắn* lại gần gũi và thương mình hơn ngày còn ở Đà Nẵng. Ở trong trại đây, mình cũng đã nhận được thư của *tụi hắn*. Nay mai hai đứa mình sẽ đi Tây Đức thăm con.”

Khánh Phương với sang nắm tay chú Hoàng và cười hãnh diện,

“*Ba Hoa* thấy không, tìm được một tấm lòng độ lượng như *rứa*, không lấy cũng uống!”

“Cô hôm trước đi với chú thím là ai mà bữa nay không thấy?” Quỳnh Châu hỏi.

“À, con Khánh Hương em gái mình. *Hắn* tuổi Tý như *Ba Hoa*, hồi *nó* thích *Ba Hoa* và muốn *dính* lắm mà anh chàng mê làm toán không chịu *tán*,” Khánh Phương chu mỏ gheo tôi.

“Thím thấy không, tìm được một tâm hồn *cù lần* như *dzày*, không lấy cũng uống!”

Quỳnh Châu bắt chước Khánh Phương nói đùa.

Tôi hiểu vì sao ngày trước nhóm du dãng Huế tôn chú Hoàng làm *sếp sòng*. Vì giờ đây tôi đang phục chú: Đàn ông Việt nam dễ có mấy ai vì tương lai của con mà dẹp bỏ tự ái cá nhân và trở nên khoan dung như chú? Trong bảy năm qua, tôi đã bắt công với chú. Cho cháu xin lỗi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 21 tháng Tám, 2019

Hạ Thủ Bất Hoàn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Khi đi di tản, tôi mang theo một thứ không mấy người có; đó là cuốn sổ hoạch định bỏ túi 1975 của hãng General Electric (“GE”) là công ty chế tạo dụng cụ điện lớn nhất thế giới. Phần chính cuốn sổ là lịch từng ngày với vài hàng trắng để ghi chép, và phần sau gồm những dữ kiện cần biết khi đi du lịch; thí dụ như bảng chuyển đổi đơn vị từ mét, kí-lô, và lít trong mét hệ sang foot, pound, và gallon trong hệ thống Anh ở Mỹ, và bản đồ sáu châu và các tiểu bang Hoa kỳ in màu cùng với các chi tiết như dân số và thời tiết của những thành phố lớn trên thế giới. Hai tháng qua, tôi đã dùng cuốn sổ bìa da nhỏ bé này để vẽ vời tương lai đời mình.

Theo lịch trong cuốn sổ GE, hôm nay là ngày hạ chí đêm ngắn và ngày dài nhất trong năm, tức là lúc mùa hè bắt đầu. Tự dưng tôi có cảm tưởng nắng California vàng và chói chang hơn hôm qua và nói điều đó với Quỳnh Châu; nàng cố nín cười,

“Ông dông của em tối qua nằm mơ thấy cô bồ cũ rồi đâm ra muốn làm thơ *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát* hay sao?”

“Cô vợ nói tầm bậy tầm bạ một hồi cho hết . . . dễ thương đi. Anh nói có sách mách có chứng,” tôi đưa cuốn sổ cho nàng xem.

“Để em nói anh nghe, hôm qua trời mây mù *Nga buồn như một con chó ốm*, hôm nay trời có nắng và sáng sủa, nhưng 5 giờ 26 phút chiều nay mới đến điểm hạ chí, và nắng hạ của anh ngày mai mới tới,” nàng cười lớn hơn.

“Tiết trời thay đổi theo sự vận hành của vũ trụ, sá chi vài tiếng đồng hồ?” tôi chịu thua, nhưng cố vớt vát.

“Chứ không phải tại hàng ngày chồng thấy nhà thi sĩ lãng mạn *áo lụa Hà Đông* rồi tức cảnh sinh tình à?” trông thấy khuôn mặt tiu nghỉu của tôi, Quỳnh Châu nói lảng, “Ngày trước, thời anh dạy em học, em biết anh mê thơ của ông và yêu em mà không dám mở lời. Bao nhiêu đêm em ước mơ anh tỏ tình bằng cách tặng em cuốn *Thơ Trường Thạch*.”

Người Quỳnh Châu nói là thi sĩ Trường Thạch. Ông là giáo sư dạy triết lớp 12 nổi tiếng Sài Gòn, trạc tứ tuần, tướng mập mập, và hàng ngày mặc áo len trắng dày cộm, đội mũ *phớt* (do tiếng Pháp “feutre” là một thứ dạ mịn lông dùng làm mũ đội mùa lạnh) che sụp xuống nửa mặt, và mang kính đen ngồi ngoài nắng trên băng ghế sắt trước văn phòng bộ chỉ huy Trại 3. Lúc nào ông cũng trông như đang suy tư, không thèm giao thiệp với ai, và chỉ hơi gật đầu chào nhưng không bắt chuyện với anh Hán là bạn đồng nghiệp ở Sài Gòn.

Anh Hán rời đảo Guam với gia đình cô em gái; đến Trại Pendleton, anh dọn sang ở với gia đình tôi như đã hẹn và dự định đi định cư cùng với chúng tôi. Tôi mừng vô kể, nhưng đau lòng vì lúc nào cũng thấy anh buồn tênh. Ngày 28 tháng Tư, anh hẹn vị hôn thê đến điểm hẹn lên tàu Hải quân nhưng đến lúc tàu nhổ neo rời bến vẫn không thấy bóng dáng của chị. Suốt ngày anh hát nghêu ngao,

Em ơi! Chờ anh về

Đừng cho năm tháng xóa mờ thương nhớ

Đêm nao trắng thề, đã vang ước hẹn đẹp lòng người đi.
(Duy Khánh – “Thương Về Miền Trung”)

Mỗi gia đình phải ghi tên với một trong 13 cơ quan thiện nguyện (voluntary agency, hay *VolAg*) có nhiệm vụ giúp tìm bảo trợ, tức là người hay hội đoàn tình nguyện hướng dẫn và giúp đỡ người tỵ nạn hội nhập xã hội Hoa kỳ. Các *VolAg* đặt văn phòng trong *trailer* (nhà *ơ-moóc*) xúm xít quanh Trung tâm Thủ tục cùng với văn phòng di trú của một số quốc gia như Gia Nã Đại, Pháp, và Colombia. Nhìn tên trên danh sách, tôi lờ mờ nhận ra bốn *VolAg* đại diện tôn giáo là Hội đồng Công giáo Hoa Kỳ, Cơ quan Giáo hội Thế giới, Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran, và Hiệp hội Trợ giúp Di dân Hebrew. Chín *VolAg* còn lại tôi hoàn toàn mù tịt, không biết họ đại diện cho tổ chức nào. Không ai chỉ dẫn trường hợp nào thì nên hay không nên ghi tên với *VolAg* nào.

Hình như chỉ có một mình tôi, anh giáo sư “mất dạy” bướng bỉnh, chọn cơ quan Hội nghị Do thái Thế giới mang số 13 nằm cuối danh sách. Về sau tôi mới biết cơ quan đó là một trong bốn *VolAg* địa phương chỉ có thể giúp người tỵ nạn định cư quanh vùng California chứ không có khả năng bao gồm toàn cõi Hoa kỳ như chín *VolAg* kia. Một *VolAg* địa phương khác là Hiệp hội Từ tâm Trung hoa Thống nhất thì thu hút khá nhiều người Việt gốc Hoa.

Tôi liên lạc với Tiến sĩ Robert Crane trước là nhân viên phái đoàn Đại học Missouri-Rolla ở Rolla thuộc tiểu bang Missouri và làm cố vấn bên cạnh Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ; hai trường kết nghĩa với nhau. Trong hai năm, tôi và anh Bob (như tôi vẫn gọi) làm việc với nhau và viết chung khảo cứu khoa học dựa trên kết quả trong luận án tiến sĩ kỹ sư của tôi. Nay anh dạy ở Đại học Texas tại Arlington, một trong tám trường đại học thuộc Hệ thống Đại học Texas. Anh mừng rỡ viết thư hứa bảo trợ gia đình tôi ra Texas và giúp tôi trở lại trường, viết lại luận án, và tìm một chân dạy học. Mong ước của tôi tan thành mây khói vì chính phủ chỉ cho phép cá nhân như anh Bob bảo trợ một gia đình tỵ nạn bốn người trở xuống. Gia đình tôi có sáu mạng, kể thêm anh Hán là bảy.

* * *

Sáng ngày mồng bốn tháng Bảy, tôi ngồi trong lều như mọi ngày thì anh Hán bên ngoài chạy về, vừa thở hổn hển vừa cười nhả nhó,

“Hôm nay là ngày lễ Độc lập của . . . nước mình, tụi *bây ơi!*”

Tôi nghe mà lòng quặn đau, muốn cười mà không cười nổi. Chúng tôi là kẻ mất quê hương, vô tổ quốc, và không biết “nước mình” là quốc gia nào. Từ đó, những ngày chờ đợi bảo trợ lê thê trở nên dài hơn, tôi không còn hăng hái đi bộ sáu cây số đến văn phòng Hội nghị Do thái Thế giới hỏi thăm tin tức. Cuối tháng Bảy, anh Hán đổi ý và đi Toronto ở Gia Nã Đại để sống gần gia đình người anh cô cậu. Thi sĩ Trường Thạch đi Pháp, vợ chồng ông đều đi học và tốt nghiệp bên Pháp. Chú Hoàng em họ mẹ đến báo tin đi Winnipeg, thủ phủ tỉnh Manitoba của Gia Nã Đại, “*Tau* nhớ hai đứa con bên Tây Đức quá chừng mà ăn chực nằm chờ ở đây không biết tới khi *mô*. *Tau* xin đi Gia Nã Đại, tụi nó *ô-kê* (okay) liền cái rụp. Tới nơi, có đủ tiền mua vé máy bay là *tau* vù đi thăm con.”

Một hôm tôi tình cờ đi ngang qua và tò mò nhìn vào văn phòng di trú Colombia; nước này nằm ở tây bắc Nam Mỹ và có đất và lãnh thổ ở Bắc Mỹ, và dùng tiếng Tây Ban Nha như tất cả các quốc gia Trung Mỹ và Nam Mỹ khác, ngoại trừ Ba Tây nói tiếng Bồ Đào Nha. Tôi rất đỗi ngạc nhiên khi thấy nhân viên phụ trách là một người Việt trạc ngũ tuần và lại là một nhân vật tiếng tăm là Bác sĩ Xxxx Đính. Ông là chính khách đối lập và bị giam tù dưới thời Đệ nhất Cộng hòa; sang Đệ nhị Cộng hòa, ông tham chính và từng giữ chức Tổng trưởng và Phó Thủ tướng kiêm Quốc vụ khanh. Quốc vụ khanh là tổng trưởng không giữ bộ nào, phụ trách dự án đặc biệt, và được xem như phụ tá cho tổng thống.

Tôi hỏi thăm chi tiết và thử nộp đơn xin nhập cư Colombia. Văn phòng chỉ có một mình Bác sĩ Đính, và tôi là ứng viên duy nhất. Ông vừa đọc lý lịch của tôi vừa hỏi chuyện gia đình riêng tư, trong lúc tôi tần mẩn hỏi han cuộc đời chính trị của ông. Ông bắt đầu hoạt động chống Pháp vào thập niên 1940, và làm Cố vấn Chính trị cho Quốc trưởng hơn hai năm và giữ chức Bộ trưởng Thông tin một thời gian trong chính phủ Quốc gia Việt nam. Ông lưu vong từ Âu sang Á, viết báo và diễn thuyết vận động dư luận ủng hộ Việt nam, chống thực dân Pháp, và đòi độc lập hoàn toàn cho các quốc gia bị Pháp đô hộ. Sau Hiệp định *Giơ-Neo* (Genève) 1954, Thủ tướng Yyyy Diệm mời ông về tham gia nội các. Để trả lời câu hỏi của tôi, “Tại sao bác không cộng tác với chính phủ *cụ* Diệm mà chọn tư thế đối lập để rồi bị *cụ* kiểm soát bỏ tù?” ông ngả người tựa vào lưng ghế và lim dim mắt,

Tháng Chín 1955 tôi về nước và vào dinh Độc lập gặp ông Diệm. Trong khi ông ta tiếp kiến tôi, Chánh Văn phòng vào cho biết có một bộ trưởng muốn trình việc khẩn cấp; ông Diệm gật đầu. Vị bộ trưởng rón rén bước vào và, thay vì đi thẳng từ cửa phòng đến bàn giấy thủ tướng, lại đi vòng ven theo tường khiến đường đi dài hơn; thật là lạ! Khi vị bộ trưởng đến gần bàn giấy, ông Diệm đứng dậy kéo ra một góc phòng nói chuyện. Sau khi được ông Diệm gật đầu đồng ý, vị bộ trưởng kính cẩn cúi đầu và trịnh trọng bước ra khỏi phòng. Thay vì quay lưng đi ra, ông ta đi giật lùi từng bước và xuýt vấp vào mấy cái ché lớn chưng trong phòng.

Tôi hỏi ông Diệm vì sao vị bộ trưởng có tác phong lạ lùng như vậy, ông ta cười nói, “Cứ để tụi hấn sợ mình như rứa cho dễ trị.” Khi tôi ngờ ý đối lập xây dựng, ông ta không vui, và cuộc đàm thoại trở nên gượng gạo. Sau đó, tôi trở thành kẻ thù của chính phủ.

Một tuần sau khi nộp đơn, tôi trở lại và được Bác sĩ Đính cho biết chính phủ Colombia đã nhận gia đình tôi. Hệ thống Đại học Quốc gia *Universidad Nacional de Colombia* nhận vợ chồng tôi làm giáo sư tại trường chính ở thủ đô Bogotá. Chúng tôi sẽ được cấp nhà riêng trong cư xá giáo sư và năm đầu tiên đi học tiếng Tây Ban Nha và chưa phải nhận nhiệm vụ giảng huấn. Tôi hỏi, “Với tư cách là người đồng hương tỵ nạn, bác thấy con có nên đi hay không?” Ông ngẫm nghĩ một lát rồi nói, “Hay anh cứ đi xuống đó thử coi sao.”

Tôi phân vân không biết nên đi hay ở lại trại và viết thư hỏi ý kiến Triết em trai tôi và thằng Công bạn học từ hồi ngoài Huế. Triết là em kế thằng Sang, rời Sài Gòn du học năm 1972, đang học năm thứ ba ngành kỹ sư hóa học thì phải bỏ học đi làm thợ tiện để sinh sống ở Houston thuộc tiểu bang Texas, và thuê *apartment* (căn phòng ở *bin-đình*) ở chung với bạn. Em tôi trả lời,

Em bàn dự định đi Colombia của anh với mấy tên roommates ở chung nhà. Đứa nào cũng excited [khích lệ, phấn khởi] về cơ hội kỳ thú hiếm có của anh chị. Colombia nằm gần xích đạo, nhưng Bogotá ở trên cao nguyên nên khí hậu mát mẻ như Đà Lạt.

Thằng Công ngồi cạnh tôi ở dãy bàn đầu lớp đệ tam (lớp 10) B3 trường Quốc Học Huế. Chúng tôi chơi với nhau rất thân, nhưng trong việc học hành thì tranh đua hết mình để giành danh hiệu “đệ nhất cao thủ” do bạn bè phong tặng. Hai thằng thi đậu vào trường kỹ sư điện và học chung với nhau. Ra trường nó đi du học lấy bằng Cao học ở Đại học Missouri-Rolla rồi xuống Dallas thuộc tiểu bang Texas học tiến sĩ và đồng thời làm việc cho hãng Texas Instruments là một công ty điện tử lớn bậc nhất Hoa kỳ. Thư của thằng Công nói,

Tau thấy lúc này mi không nên đi Colombia hay quốc gia nào khác. Mi có cơ hội định cư tại một nước hàng đầu thế giới mà sao lại tính di cư qua một nước chậm tiến thuộc thế giới thứ ba?

Vài hôm sau, lòng hoang mang lưỡng lự, tôi đi ngang qua một căn lều và nghe tiếng hai người đánh cờ tướng đang cãi nhau. Người lớn tuổi la lên,

“Chiếu tướng! Mày thua đứt đuôi con nòng nọc rồi.”

“Lúc nãy tui lóng cọng tấn Mã trúng họng Pháo bị bác nổ đùng, tui xin hoàn mà bác nhất định không cho. Bác mà cho hoàn thì chưa chắc tui đã thua,” người thanh niên trẻ ầm ức.

“Luật cờ tướng là hạ thủ bất hoàn cầm quân nào đi quân đó, xuống tay rồi không thể thối lui. Đánh cờ giống như cầm quân đánh giặc, khi đã ra quân thì phải tiến tới chớ rút lui là thác gấp. Vì vậy, phải kiên nhẫn và suy nghĩ kỹ càng, đừng sớ sác mà hỏng cả cuộc cờ,” câu nói của người lớn tuổi như thể dành cho tôi.

Tôi bỗng quyết định dứt khoát và vui vẻ nhảy cẫng về lều. Tôi sẽ không đi Colombia vì cuộc hành trình sẽ *bất hoàn*, muốn về lại sống ở Hoa kỳ cũng khó lòng. Tôi không trở lại văn phòng Colombia dù rất thèm nghe thêm chuyện đời chính trị của Bác sĩ Đính. Hú hồn!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Tám, 2019

Thắng Thắn Thật Thà Thành Thua Thiệt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Sáu, chỉ một sớm một chiều, tiết trời mùa hè xuất hiện ở nam California. Ban ngày bầu trời trở nên trong xanh và cao, nắng bỗng vàng hơn, và khoảng bốn, năm giờ chiều trời nóng như trưa Sài Gòn. Tuy nhiên, khi mặt trời thấp xuống sau dãy núi, trời mát nhanh và trở lạnh về đêm. Không khí phảng phất những sợi khói mỏng gió đưa lại từ những đám cháy rừng rất lớn ở phía bắc Los Angeles, thành phố cách Trại Pendleton khoảng 100 dặm Anh về phía đông bắc. Trại khuyến cáo các em nhỏ, người lớn tuổi, và người có bệnh hô hấp không nên ra khỏi *ba-rắc*. Một phần do ảnh hưởng của thời tiết, người cao niên nhất trại là cụ bà Xxxx Tám 110 tuổi lâm bệnh tạ thế và được mai táng ở nghĩa địa Eternal Hills (Dãy Đồi Vĩnh cửu) thuộc thành phố Oceanside kế cận.

Đối với tôi, hình ảnh khó quên nhất trong trại là hàng người dài như rồng rắn ngoằn ngoèo quanh nhà bàn hai, ba vòng khi bữa cơm chiều có thịt gà. Mọi người kéo nhau đi ăn sớm và ăn xong trở lại sắp hàng ăn thêm đôi ba lần nữa khiến nhà bếp luôn tay chiên gà mà không tài nào cung ứng kịp. Chẳng bù cho cảnh nhà bàn vắng hoe khi có món cá không hợp khẩu vị. Người ta kể ở Trại 8, nơi số cựu sĩ quan Việt nam Cộng hòa tụ lại đông đảo nhất, sau vài bữa cơm chiều có cá, người tỵ nạn hò nhau đứng biểu tình trước bộ chỉ huy Trại Pendleton đòi hỏi nhà bàn phải có món thịt gà khoái khẩu. Họ không biết rằng ở Hoa kỳ thịt gà là món ăn rẻ nhất trong số các món thịt cá tươi.

Bữa cơm chiều có đầy đủ sữa tươi và cam táo chuối thơm ngon. Khi lấy chuối, tôi được chỉ cho biết chuối chín ăn ngon nhất khi vỏ vừa có tàn nhang. Nhưng nếu muốn ăn chuối chín ngon như thế, tôi sẽ phải mang chuối về lều để dành. Điều đó trái với điều lệ của trại vì ngoài vấn đề vệ sinh là để qua đêm có thể bị hư ăn vào sinh bệnh, thức ăn còn có thể mời gọi côn trùng hay thú vật bên ngoài vào. Tôi nhất định không mang chuối về lều và bị chê là “nhát như cáy.” Những người mang thức ăn ra khỏi nhà bàn nhớn nhợ ưỡn ngực tự phụ, “Mấy thằng lính Mỹ con nít *sức mẩy* mà dám làm gì mình.”

Nhà bàn có cháo thịt bữa sáng và *chop suey* (đọc là “chóp xuy”) bữa trưa. *Chop suey* là một món ăn gồm có thịt (gà, cá, bò, tôm, hay heo) xào với rau cải như giá, cải bắp, và cần tây trong nước bột đánh sền sệt. Chúng tôi cũng có dịp làm quen với các món ăn như *bacon* (thịt heo muối hay xông khói), *hot dog* (xúc xích nóng kẹp vào bánh mì mềm), và *hamburger* (thịt băm viên kẹp bánh mì), nhưng chỉ có bọn thanh niên mới sẵn lòng ăn thử, người lớn tuổi hơn thì giữ vững lập trường . . . quốc gia và chê “đồ Mỹ.”

Thỉnh thoảng các hội từ thiện đem quần áo cũ vào trại phân phát; quần áo *chùa* thì hoặc là rộng quá khổ hoặc là mặc vào trông không giống ai nên *chẳng đáng đừng* mới dùng tới. Chẳng hạn như lúc rời Sài Gòn thằng Sang chỉ có mỗi một bộ áo quần trên người nên hơn hai tháng nay cứ phải diện áo sơ-mi Hạ Uy Di có hình chim cò hay hoa hòe hoa sói. Hai bộ áo quần Lâm và Trọng mang theo cũng đã rách bươm, hai em đành mặc đồ từ thiện và làm như ta đây bất cần bề

ngoài. Tuy nhiên những chiếc quần *ca-ki* đàn ông khổng lồ lại hữu ích, Quỳnh Châu và Bình có sáng kiến xin về tháo chỉ ra lấy vải may thành túi *xắc* để thay thế các túi *xắc* quá tả tơi vì lâu nay lẫn lóc dãi dầu.

Tôi có dư giả thì giờ để viết thư cho bạn ở khắp nơi trên thế giới và hàng ngày ghé trạm quân bưu với năm, sáu cái thư. Thư đi thì gửi miễn phí qua hệ thống quân bưu, và thư đến được lính Thủy quân Lục chiến mang giao tận lều. Nhưng *đã* nhất là những cú gọi điện thoại “collect” viễn liên. Sau bữa ăn chiều, tôi đứng sấp hàng trước phòng điện thoại công cộng để gọi bạn ở Mỹ và Gia Nã Đại. Chỉ cần quay số không (“0”) tới tổng đài và nói tên mình và số điện thoại muốn gọi. Nhân viên tổng đài gọi số bên kia, hỏi khổ chủ có đồng ý nhận (trả tiền) cú điện thoại đó hay không, và khi được chấp nhận, nối vào cho tôi tha hồ than thở và kể khổ.

Đôi khi đường dây bận hay người nhận chưa kịp trả lời, nhân viên tổng đài dịu dàng nói với tôi, “Please hang on.” Lần đầu tiên, tôi băn khoăn “Làm ơn bám chặt lấy (hang on)” là sao và hỏi lại, “Trong cái phòng nhỏ này không có dây nhợ hay tay vịn gì cả, cô bảo tôi ‘bám chặt lấy’ ở chỗ nào?” Cô tổng đài cười xòa giải thích trong lời nói thông tục của người Mỹ, “hang on” nghĩa là “giữ máy (dây nói).” Điều này *Tự Điển Anh-Việt* của Nguyễn Văn Khôn không hề nói.

Một tuần sau khi đến Trại Pendleton, tôi nhận được thư thẳng Công, người bạn thân từ thuở đệ tam (lớp 10) Quốc Học Huế. Nó gửi kèm trong thư tờ bạc một trăm đô la mặt trước in hình Benjamin Franklin (1706 – 1790), một nhà bác học và vị khai quốc của Hoa kỳ. Quỳnh Châu chun mũi đùa, “Hôm nay chồng em thành . . . trăm phú!” Thực vậy, tôi trở nên “giàu có” và không biết tiêu gì cho hết món tiền này. Một bịch thuốc lá Pall Mall *Phải Anh Là Lính Mời Anh Lên Lầu* không có đầu lọc mười gói mua trong *pi-ếch* (PX) có một đô la hai mươi xu (\$1.20), một xâu bia Budweiser sáu lon giá một đô la (\$1.00), và một hộp kim chỉ để may vá cũng không hơn một đô la.



Tôi cảm động và biết ơn sự rộng rãi của bạn. Đối với một sinh viên vừa đi học vừa đi làm nuôi vợ và hai đứa con gái nhỏ như thằng Công, đó là không phải là số tiền nhỏ. Phương chi nó còn gia đình bà mẹ vợ và gia đình người anh lớn hiện nằm trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas; họ cũng chờ nó giúp đỡ.

Thằng Công lớn hơn tôi một tuổi và biết yêu sớm hơn nhiều. Đạo học đệ tam, cuối tuần nó chịu khó đạp xe đạp về thăm quê ở Phú Lộc gần núi Túy Vân. Sáng thứ Hai, nó kể cho tôi nghe chuyện cùng *con bõ* ban đêm ra đụn cát chuyện trò và ngắm trăng và sáng Chủ nhật đi chùa Túy Vân. *Con bõ* là Phương Thảo, nhà ở Phú Lộc nhưng lên Huế ở trọ nhà ông chú họ để đi học

trường Đồng Khánh. Ông chú nàng là cha của Khánh Phương, bạn hàng xóm của tôi ở xóm Mang Cá nay thành vợ chú Hoàng em họ của mẹ. Tôi chứng kiến mối tình thơ ngây và thơ mộng của thằng Công và Phương Thảo lớn dậy và ngày ngày làm “chim xanh” đưa thư tình qua lại cho hai đứa.

Thằng Công thi đậu vào trường kỹ sư và vào Sài Gòn học, trong khi Phương Thảo ở lại Huế học Đại học Sư phạm. Thằng Công được nhận dạy kèm cho Bách Hoa con gái đầu lòng của một gia đình giàu có. Mẹ Bách Hoa là quả phụ của một sĩ quan cao cấp đã tử trận và là một nhân vật có thể lực; bà đã phỏng vấn nhiều sinh viên mới kén được thằng Công. Vừa ăn ở tại nhà vừa lãnh tiền công dạy học, nó được cơm bưng nước rót và cho ở riêng trong căn phòng nhỏ khang trang trên sân thượng có giường nệm, bàn học, tủ sách, và quạt máy. *Que Será, Será* (việc gì đến, sẽ đến), tôi thương *con bồ* đẹp đẽ hiền hậu dễ thương của thằng Công và giận không thèm nói chuyện với nó cả năm trời khi nó đoạn tình với nàng.

Đám cưới linh đình của Bách Hoa và thằng Công cử hành trước khi nó lên đường đi Hoa Kỳ học cao học điện toán. Vài tháng sau, bà mẹ vợ gửi Bách Hoa sang “du học” sống với nó. Riêng về Phương Thảo, mới đây thím Khánh Phương rưng rưng nước mắt cho biết,

“*Con nó tội lắm Ba Hoa ơi. Ra trường hẩn về Đồng Khánh dạy lại và ở rứa (ở vậy) không thèm ửng ai. Ngày 26 tháng Ba thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên thất thủ, hẩn theo đoàn người chạy loạn vô Đà Nẵng. Giữa đường, xe bể phanh (thắng) chạy tuôn xuống dưới đèo Hải Vân; không ai biết số phận những kẻ bạc phước dưới thung lũng sâu ra rặng.*”

* * *

Tôi mừng không biết để đâu cho hết khi gặp lại thằng Tú trong hàng chờ ăn cơm chiều. Nó là người bạn thương phế binh thân thiết tôi ghé thăm mỗi tuần ít nhất là một lần trong ba năm qua. Nó ở Trại 3 như tôi, nhưng ở trong *ba-rắc* và đi ăn khác giờ nên hơn một tuần nay mới gặp tôi. Hai thằng sung sướng rót nước mắt; nó kể lại,

“Sáng sớm ngày ba mươi tháng Tư, tao lo quá bèn chạy xe đến nhà tìm mày; ông bà già nói mày đi rồi. Tao về nhà quơ vội chiếc *xắc* tay chở con Phụng ra bến tàu bỏ xe trên bờ rồi nhảy lên chiếc xà-lan sắp chạy ra chiếc tàu Hải quân lớn giữa sông, và vậy là ‘ông’ theo tàu ra đi.”

“Sao tao không gặp mày ở đảo Guam?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Thương thuyền chở hàng của Mỹ chở ‘ông’ từ vịnh Subic ở Phi Luật Tân đi thẳng đến đảo Wake vì lúc đó Guam đã đầy người. Trại Wake chỉ chứa chừng năm, sáu ngàn dân tỵ nạn; nhưng nhờ vậy mà tao đến đây sớm hơn mày.” Wake là hòn đảo san hô nhỏ ở phía tây Thái Bình Dương và cách đảo Guam khoảng 2,400 cây số về phía đông.

Tôi không ngạc nhiên, nhưng không khỏi xót xa khi thấy thiếu nữ tay trong tay với thằng Tú là Hồng Phụng mà không phải là người yêu từ thuở nó còn đi học là Thanh Phú. Trong gần mười năm qua, Thanh Phú yêu bạn tôi bằng mối tình trong sạch và thanh cao nhất và hy sinh tất cả cho nó. Nó đi lính lên tới trung úy làm đại đội trưởng đánh giặc ở chiến trường miền Tây và bị thương phải cưa chân quá đầu gối, cô sinh viên văn khoa bỏ học về Cần Thơ vào sống trong quân y viện nuôi nó hơn ba tháng trời. Ra khỏi bệnh viện và giải ngũ, nó về Sài Gòn chống đời

nặng gổ khắp khiêng đi ghi danh học ở Đại học Văn khoa. Với sự giúp đỡ hết lòng của người yêu, nó kiên trì vượt qua mọi khó khăn về thể chất cũng như tài chánh.

Thằng Tú miệt mài đèn sách và niên khóa vừa qua học “chứng chỉ” cuối của chương trình Cử nhân Giáo khoa Văn chương Anh mà khi hoàn tất có thể xin dạy trung học đệ nhị cấp trường công lập mà không cần tốt nghiệp đại học sư phạm. Thanh Phú đã đậu Cử nhân Giáo khoa Việt Hán, được bổ làm giáo sư trường trung học Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương, đi đi về về, và ghé thăm thằng Tú vào cuối tuần. Bạn tôi ở trọ tại nhà Hồng Phụng và dạy kèm cho nàng, cô học sinh trường nữ trung học Lê văn Duyệt người Nam duyên dáng xinh xắn và tính tình cởi mở. *Lửa gần rơm không trèm cũng trạ*, lửa lòng bùng dậy khiến đôi nam nữ lỡ chân và không còn giật lùi lại được nữa, và lương tâm không cho phép bạn tôi lựa chọn con đường nào khác.

Vẫn cái giọng nói ngọt ngào ngày nào, thằng Tú khoe,

“Lúc cái chân què này trèo thang lưới lên tàu Hải quân, túi xức đưng giấy tờ lọt mẹ nó xuống sông. Qua đến đây làm thủ tục tụi tao khai là vợ chồng, đỡ mất công làm đám cưới. Phụng nó khoái tĩ lắm!”

Khoảng mười năm sau cuộc đổi đời, Thanh Phú tìm được địa chỉ và viết thư cho tôi. Nàng cho biết, *“Sáng ngày 30 tháng Tư, tôi đến nhà trọ tìm Tú, người nhà Phụng nói Tú vừa ra đi trước đó chừng mười phút đồng hồ.”* Theo lời khuyên của cha mẹ, nàng kết hôn với một sinh viên văn khoa lớp trên và nay đã có bốn cậu con trai. Cuối thư, nàng nhờ tôi chuyển cho thằng Tú bài thơ,

*Cây bưởi kia còn nhớ trắng hoa,
Đêm chưa khuya mấy hỡi trăng tà,
Tình xưa như tuổi buồn không ngủ,
Bước chạp khua từng nổi xót xa.*
(Tô Thùy Yên - “Ta Về”)

Tại sao tạo hóa lại bắt công với hai thiếu nữ ngoan hiền như Phương Thảo và Thanh Phú như thế? Nhiều người nói đó là mặt thật của cuộc đời – *xe la vi* (“c’est la vie” tiếng Pháp) – vào thời buổi chiến tranh trai thiếu gái thừa và

*Nghĩa nhân mỏng đánh như cánh chuồn chuồn,
Khi vui nó đậu, khi buồn nó bay.*
(Ca dao)

Nhưng có người cho rằng giải đáp nằm trong câu nói thông dụng của người Mỹ: *Kẻ tử tế về sau rốt* (“Nice guys finish last”) trích dẫn lời của quản lý đội dã cầu Brooklyn Dodgers là Leo Ernest Durocher (1905 – 1991) nói năm 1946. Nghĩa là trong cuộc tranh tài hơn kém, kẻ *thẳng thẳng thật thà thành thua thiệt*; trong tình trường “nice guys” khó lòng đánh bại tình địch.

Tôi nghi cả hai bên đều đúng.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 11 tháng Chín, 2019

Bay Đi Tổ Quốc Không Gian

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày mồng bốn tháng Bảy, Trại Pendleton âm thầm ăn mừng lễ Độc lập Hoa kỳ: Cờ Mỹ được trưng lên trước văn phòng bộ chỉ huy mỗi trại và các *ba-rắc*, và ngày lễ (nhằm thứ Sáu) nhà bàn có thêm món thịt nướng và bánh nướng nhân táo. Khoảng gần nửa đêm, Quỳnh Châu gọi các em ra đứng ngoài trời xem bắn pháo bông ở thành phố Oceanside kế cận, nhưng tôi và anh Hán ngồi yên trong lều *trông người lại ngắm đến ta* và cảm thấy dâng tràn nỗi tủi nhục của kẻ mất nước lưu vong nơi xứ người.

Tuần lễ tiếp theo, cuộc biểu tình hàng đêm ở Trại 2 trở nên sôi động và inh ỏi; trại này có một khu dành riêng cho những người yêu cầu được hồi hương. Sau bữa cơm chiều, tôi và anh Hán thả bộ ghé qua và tò mò nhìn vào căn lều hội họp của họ nằm cạnh đường chính; đó là chiếc lều lớn có thể chứa trên một trăm người. Một ông cựu thiếu tá tên Tân trạc bốn mươi tuổi trước làm việc ở bộ Tổng Tham mưu đứng đằng trước hoa chân múa tay,

“Bọn Mỹ trí trá, không bao giờ giữ lời hứa; nó giam mình trong các trại tù như thế này hai tháng rồi. Mình xa quê hương, mong đoàn tụ với gia đình, và muốn về thì nó hứa những hứa cuội. Nếu thực lòng, nó thiếu gì tiền của và máy bay, cho mình về lúc nào mà chẳng được? Tôi đứng ra tuyệt thực và tổ chức tranh đấu bên trại Đồn Chaffee, nhờ vậy nó mới đưa cả nhóm sang đây, hứa hẹn chuẩn bị cho mình về. Nhưng mình cần đề cao cảnh giác đừng để nó trở mặt gạt gẫm nữa. Anh em đừng lo, chính phủ ‘Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt nam’ sẽ rộng lòng chào đón mình; *đánh kẻ bỏ đi, không ai đánh người chạy lại.*”

Có đôi ba tiếng vỗ tay lẻ tẻ, nhưng phần đông im lặng và lạnh nhạt nhìn diễn giả. Anh Hán chỉ vào đám đông trong lều,

“Anh Tân này và khoảng 180 người khác vừa ở bên tiểu bang Arkansas chuyển sang đây hôm qua. Cậu nhớ lúc mình ở trại Orote Point, đã có khoảng một ngàn người làm đơn xin về Việt nam. Anh này đã rời đảo Guam vào trại tỵ nạn ở (lục địa) Hoa kỳ rồi mới đòi về. Nay chính phủ Mỹ đưa những người tương tự như anh ta từ ba trại kia tới tập trung ở đây để đưa họ trở lại Guam cùng một lượt.”

“Ông này cấp bậc khá cao và không còn trẻ nữa, khó lòng mà lầm lỡ hay bị bắt buộc ra đi như một số thủy thủ tàu Hải quân. Sao bây giờ quay ra chửi bới và đổ tội cho Mỹ? Lại vờ ngây thơ bảo rằng chỉ cần máy bay Mỹ chở họ về Sài gòn là thẳng Việt Cộng dang tay đón tiếp!”

“Hầu hết những người đó thực sự vì thương nhớ gia đình mà xin về, nhưng thế nào cũng có *bọn kia* trà trộn vào để sách động phá thối; không biết anh này thuộc loại nào. Chính phủ Mỹ không có liên hệ ngoại giao với Việt Cộng nên yêu cầu Cao ủy Tỵ nạn Liên hiệp quốc điều đình xin chúng nó nhận người trở về và không bạc đãi, truy tố, hay bỏ tù họ. Chưa biết rồi sẽ tới đâu.”

Tôi và anh Hán sắp đi về thì một thanh niên trạc hăm hai, hăm ba tuổi từ trong lều chạy ra gọi với,

“Thầy Hán, thầy *Ba Hoa* . . . Hai thầy nhớ em không?”

“A thằng Lê, mày học với tao từ năm đệ lục (lớp 7) đến năm đệ tứ (lớp 9) ở trường Thánh Thomas trên đường Trương Minh Ký, sao lại không nhớ?” anh Hán ngoảnh lại.

“Anh học Vật lý đệ tam (lớp 10) với tôi và lên Đại học Y khoa Minh Đức lại đặng tôi dạy Thực tập Vật lý, có bao giờ *lọt số* anh giáo quên này đâu. Anh làm gì trong đó?” tôi tiếp lời anh Hán.

“Em ở trong nhóm từ trại Đồn Chaffee qua đây, nhưng không biết bao giờ được về, hay có về được hay không,” giọng nói Lê buồn tênh.

Tôi hỏi người học trò cũ,

“Tại sao đang học y khoa ngon lành mà anh lại bỏ dở nửa chừng?”

“Hồi đó em sắp bị gọi động viên nên tình nguyện đi Không quân và được gửi qua căn cứ Không quân Lackland ở tiểu bang Texas học lái khu trục cơ A-37. Em về nước cuối năm ngoái và phục vụ trong Không đoàn Chiến thuật XX ở căn cứ Bình Thủy dưới Cần Thơ.”

“Mày lái oanh tạc cơ tấn công, làm sao ra khỏi Việt nam? Hay cũng tìm tàu Hải quân leo lên chạy như tụi tao?” anh Hán cười cười.

“Dạ sáng ngày 29 tháng Tư, em bay A-37 qua căn cứ U-Tapao bên Thái Lan.”

Lê trả lời trước hai đôi mắt tròn xoe ngạc nhiên của tôi và anh Hán. Căn cứ Không quân U-Tapao (còn viết là Utapao hay U-Taphao) được Hoa kỳ xây nên để làm căn cứ cho phi cơ oanh tạc B-52 đi giội bom trong cuộc chiến. Nước mắt lưng tròng, Lê thuật lại cuộc di tản của Không quân Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) mà châm ngôn “Tổ quốc - Không gian” ghi khắc trong tâm khảm chàng phi công trẻ tuổi.

* * *

Sau Hiệp định Paris 1973, Hoa kỳ rút quân ra khỏi Việt nam và chuyển giao một số lượng chiến cụ khổng lồ cho quân lực VNCH, và Không quân VNCH lớn thành không lực hùng mạnh đứng hàng thứ tư trên thế giới, từ 482 phi cơ năm 1969 thành 2,276 chiếc năm 1973. Khi miền Trung thất thủ, Cộng quân tổn rất ít đạn mà chiếm đoạt *ngon ơ* 933 chiếc phi cơ còn nguyên vẹn, đủ trang bị cho không lực trung bình của vài quốc gia trên thế giới.



Hoa kỳ lo ngại khi VNCH mất, Cộng sản sẽ nuốt trọn số phi cơ hiện đại và tối tân còn lại, đáng giá nhất là hàng trăm khu trục cơ phản lực A-37 Dragonfly (Con Chuồn chuồn) nhỏ mà có khả năng tấn công hữu hiệu và khu trục cơ siêu âm F-5 Freedom Fighter (Chiến sĩ Tự do) mới tinh khôi. Cuối tháng Tư 1975, Phụ tá Bộ trưởng bộ Quốc phòng Hoa kỳ Erich von Marback bí mật đến Sài gòn họp với viên chức cốt yếu của Không quân VNCH và vạch kế hoạch đưa ra khỏi Việt

nam “càng nhiều chiến cụ càng tốt.” (Sứ giả mật Richard Lee Navitage thi hành sứ mạng tương tự với Hải quân VNCH.)

Các phi công VNCH có trong tay phương tiện di chuyển ra khỏi nước nhanh chóng và dễ dàng, họ công khai thảo luận kế hoạch di tản cá nhân, và cấp chỉ huy biết rõ, tuy không khuyến khích nhưng cũng không trách phạt, chắc hẳn cũng có dự định tương tự. Phi cơ trực thăng có lợi điểm là có thể đáp xuống bất cứ nơi nào nên phi công chỉ cần dàn xếp điểm hẹn đón gia đình. Phi công lái phi cơ có cánh cố định (cần phi đạo mới cất cánh và hạ cánh được) thì phải tính cách đưa gia đình vào trong căn cứ và nghiên cứu các nơi có thể bay đến; U-Tapao tương đối gần và tiện lợi nhất. Trong bộ đồ bay áo liền quần, những phi công định ra đi thủ sẵn các giấy tờ cần thiết, kể cả chứng chỉ tốt nghiệp phi hành, để làm lại cuộc đời ở ngoại quốc.

Chiều 28 tháng Tư, Lê bay từ Bình Thủy đi yểm trợ một đơn vị bộ binh bạn và khi quay về thì mức nhiên liệu xuống thấp không đủ về căn cứ nhà nên phải đáp xuống căn cứ Tân Sơn Nhứt ngủ lại đêm. Ba giờ rưỡi sáng ngày 29, khi đợt pháo kích đầu tiên của Việt Cộng rung chuyển mặt đất, chàng nhóm dậy vừa nhảy xuống hầm trú ẩn vừa mặc vào bộ đồ bay. Đợt pháo kích dứt, chàng chạy ào vào trung tâm hành quân để theo dõi tình hình và chờ lệnh.

Chín giờ 45 sáng, ban Tình báo căn cứ loan báo đợt pháo kích sắp tới sẽ vô cùng nặng nề. Đó là hiệu lệnh *giờ G* đã điểm, phi công đua nhau chạy tìm phi cơ để ra đi. Lê tìm thấy một chiếc A-37 đầy đủ nhiên liệu và nhảy vào, một người bạn phi công và một anh hạ sĩ quan bảo trì nhảy lên theo. Cả ba ngồi nôm cứng trong chiếc phi cơ hai chỗ ngồi, hai người kia sẽ không thể nhảy dù ra ngoài nếu phi cơ bị bắn hạ. Lê mở máy chạy ra phi đạo dưới làn đạn pháo kích, một số hỏa tiễn không - không (gắn trên phi cơ chiến đấu để phóng đi tấn công phi cơ địch) nằm chình ình giữa đường, và bình xăng rỗng không vớt bừa bãi khắp nơi.

Đài kiểm soát không lưu không người điều hành, phi công gọi xin chỉ dẫn không ai trả lời, và mạnh ai nấy cất cánh. Một chiếc phi cơ vận tải chở đầy người chạy dọc theo phi đạo, tăng dần tốc độ, nhưng cuối cùng không thể rời khỏi mặt đất và ùi mạnh vào thành cản ở cuối phi đạo rồi bốc cháy nghi ngút: Trong lúc hoảng hốt, phi công quên lấy khóa kiểm soát của phi cơ ra. Ở hướng bắc về phía Gò Vấp, các kho đạn bị phá hủy tạo thành những tháp lửa đầy khói đen. Lê tăng tốc độ chiếc A-37 lên tối đa và cất cánh bay về hướng tây.

Bay đi các cánh chim của *Tổ quốc Không gian*: trực thăng về hướng đông ra biển, các phi cơ khác về hướng tây sang Thái Lan. Tổng cộng có tất cả 165 phi cơ lớn nhỏ đủ loại hạ cánh ở U-Tapao, và căn cứ trở thành trại tỵ nạn tạm thời cho hơn 3,900 người kinh hoàng và đói khát.

Kể đến đây, Lê lim dim mắt nhớ lại,

“Chính phủ Thái sợ sốt vó đòi trục xuất người Việt ra khỏi Thái Lan ngay lập tức. Hôm sau, 21 chiếc phi cơ vận tải loại lớn nhất được phái tới U-Tapao ‘bốc’ hết sang ‘Thành phố Lều’ bên đảo Guam.”

“Đã sang tới đây, sao mà xin về?” anh Hán hỏi xằng.

“Em nhớ nhà quá. Cha mẹ em lớn tuổi mà ba đưa em em còn nhỏ,” Lê rưng rưng nước mắt.

“Bộ mày tưởng tụi nó sẽ cho mày về nhà gặp gia đình à? Nhà tù chờ sẵn, mày đút đầu vào thòng lọng chứ không ai ép buộc đâu nhé,” anh Hán lớn tiếng.

“Dạ em biết mà thầy,” Lê nói xụi lơ.

Cuối tháng Bảy, anh Hán đi Toronto bên Gia Nã Đại. Một buổi sáng, tôi không còn thấy đám người biểu tình bên Trại 2, và yên lặng ban đêm trả lại cho người ở lại.

* * *

Tám năm sau, tôi có dịp viếng thăm nam California và được một người bạn cũ mời đến nhà chơi. Anh Tiến lớn hơn tôi bảy tuổi quê ở Nha Trang và học cùng lớp với tôi ở trường kỹ sư, nhưng hết năm đệ tam niên thì bộ Quốc phòng khám phá ra anh đã bị gọi động viên vài năm trước. Anh không được tiếp tục học và phải nhập ngũ. Anh chuyển sang Không quân và đi Hoa kỳ học lái phi cơ trực thăng. Ngày 29 tháng Tư năm 1975, anh lấy trực thăng về nhà đón gia đình đưa ra hải phận quốc tế, đáp xuống tàu Hải quân Hoa kỳ, và di tản sang Guam.

Tôi và anh Tiến gặp nhau tay bắt mặt mừng, anh giới thiệu em rể,

“*Ba Hoa* biết thằng nhóc Lê này mà.”

“Sao anh lại ở đây, không phải hồi đó về Việt nam sao?” tôi bắt tay người học trò cũ.

“Dạ, sau khi gặp thầy . . . à anh và thầy Hán, em may mắn gặp anh Tiến là đàn anh trong Không quân. *Ảnh* thuyết phục em đổi ý rồi kêu em qua Trại 6 ở chung với gia đình *ảnh*. Em và em gái út của *ảnh* thương nhau và làm đám cưới trong trại,” Lê bẽn lễn.

“Bây giờ Lê làm gì, có liên quan tới nghề bay xưa kia không?”

Lê được dịp khoe,

“Lúc mới xuất trại, anh Tiến em khám phá ra nghề bán đồ đạc (bàn ghế tủ giường) cho giới bình dân rất *sống*. Hai anh em mở hai tiệm, làm ăn khá khá, và lại mở thêm hai tiệm nữa cho bà xã coi. Sau đó, *ảnh* giới thiệu với bạn cũ và giúp họ mở tiệm bán đồ đạc. Hầu như tiệm nào quanh vùng này cũng do mấy anh cựu sĩ quan Không quân làm chủ.”

“Mày đừng *ca ầu* làm *Ba Hoa* tưởng tao chỉ giúp bọn *không quần* mình. *Huynh đệ chi binh*, anh em quân đội nào cần, tao giúp tới nơi tới chốn. Ngay cả anh Tân là người có hành vi mờ ám ai cũng *cạch mặt* mà nghĩ tình đồng bào tao không hề từ nan,” anh Tiến rầy rà Lê.

“Tân nào? Có phải là anh chàng *vua* biểu tình trong trại tỵ nạn?” tôi giạt mình hỏi.

“Dạ đúng. Trở lại đảo Guam, ông ta tiếp tục xúi giục và cầm đầu những người đòi về biểu tình, cạo đầu, và tuyệt thực để gây áp lực với Hoa kỳ. Nhưng khi chính phủ đồng ý cho đi về bằng tàu Việt nam Thương tín thì ông ta xin ở lại Mỹ, trở lại Trại Pendleton, và định cư ở đây,” Lê bực dọc nói lớn.

Ai cũng nghĩ rằng ông Tân được Việt Cộng cấy vào nằm vùng để quấy rối và lũng đoạn tinh thần dân tỵ nạn. Vậy mà anh Tiến không nề hà giúp ông ta mở tiệm làm kế sinh nhai. Bạn tôi thật bao dung, nhưng tôi không hẳn đồng ý với anh.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 25 tháng Chín, 2019

Không Bỏ Bạn Lại

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Tám năm 1985. Thành phố Los Angeles với nhà cửa san sát và xe cộ đông như kiến hiện rõ dần dưới ánh nắng chiều, tiếng cô tiếp viên hàng không loan báo phi cơ chuẩn bị hạ cánh khiến tôi háo hức. Nhân đi công tác ở Palo Alto ở bắc California, tôi bay xuống Los Angeles chơi cuối tuần với vợ chồng Canh; Canh là bạn đồng nghiệp dạy ở Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức. Cuối tháng Sáu năm 1975, tôi đã gặp Canh trong trại tỵ nạn Trại Pendleton, nhưng từ đó đến nay mặc dù thư từ và điện thoại thường xuyên, chúng tôi chưa gặp lại nhau. Canh mừng rỡ khoát tay lia lịa khi thấy tôi ở cuối *jetway* (hành lang dẫn từ phi cơ vào phòng đợi phi trạm). Hai đứa ôm chầm lấy nhau; tôi nhìn bạn từ đầu đến chân và cố dấu vẻ xúc động,

“Mày không chịu bơ sữa để quốc hay sao mà người ngợm tang thương thế kia?”

“Còn mày trông như thằng cha *thiếu thuốc*, có khác gì tao? Chúng mình già rồi *Ba Hoa* ạ,” Canh đỡ lấy chiếc cặp da trên tay tôi.

“Cô *Lòng Heo*. . . à Long Huê có khỏe không? Chiều nay cô ấy đi làm hả?”

Ngày còn là sinh viên ban Điện tử của Đại học Khoa học Sài gòn, Canh bị bạn bè gọi đùa là “Tiết Canh.” Khi Canh cặp *bờ* với cô sinh viên lớp Lý Hóa Nhiên (hay “chứng chỉ” SPCN) Long Huê người Việt gốc Hoa quê ở Rạch Giá, lũ bạn bèn *tức cảnh sinh tình* phang ngay cho nàng cái tên “Lòng Heo” để đi đôi với *Tiết Canh* cho . . . hợp duyên. Canh mỉm cười trách nhẹ,

“Mày chứng nào vẫn tật ấy! Hôm nay bà ấy nghỉ làm ở nhà nấu nướng đãi mày.”

“Tụi mày *nhieu sự*, bày vẽ làm *chi* cho mất công.”

“Mười năm mới có dịp đón tiếp gã nhà quê từ nơi đồng nội North Dakota đến thăm viếng chốn thị thành ấy mà! Hôm nay có thằng Tiễn và vài người bạn ở quanh đây.”

Để đến mười tám, mười chín năm nay tôi mới gặp lại Tiễn. Ngày đó, lớp đệ nhất niên ban kỹ sư của ba trường Công chánh, Công nghệ, và Điện học chung và học các môn khoa học cơ bản; Tiễn thuộc ngành Công chánh và tôi là dân Điện. Mặt rỗ chằng rỗ chịt, người bé lốit choắt, giọng nói oang oang, và tính ưa nghịch phá, Tiễn lần la làm quen rồi chơi thân với tôi. Tôi nghe từ vườn sau Tiễn cười vang kể chuyện xưa,

“Trong giảng đường gần tám chục mạng mà chỉ có hai thằng đứng thẳng lưng là tao và thằng *Chích Chèo*. Bọn *cù lần* kia sợ thầy như đĩ thấy cha, tối ngày đứng khom lưng một điều ‘Thưa giáo sư,’ hai điều ‘Dạ vâng, giáo sư.’”

“Còn mày, phét lác cho lắm mà sao bị *xoọc-ti lát* thành dở ông dở thằng?” có tiếng hỏi vặn lại; “*xoọc-ti lát*” là “*sortie latérale*” tiếng Pháp nghĩa là ra trường ngang hay bị đuổi học.

“Hà hà, ‘anh mày’ là *dân chơi số dzách!* Tình cờ thấy ông Thế Trưởng ban Khoa học Cơ bản vào cầu tiêu sau giảng đường có ổ khóa treo lủng lẳng bên ngoài, tao bèn tiện tay lật bản lề, móc khóa vào bấm lại, và bỏ chạy một nước. Sau đó ông ta biết tao là thủ phạm và ra tay *trù* tới nơi tới chốn. Làm sao tao *thọ* sang năm thứ hai?”

Tiến bắt tay tôi với nụ cười mở rộng đến mang tai; tôi hỏi,

“Hai mươi năm rồi mà sao bạn ta không lớn thêm được tí ti nào? Đã vợ con gì chưa hay vẫn phòng không chiếc bóng?”

“Thứ nửa người nửa ngợm nửa đời ươi như nó, con *Chín dưới đờ* cũng chê, đàn bà con gái ai mà thêm?” Canh cười khà khà khiêu chiến; “*chín dưới đờ*” nói lái thành “*chó dưới đình.*”

“Hôm nay có thằng *Chích Chòe* phượng xa lại, tao tạm tha cho thằng *Tiết Canh*. Vả lại, cô *Lòng Heo* hứa cho ăn ngon nên ‘anh nó’ nhường nhịn một tí cho phải đạo,” Tiễn vênh váo trả lời và giới thiệu người bạn đứng bên cạnh với tôi, “Thằng Hoàn ở chung nhà với tao. Xưa kia nó có *vợ đình huỳnh*, nhưng khi *đzot* khỏi Sài Gòn, gặp ‘hên’ *vợ ngúm củ lèo* nên thành ra độc thân vui tính như tao.”

Hoàn trông tương phản với Tiễn một trời một vực: thân hình cao lớn, hùng tráng khôi ngô, nhưng vẻ mặt u sầu với đôi mắt buồn thẳm thẳm. Hoàn bước lại gần tôi nói nhỏ nhẹ,

“Tôi là dân trung học Võ Tánh Nha Trang, hồi đi thi tú tài đã nghe danh ‘ông.’ Trong lúc ‘ông’ làm bá chủ hội đồng Võ Tánh cả hai năm, tôi chật vật lắm mới qua được cửa ải Tú tài I, nhưng năm sau trượt vỏ chuối trong hai kỳ thi Tú tài II.”

“Sau đó ‘ông’ làm gì?”

“Tôi tình nguyện đi sĩ quan Không quân. Sau thời gian thụ huấn tại trường Sĩ quan Không quân Nha Trang, tôi đi Mỹ học lái phi cơ vận tải. Đầu năm 1975, tôi là đại úy lái C-130 ở Không đoàn Chiến thuật XX trong căn cứ Tân Sơn Nhứt.”

C-130 Hercules (Dũng sĩ Hercules) là máy bay vận tải có bốn động cơ *tua-bin* cánh quạt có thể cất cánh và hạ cánh trên phi đạo ngắn không dự bị trước. Gần cuối bữa tiệc thịnh soạn do Long Huệ khổ công nấu nướng, và khi màn đấu láo của đám bạn dịu lại, tôi gợi chuyện với Hoàn,

“Năm 1975, ‘ông’ ra đi bằng gì? Chắc hẳn không phải là tàu Hải quân như tôi rồi.”

“Tôi lái C-130 chở gia đình quân nhân Không quân trốn thoát qua căn cứ U-Tapao bên Thái Lan.” Căn cứ Không quân U-Tapao được Hoa kỳ dùng làm căn cứ cho phi cơ oanh tạc B-52 đi giới bom thời chiến tranh Việt nam.

“Bà’ ấy mất vào lúc nào?” tôi ái ngại hỏi.

“Quế Hương cũng là dân Nha Trang; nàng *ra đi* trong chuyến bay định mệnh đó. Ở Sài Gòn chỉ có hai đứa tôi, gia đình hai bên ở hết và kẹt lại ngoài Nha Trang,” với giọng nói buồn tênh, Hoàn chậm rãi thuật lại quãng đời đau thương mười năm trước.

* * *

Trong mấy tuần lễ cuối cùng của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”), quân nhân Không quân, nhất là các phi công như Hoàn, công khai thảo luận và chuẩn bị di tản gia đình bằng máy bay của mình. Ba giờ rưỡi sáng ngày 29 tháng Tư, đợt pháo kích đầu tiên của Việt Cộng vào căn cứ Tân Sơn Nhứt khiến Hoàn và Quế Hương thức dậy và sửa soạn ra đi. Khoảng chín giờ, Hoàn trông thấy ông Phó Kiên lên trực thăng bay theo hướng đông về phía Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ ngoài hải phận quốc tế. Chín giờ 45 phút, ban Tình báo căn cứ loan báo đợt pháo kích sắp tới sẽ gây thiệt hại rất nặng nề; đó là hiệu lệnh *giờ G* đã điểm. Giờ thì mạnh ai nấy bay.

Hoàn và Quế Hương chạy như bay và leo lên chiếc C-130 chàng bay thường ngày, phi cơ đã đầy ắp người. Chàng vội kiểm chỗ cho Quế Hương ngồi rồi bước ngay vào phòng lái mở máy cho

phi cơ chạy từ từ ra phi đạo; nhiều người lo ngại chạy theo và cố nhảy lên cửa trước còn để mở. Ra tới phi đạo, chàng ra lệnh đóng cửa, gia tăng tốc độ, và cất cánh bay về hướng tây giữa làn đạn pháo kích. Đáp phi cơ xuống U-Tapao an toàn, chàng thở phào một tiếng nhẹ nhõm và đợi hành khách xuống hết mới ra khỏi phi cơ. Trong khi mọi người được đưa tới khu tạm trú trong các nhà để máy bay, *ba-rắc* lính, và lều vải nhà binh, chàng kinh hoàng nhảy bổ đi tìm Quế Hương; không ai thấy nàng đâu cả. Cuối cùng, chàng gặp anh hạ sĩ quan cơ khí quen, anh ta mếu máo,

“Đại úy ơi, ở Tân Sơn Nhứt, khi cửa còn mở, bà đứng nghiêng mình ra ngoài giúp kéo những người đất lên. Họ níu kéo chen lấn và đẩy bà rớt xuống, bà bị máy bay cán lên người.”

Trời đất sụp đổ trước mắt Hoàn. Người vợ yêu quý chết tức tưởi. Đi ra ngoại quốc làm gì khi lẽ sống duy nhất trong đời không còn nữa? Chàng phải trở về Việt nam tìm xác nàng mai táng cho trọn tình trọn nghĩa. Dù chết cũng về, nhất định thế.

Căn cứ U-Tapao trở thành trại tiếp cư cho 3,900 người di tản. Vị chỉ huy trưởng là Đại tá Harold R. Dallas, một sĩ quan có ba mươi năm quân vụ, phải chạy đôn chạy đáo lo ăn ở cho đám người này. Nhưng khẩn thiết hơn là ông phải di chuyển họ ra khỏi Thái Lan ngay lập tức. Chính phủ Thái sợ Việt Cộng kiểm soát gây hấn và xâm chiếm, nhất định đòi trục xuất họ ra khỏi nước, và đe dọa sẽ tổng giam và hành hình nếu họ không tuân lệnh. Bộ chỉ huy Không quân Hoa Kỳ vùng Thái bình dương đóng tại Hạ Uy Di cấp tốc gửi 21 phi cơ vận tải hạng nặng C-141 sang để chở tất cả qua đảo Guam.

Khi những chiếc C-141 đầu tiên đáp xuống U-Tapao, Đại tá Dallas lại đương đầu với khó khăn mới: Kể cả người phi công vừa mất vợ, có 65 quân nhân VNCH trẻ nói đã ra đi làm và muốn trở về Việt nam. Tất cả đều đi trên chiếc C-130 do Hoàn lái sang và do một thiếu úy tên Lý cầm đầu; Lý cùng tuổi với Hoàn và phục vụ ở phòng Kỹ thuật Không quân. Đại tá Dallas cậy một đại tá Không quân là vị sĩ quan VNCH cấp bậc cao nhất thuyết phục 65 người đó đi sang Guam tạm nạn; ông này vạch rõ ra rằng nếu họ trở về, Việt Cộng sẽ không dung tha và đem ra xử bắn như không. Rốt cuộc, 52 người đồng ý đi Guam, nhưng 13 người còn lại (gồm cả Hoàn) kiên quyết, “Về hay chết tại đây!”

Mười ba người cực kỳ bướng bỉnh đó đặt Đại tá Dallas vào một hoàn cảnh vô cùng khó xử, giao họ cho chính phủ Thái là điều sau chót một chiến binh yêu thương đồng đội như ông muốn làm. Giữa lúc đó, y sĩ của căn cứ đưa ra đề nghị: Truyền thống của quân đội Hoa Kỳ là *không bỏ bạn lại* (“no one left behind”), và nếu vì một lý do nào đó quân nhân bị thương thà chết chứ không chịu rời chiến trường, quân luật Hoa Kỳ cho phép toán quân y dùng thuốc an thần để cưỡng bách tản thương. Trong khi chiếc C-141 cuối cùng để máy nổ nằm chờ trên đường ra phi đạo, vị chỉ huy trưởng buộc lòng chấp thuận giải pháp này.

Người đầu tiên bị tiêm thuốc an thần là Lý, Lý vùng vẫy kịch liệt khi bị khiêng vào trạm quân y. Mười hai người kia ngộp ngừng, nhưng không kháng cự. Theo đúng thủ tục, đại tá Dallas phái bốn quân cảnh và một y tá đi theo hộ tống họ. Đến Guam, 13 người phản đối dữ dội, biểu tình tố cáo lính Mỹ “dùng thuốc mê để bắt cóc” họ, và khiếu nại với văn phòng đặc trách thỉnh

nguyện hồi hương của Hoa kỳ. Báo chí đăng tin và làm lớn chuyện khiến Đại tá Dallas bị cách chức và bắt buộc phải giải ngũ.

Kể đến đây, Hoàn mím môi cố nén nỗi bực tức,

“Phải công nhận thằng Lý có tài xúi giục và huy động đám đông. Ở Guam, nó cầm đầu những vụ biểu tình, cạo đầu, tuyệt thực, và có lần bạo động đốt doanh trại và đánh lính Mỹ bị thương. Nhưng khi chính phủ Hoa kỳ đồng ý cho đi về bằng tàu Việt nam Thương tín thì trước ngày lên tàu nó xin ở lại.”

“Mẹ nó, đúng là thằng Việt Cộng nằm vùng! Xong công tác đó, nó ở lại Mỹ để tiếp tục đánh phá cộng đồng tỵ nạn,” tôi buột miệng la lớn.

“Ai cũng thấy vậy; tôi còn nghi nó là thủ phạm gây ra cái chết của Quế Hương. Tôi bèn đổi ý xin ở lại, đó là quyết định sáng suốt duy nhất của tôi trong gần sáu tháng trời.”

Thấy tên “Lý” nghe quen quen, tôi hỏi,

“Bây giờ thằng Lý đó ở đâu, ‘ông’ biết không?”

“Nó lấy vợ, và hai vợ chồng sống ở San Francisco và kết nạp bọn thân Cộng, gây quỹ, và ra báo tuyên truyền cho Cộng sản trên đất Mỹ tự do. ‘Ông’ biết trong giới người Việt tỵ nạn mình có một nhóm võ trang bí mật tên là Việt nam Diệt Cộng Hưng quốc chứ? Khoảng ba năm trước, họ gửi thư ngỏ cảnh cáo vợ chồng nó, nhưng cặp Cộng con không những không ngưng hoạt động mà còn lên mặt thách đố. Nhóm *Hưng quốc* ra tay, vợ chồng nó bị bắn chết trước nhà, và cảnh sát địa phương và FBI (Văn phòng Điều tra Liên bang) điều tra mà không tìm ra manh mối.”

“Đáng đời hai đứa gian ác! Tôi có đọc vụ này trên cả hai tờ *Time* và *Newsweek*,” tôi gật đầu; *Time* và *Newsweek* là hai tuần san nổi tiếng phát hành tại Hoa kỳ và lưu hành khắp thế giới.

“Mười năm qua, tôi rất ân hận về việc mình làm: Với tư cách một quân nhân đồng minh, Đại tá Dallas đã áp dụng nguyên tắc ‘*không bỏ bạn lại*’ để cứu giúp 13 quân nhân Việt nam Cộng hòa. Vậy mà tôi nghe theo lời kẻ gian và góp phần vào việc chấm đời binh nghiệp của một sĩ quan đáng kính.”

Tôi thấy có đến hai người đáng kính: Một người là Đại tá Dallas – đã đành, người kia chính là Hoàn. Dù trải qua bao nhiêu khổ đau mất mát, chàng can đảm nhận lỗi lầm của mình. Tôi đâm ra phục người bạn mới quen.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Mười, 2019

Người Ra Đi, Kẻ Trở Về

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Sáu năm 1992. Chiều thứ Sáu, buổi họp sau cùng của chuyến công tác vừa kết thúc, tôi vội vàng nhảy lên tắc-xi ra phi trường Cleveland để bay sang Toronto ở Gia Nã Đại. Cleveland thuộc tiểu bang Ohio nằm trên bờ nam hồ Erie, theo đường chim bay chỉ cách Toronto khoảng 200 dặm Anh, và chiếc phi cơ 60 ghế bay ngang qua hồ Erie không tới 45 phút là tới. Từ nhiều năm nay, mỗi khi đi họp ở vùng đông bắc Hoa Kỳ, tôi nhân cơ hội bay sang Toronto và ở lại một hay hai ngày để họp với các bạn trong Tạp chí Xxxx Việt, một nguyệt san đấu tranh văn học nghệ thuật. Tờ báo do Bảo chủ trương và dùng làm phương tiện chống Cộng và sinh hoạt cộng đồng. Bảo là bạn thân của tôi từ thời học trường kỹ sư; Bảo học Công chánh, tôi bên Điện.

Mặt trời còn trên ở cao mặc dù đã sau sáu giờ chiều khi tôi ra khỏi khu kiểm soát quan thuế và di trú ở phi trường. Bảo đón tôi với nụ cười nghiêm trang cố hữu và khi thấy bộ mặt phờ phạc của tôi, nhẹ nhàng trách,

“Ông’ làm việc hùng hục như trâu, di chuyển như chim bay chuột chạy, lại ăn ngủ thất thường; kiểu này thì chỉ có nước thác sớm bạn ơi.”

“Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ, mỗi ngày chỉ có hăm bốn tiếng đồng mà mình có bao nhiêu chuyện phải làm. Nhưng ông bạn quý có khác gì tôi: dẫn thân đấu tranh, mỗi đêm Bảo ngủ được mấy tiếng đồng hồ?”

“Chuyện ngủ nghe lẽ tẻ kể làm gì? Kỳ này ‘ông’ hên, sang nhằm tối thứ Sáu cuối tháng anh em tổ chức hội thảo bỏ túi vừa họp mặt ăn uống vừa thảo luận những đề tài đáng chú ý của cộng đồng. Hôm nay, mình sẽ nghe hai anh bạn kể chuyện đi và về bằng tàu Việt nam Thương tín (“VNTT”) năm 1975.”

Mọi người đã tề tựu đông đủ dưới giàn bầu hồ lô ở sân sau nhà Hiền khi tôi và Bảo đến. *Vác ngà voi* như các anh em khác trong tờ báo, Hiền giữ nhiệm vụ “trị sự” tòa soạn. Hiền mừng rỡ kéo tay tôi vào giới thiệu,

“Nhà toán học *Ba Hoa* phụ trách mục ‘*Đố Chơi Để Chọc*’ được độc giả mến chuộng nhờ tài diễn tả các bài toán khó điếc lỗ tai thành những câu chuyện khôi hài vui nhộn.”

“Anh *Ba Hoa* ở đây, còn chị *Chích Chòe* ở đâu không thấy?” anh nào đó hỏi đùa.

“Ngoại trừ mục ‘*Thư Đi Tin Lại*,’ anh *Ba Hoa* là người nhận được nhiều thư ái mộ của nữ độc giả nhất. Bộ *ngụ* hay sao mà mang cái *rờ-moóc* theo làm kỳ đà cản mũi?” Hiền cười cười trả lời, nhưng cốt để ghẹo tôi.

Từ đằng sau chiếc bàn dài, một người trạc độ tứ tuần ăn mặc khá lịch sự bước tới bắt tay tôi,

“Tôi là Hậu, bài nào của anh tôi cũng đọc ngẫu nhiên không sót một chữ. Các chuyện vui anh kể khiến tôi nhớ lại thời đi học trường Việt nam Hàng hải ở Phú Thọ. Hồi đó, tôi học khóa sĩ quan cơ khí hai năm nên vào Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật sau anh mà lại ra trường cùng một lúc.”

“Hèn *chi* tôi thấy mặt ‘ông’ quen quen,” tôi gật đầu.

“Ông’ Hậu là một trong hai diễn giả tối nay,” Bảo xen vào và chìa tay giới thiệu người thứ hai, “Vũ ngày xưa học Chu văn An cùng năm đệ nhất (lớp 12) với tôi. Sau khi đỗ Tú tài II, *hấn* tình nguyện nhập ngũ, học trường Sĩ quan Hải Quân Nha Trang, và làm đến ông *quan ba hai quần* (đại úy hải quân).”

Cả bọn cùng nhau ăn uống và chuyện trò vui vẻ. Chúng tôi ăn ngon miệng vì mỗi người mang tới một món ăn vốn là *món ruột* của bà nội trợ ở nhà. Sau bữa ăn là phần hội thảo, Hậu và Vũ lần lượt kể lại cuộc hành trình của mình trên con tàu định mệnh.

* * *

Hậu làm sĩ quan cơ khí trên thương thuyền VNTT. Tàu thuộc quyền sở hữu của Công ty Việt nam Hàng hải (“VNHH”) và là chiếc tàu viễn dương đầu tiên của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Ngày 29 tháng Tư năm 1975, khi tình hình tuyệt vọng, hàng ngàn người tụ tập ở bến Bạch Đằng và Khánh Hội tìm cách leo lên các thương thuyền đang đậu. Tám giờ sáng ngày 30, VNTT rời Phao 1 ngoài sông vào cặp bến Kho 5 Khánh Hội, thuyền trưởng rời tàu về đón gia đình, và thủy thủ đoàn (trong đó có Hậu) và một số viên chức quản trị của VNHH đã đưa thân nhân tới chờ sẵn, hối hả lên tàu. Rất nhiều người khác nhân cơ hội ùa lên theo. Mười giờ 24 phút, máy phát thanh trên tàu phát ra lời tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Yyyy Man, một số quân nhân dùng súng tiểu liên và lựu đạn buộc thủy thủ đoàn phải lập tức rời bến, và tàu nhỏ neo giựt xích ra đi.

VNTT xả hết tốc lực chạy ra khỏi Sài gòn và bị Việt Cộng (“VC”) bắn hỏa tiễn tấn công ba lần khiến hông tàu thủng một lỗ lớn và hai người bị tử thương. Ra đến hải phận Vũng Tàu, kiểm điểm người thì có khoảng 100 nhân viên VNHH và thân nhân trong các buồng tàu và 650 hành khách. Ba ngày sau, tàu lết vào vịnh Subic ở Phi Luật Tân. Lính Mỹ lên tàu bắt giao nộp vũ khí, đưa người bị thương xuống chữa trị, vá lỗ thủng bên hông, và yêu cầu tiếp tục đi tới đảo Guam.

Ngày 9 tháng Năm, VNTT cặp bến hải cảng Apra để chuyển hành khách vào trại tỵ nạn Orote Point rồi trở ra biển thả neo trong vịnh. Nhân viên VNHH ở lại trên tàu trong khi chờ đợi chỉ thị của công ty. Cuộc sống vật chất trên VNTT thật tiện nghi và thoải mái, tàu có đầy đủ thực phẩm và bia rượu hảo hạng dự trữ cho một cuộc hành trình dài, và thỉnh thoảng nhân viên VNHH lên bờ đi *pinic* và tắm biển như đi nghỉ hè phương xa. Nhưng rồi họ cũng phải tìm đất dung thân, nơi sẽ sống quãng đời còn lại và xây đắp tương lai. Mọi người đồng lòng xin nhập cư Gia Nã Đại và ngày 12 tháng Bảy, xuống tàu vào trại Orote Point làm thủ tục di cư sang miền đất hứa. Quyền sở hữu VNTT được chuyển giao cho chính phủ Liên bang Hoa kỳ do sự xếp đặt của văn phòng Luật sư Arriola & Cushnie ở Guam đại diện cho công ty VNHH và thủy thủ đoàn.

Hậu mỉm cười mà nước mắt rưng rưng,

“Cuối tháng Bảy, chúng tôi rời Guam bay qua Trại Pendleton ở tiểu bang California để khám sức khỏe và nhận chiếu khán vào Gia Nã Đại, một số xin ở lại định cư ở *xứ Cờ Hoa*. Tôi bắt đầu cuộc sống mới ở *xứ Cờ Lá* và nhận nơi này làm quê hương. Cuối tháng Mười, tôi nhận được thư văn phòng luật sư thông báo Hoa kỳ đã dùng tàu Việt nam Thương tín đưa người trở về Việt nam. Tôi không còn cơ hội thấy lại con tàu thân yêu gắn bó trong năm năm hồ hải trên biển cả.”

* * *

Đầu tháng Tư năm 1975, Vũ phục vụ ở căn cứ Hải quân Phú Quốc, và trong tình hình rối beng, căn cứ cắm trại 100 phần trăm. Vợ Vũ là Kim Ngọc có bầu gần sanh và con trai là bé Hải mới hai tuổi nên Vũ gửi vợ con về nhà ông bà nhạc trong Rạch Giá để rảnh tay lo nhiệm vụ. Chiều ngày 29, Hải quân di tản, và tàu của căn cứ được lệnh nhổ neo và tập trung ở vùng Côn Sơn. Sáng ngày 30, Tổng thống Yyyy Man ra lệnh đầu hàng; người chiến binh thất trận ngồi trên *boong* tàu nhìn về quê nhà mà nước mắt chan hoà, thi hành phận sự thường nhật như cái máy, và theo tàu đến đảo Guam, thương nhớ vợ con và thần thờ như kẻ không hồn.

Cuối tháng Sáu, một nhóm người trong trại Orote Point hàng ngày tụ tập trước bộ chỉ huy biểu tình đòi về Việt nam. Chẳng bao lâu, Hoa Kỳ thành lập văn phòng đặc trách thỉnh nguyện hồi hương và yêu cầu Cao ủy Tỵ nạn Liên hiệp quốc (UNHCR) hợp tác và giúp đỡ. Vũ làm đơn xin về đoàn tụ với gia đình. Đồng thời, những người muốn trở về mà đã vào trại tỵ nạn ở bốn tiểu bang Arkansas, California, Florida, và Pennsylvania cũng được đưa trở lại Guam.

Vì Hoa kỳ không có liên hệ ngoại giao với chính phủ VC, UNHCR làm trung gian điều đình xin VC nhận người hồi hương và không bạc đãi, truy tố, hay giam tù họ. Ban đầu, VC đưa mẫu lý lịch bắt kê khai; nhưng sau khi nhận được bản khai, VC ngưng hợp tác với UNHCR và đòi thảo luận trực tiếp với Hoa kỳ, nói là để tái lập bang giao và đòi bồi thường chiến tranh.

Ngay từ ban đầu, dưới sự xúi giục và huy động của một nhóm nhỏ, những người muốn hồi hương đã biểu tình, cạo đầu, và tuyệt thực để đòi Hoa kỳ phải “thả” họ về. Các cuộc phản kháng xảy ra như cơm bữa, họ mong mỗi nỗ lực “đấu tranh chống Mỹ” sẽ được VC ghi nhớ. Họ trương hình *cụ* Hà và bày tỏ lòng tri ơn đối với ông ta; đây là lần đầu tiên và duy nhất trong lịch sử chân dung một lãnh tụ Cộng sản xuất hiện ở một căn cứ quân sự Hoa kỳ. Họ kéo nhau đi bộ ra khỏi căn cứ, đến thủ phủ Agana của Guam, và chằng biểu ngữ và hô khẩu hiệu kết tội Hoa kỳ giam giữ họ trái với ý nguyện. Cuối tháng Tám, hàng trăm người bạo động đập phá, ném đá, ném bom xăng, và dùng gậy gộc tấn công lính Mỹ. Họ đốt rụi hai *ba-rắc* lính và đánh bốn sĩ quan Mỹ bị thương.



Ngày 30 tháng Chín, UNHCR cho biết các cuộc đàm phán thất bại và VC không nhận người trở về, chấm dứt hy vọng về giải pháp hồi hương chính thức và hợp lệ. Chính phủ Hoa kỳ bèn đồng ý cấp chiếc tàu VNTT đang neo tại Guam cho họ làm phương tiện đi về, và chọn cựu Trung tá Hải quân Zzzz Đình làm thuyền trưởng và khoảng 100 cựu quân nhân Hải quân VNCH làm thủy thủ. Hải quân Hoa kỳ tân trang con tàu toàn diện tốn trên một triệu đô la, huấn luyện thủy thủ

đoàn, và cung cấp mọi thứ cần thiết cho chuyến đi như y phục, thực phẩm, nước ngọt, nhiên liệu, v.v. Trước ngày khởi hành, 28 người đồng ý xin ở lại. Tổng cộng 1,546 người lên tàu, trong đó có 250 phụ nữ và trẻ em.

Giữa tháng Mười, VNTT rời Guam và đầu tháng Mười Một cập bến hải cảng Cầu Đá Nha Trang. Công an đón đoàn người trở về với chiếc còng số 8 và tổng giam tất cả vào trung tâm huấn luyện cũ của VNCH ở Đồng Đế. Quần áo, vật dụng cá nhân, và mọi tài sản đều bị tịch thu. Mọi người phải đứng trần truồng cho công an khám xét tới tận bộ phận sinh dục phụ nữ và hậu môn để tìm của giấu. Trong ba ngày, ai nấy đều phải đi cầu vào cái xô (tiếng Pháp “seau” là cái thùng nhỏ), xong đích thân công an đi đổ để tìm xem có hạt xoàn hay quý kim nuốt vào giấu bụng hay không. Phụ nữ và trẻ em bị giam tối thiểu chín tháng, và những người khác thì năm năm trở lên, tùy theo “thành phần” và “lý lịch.” Ông Đình bị buộc tội “vớ tư cách thuyền trưởng, đã dẫn đầu âm mưu của Mỹ Ngụy” và nằm trong tù 13 năm.

Vũ nói như muốn khóc,

“Suốt hai tháng, đời sống vật chất cực kỳ thiếu thốn và cực khổ, tôi bị khủng bố, ép cung, và chụp mũ là *Xĩa* (CIA) Mỹ gài vào để chống phá nhà nước. Đêm đêm nước mắt hối hận ứa ra, tôi đấm ngực ăn năn, ‘*Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng*’ như trong kinh Thú nhận. Đầu năm 1976, tôi bị chuyển ra trại A-30 Xuân Phước gần Tuy Hoà để ‘cải tạo lao động.’”

“Khi nào anh gặp lại gia đình?” Hiền lên tiếng hỏi.

“Vào trại A-30 khoảng sáu tháng, tôi ‘lao động tốt’ và không ‘phạm kỷ luật’ nên được phép viết thư về cho gia đình. Gần một năm sau, Kim Ngọc mới được phép thăm nuôi và lặn lội từ Rạch Giá ra với giỏ quà tiếp tế. Nàng nhìn tôi thật buồn, ‘Ba má và hai con ai cũng thương và nhớ anh. Nhưng lần này em đi thăm anh cũng là lần cuối cùng; nhà mình quá kiệt quệ, không đủ đáp đổi qua ngày.’ Lòng tôi đau như cắt, tưởng là về để lo cho vợ con, nào ngờ thành gánh nặng cho người thân.”

Sau đó Vũ bị chuyển ra trại Nghệ Tĩnh ngoài Bắc và đến năm 1984 mới được thả ra, tù đầy cả thảy là chín năm. Hải đã mười một tuổi, và cậu bé Dương lên chín mà chưa hề thấy mặt cha. Năm 1986, Vũ vượt biên bị bắt lại, bị giam 45 ngày trong xà-lim tối, và hai năm sau mới được thả về. Tháng Tư năm 1989, Vũ cùng Kim Ngọc và hai con lại đi, lần này đi trót lọt và đến Pulau Bidong ở Mã Lai Á, và 28 tháng sau được Gia Nã Đại nhận. Rốt cuộc, Vũ đến miền đất tự do sau 16 năm khổ ải trong địa ngục trần gian.

Tôi xót xa bàng hoàng khi nghe Vũ thuật lại những kinh nghiệm thương đau. Sao trên đời này có những con vật tàn ác với đồng loại đến thế?

Nguyễn Ngọc Hoa

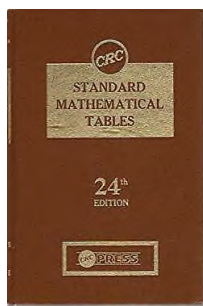
Ngày 16 tháng Mười, 2019

Anh Đôn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tính đến nay tôi ở trại Trại Pendleton gần một tháng và đã quen với thức ăn lính Thủy quân Lục chiến nấu. Từ thuở bé, tôi đã tập cho mình không cho việc ăn uống là quan trọng vì mẹ thường dạy “ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn”; đó là câu ngạn ngữ Pháp “Il faut manger pour vivre et non pas vivre pour manger” lấy từ vở kịch *L'avre* (Người Biển lặn) của Molière. Trong những năm trọ học xa nhà và bỏ nhà *đi bụi đời*, tôi ăn để nhớ bữa và sống còn nên không phiền hà dù cơm không ngon miệng. Tuy vậy, đêm đêm nằm trong lều tôi cũng thấy nhớ nhớ những món ăn sũa soạn tươm tất của nhà hàng Thanh Bạch trên đại lộ Lê Lợi Sài Gòn.

Ở đây, tôi ngại nhất là phải đương đầu với nhàn rỗi và nhàm chán và nhớ tới chuyện nhà kỹ sư và toán học Jean-Victor Poncelet (1788 – 1867) người Pháp: Phục vụ trong đoàn quân viễn chinh của Napoléon đi đánh Nga, ông bị bắt cầm tù hai năm, trong lúc ở tù giải trí bằng cách làm toán, và từ đó soạn thành cuốn sách đặt nền tảng cho ngành toán học mới là Hình học Họa hình. Để giết thì giờ, tôi bắt chước Poncelet và đêm ngày làm toán thăm, nhớ lại và chứng minh trong đầu các công thức toán trong cuốn *Bảng kê Toán học Căn bản* là cuốn sách tham khảo chủ yếu của mọi kỹ sư và khoa học gia trên thế giới.



Tôi nhớ lại các bài học Anh văn trong bộ *English for Today* (Anh ngữ Ngày Nay), viết ra giấy, và dùng để dạy hai em nhỏ nhất là Lâm và Trọng. Bắt hai cậu bé ngồi học bài một ngày một tiếng đồng hồ không phải là chuyện dễ; hai đứa có nhiều bạn để vui đùa, đá bóng, xem xi-nê, v.v. Khi tôi đề cập chuyện học Anh văn với thằng Sang, nó hếch mặt lên, “Tiếng Anh *tui* giỏi sẵn và nói hay như Mỹ rồi, học làm *chi* cho mất công?” Quỳnh Châu và Bình thì rủ nhau đi học tiếng Tây Ban Nha và tối ngày líu lo thực hành những câu đàm thoại học được.

Giữa tháng Bảy, một ngày hạnh phúc hiếm hoi chợt đến: Anh bạn Leon quê ở bắc California từ Nhật Bản bay về thăm tôi. Mười một năm trước, anh phục vụ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (hay IVS) ở Ban Mê Thuột (“BMT”) và học tiếng Việt với tôi. Về nước, anh đi học lại lấy bằng tiến sĩ ở Đại học California, Berkeley rồi sang Nhật dạy học. Anh nằm trong lều nghe tôi thuật lại cuộc hành trình gian khổ xuyên qua Thái bình dương. Đến giờ cơm chiều, thằng Sang kiếm thêm một tấm thẻ ăn và “mời” anh đi ăn cơm nhà bàn. Anh cầm khay đứng sắp hàng, nhưng khi tới quầy phát đồ ăn anh xin lỗi và giải thích với mấy người lính, “Tôi đi theo bạn để nói chuyện chứ không ăn.”

“Nhưng rồi ông cũng phải ăn tối chứ?” anh lính trẻ đứng đầu quầy nhoẻn miệng cười và múc đồ ăn bỏ vào khay cho anh Leon.

Trước khi chia tay anh Leon hỏi, “Tôi làm được gì cho em?” Đã soạn sẵn bản tóm lược (bối cảnh học hành và làm việc) của mình, tôi đưa cho anh bản thảo viết tay. Một tuần sau, tôi nhận được một hộp bản tóm lược mà anh đã công phu chỉnh sửa, đánh máy, và đem đi in trên giấy quý. Bản tóm lược thật hoàn hảo, anh Hán xem xong hỏi đùa, “Cậu không định nộp đơn xin làm bộ trưởng cho Tổng thống Ford đấy chứ?” Duy có điều không ổn là địa chỉ của đương sự: Lều 67 Trại 3; Trại Pendleton, California 92055. Vấn đề bây giờ là gửi đi đâu để xin việc.

* * *

Thanh niên Chí nguyện Quốc tế là cơ quan tư bất vụ lợi do ba giáo phái Tin lành Hoa kỳ Mennonite, Brethren, và Quaker lập ra vào năm 1953 với mục đích gửi thanh niên tình nguyện đến các nước chậm tiến để giúp đỡ dân chúng trong các dự án phát triển chăn nuôi, thí nghiệm trồng trọt, vệ sinh, giáo dục, v.v. IVS là tổ chức tiên phong và tám năm sau (1961) được chính phủ Hoa Kỳ mô phỏng để lập Đoàn Hòa bình.

Năm học đệ nhị (lớp 11) trường trung học Ban Mê Thuật, tôi học Anh văn với thầy Can; thầy vừa tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài gòn và về BMT dạy năm đầu tiên. Trước khi vào đại học, thầy làm thông dịch viên cho một trong những toán IVS đầu tiên sang Việt nam. Đó là toán giúp dựng nên Trung tâm Thực nghiệm Nông Lâm Súc cách BMT chừng mười cây số và hướng dẫn việc trồng giống khoai mới và nuôi giống gà Mỹ để trứng cho nông dân hai làng Hà Lan A và Hà Lan B kế cận; họ là tín đồ Công giáo năm 1954 di cư từ ngoài Bắc vào. Cầm đầu toán IVS đó là một thanh niên có bằng Cao học Canh nông của Đại học Cornell ở tiểu bang New York tên là Don Lucas. Anh Don lúc này ở Sài gòn làm Giám đốc IVS tại Việt nam, chức vụ mà nội bộ IVS gọi là “Đảng trưởng.”

Thầy Can hay đưa nhân viên IVS hiện tại tới sinh hoạt chung với học sinh BMT của thầy. Khi IVS cần một học sinh dạy Việt ngữ, thầy đề cử tôi, và anh Leon là học viên vâng lời và kiên nhẫn nhất của tôi. Anh lớn hơn tôi bảy tuổi, người cao nghều, để đến một thước chín, và giọng nói trầm và nghiêm trang. Ngoài giờ học, chúng tôi là đôi bạn thân, và anh xem tôi như em. IVS có ngân quỹ trả tiền giảng viên, nhưng mẹ không cho tôi nhận, “Họ qua đây giúp đồng bào mình, *mặt mũi mô* mà ngửa tay lấy tiền?” Bù lại, anh chiều tôi rất mực và cuối tuần thường lấy xe Jeep chở tôi và các bạn đi rong chơi khắp núi rừng.

Giữa năm đệ nhất (lớp 12) tôi buồn bã chia tay với anh Leon khi anh đổi về Sài gòn làm Phó Giám đốc IVS, tức là “Phó Đảng trưởng” cho anh Don. Ngày tôi về Sài gòn học, anh Leon chỉ còn hai tuần nữa là mãn nhiệm kỳ và về Mỹ. Tôi đi tắc-xi từ Trạm Đi - Đến của Air Vietnam tới thẳng trụ sở IVS trên đường Lê văn Duyệt gần Ngã Tư Bảy Hiền, thay vì về nhà trọ là nơi mẹ đã gửi gắm, và ở tại nhà ngủ tập thể IVS với anh cho đến ngày anh rời Sài gòn.

Tôi và anh Don đã biết về nhau từ lâu nên ngay lần gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi đã thấy thân nhau. Đáng người tầm thước, anh nói năng nhỏ nhẹ mà thuyết phục và theo lời nhân viên IVS

“không có khả năng giận ai bao giờ.” Anh tự học tiếng Việt, nói rất trôi chảy, và hiểu rõ văn chương. Thấy anh ngồi đọc *Truyện Kiều*, tôi hỏi,

“Anh có hiểu hết không?”

“Lâu lâu tôi phải tra tự điển về điển tích vì không nhớ hết,” anh thản nhiên trả lời.

Anh Don than tiếng Việt khó học và kể lại chuyện bộ trưởng bộ Quốc phòng Hoa kỳ sang Sài gòn thăm viếng và đọc diễn văn trước nhiều viên chức Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Cuối bài diễn văn, ông bộ trưởng hăng hái giơ tay lên cao hô to “Việt nam muốn nằm” (ý nói “Việt nam muôn năm”) khiến cử tọa phải rán nín cười. Khi thân với anh Don hơn, tôi gọi anh theo tiếng Việt là “*anh Đôn*.” Sau khi anh Leon về Mỹ, tôi vẫn được mời tham dự các buổi sinh hoạt hàng tháng và những dịp lễ lạt của IVS và gặp anh Đôn luôn.

Đầu tháng Bảy năm 1967, anh Đôn và ba nhân viên đầu não IVS từ chức vì cho rằng IVS không thể tiếp tục giúp dân nghèo trong lúc chiến tranh tiếp diễn. Anh trở lại Đại học Cornell làm việc ở Trung tâm Quốc tế học của trường, bên cạnh một số học giả thân Cộng chuyên viết báo và diễn thuyết ca ngợi chế độ Hà nội. Cùng với cựu đồng sự IVS John Somerset, anh Đôn viết cuốn *Vietnam: The Unheard Voices* (Việt nam: Những tiếng nói bị bỏ ngoài tai) mô tả sự tàn phá kinh hoàng của chiến tranh và phản đối chính sách của Hoa kỳ tại Việt nam, được nhà Xuất bản Đại học Cornell ấn hành, và gây tác động mạnh mẽ trong tâm lý quần chúng khắp thế giới. Tôi cũng quen anh John Somerset. Anh trạc tuổi tôi và nói tiếng Việt *hết sảy*; nếu chỉ nghe tiếng mà không thấy người, đổ ai ngờ được giọng Hà nội ấy là do một người ngoại quốc nói.

Anh Đôn trở lại Việt nam giữa năm 1968, lần này do Hội đồng Giáo hội Thế giới tài trợ để viết phúc trình về việc tái thiết Việt nam thời hậu chiến, sau khi hòa bình được tái lập. Tuy nhiên, anh dành phần lớn thì giờ hành nghề ký giả tự do và trong vai trò này giúp “khám phá” ra “chuồng cọp” giam giữ tù nhân Cộng sản trong đê lao Côn Sơn. Khi phái đoàn Hạ viện Hoa kỳ gồm mười dân biểu đến Việt nam quan sát, anh chỉ điểm và hướng dẫn vài nhân viên phái đoàn ra Côn Sơn điều tra. Họ khéo léo lọt vào trong nhà tù, chụp được tấm hình ba tù nhân ngồi trong căn phòng nhỏ dưới tầng hầm có chấn song sắt bên trên, và gọi đó là *chuồng cọp*. Tin này truyền đi khắp thế giới, mặc dù hai chính phủ VNCH và Hoa kỳ đơan chắc *chuồng cọp* không hề hiện hữu.

Đúng vào thời gian đó, đời tôi bước qua một ngã rẽ ngặt nghèo. Tôi cãi lời cha, dẫn thẳng Sang *đi bụi đời*, và vào Đại học xá Minh Mạng ở lậu. Giữa mùa hè, trường tư đóng cửa, tư gia không cần người dạy kèm, và anh em tôi lâm vào cảnh khốn khó. *Bụng đói, đầu gối phải bò*, tôi muốì mặt tìm anh Đôn xin làm thông dịch viên. Anh ở *apartment* trên tầng bảy là tầng cao nhất của ngôi *bin-đinh* lớn trên đường Pasteur gần góc Lê Lợi; các tầng dưới là nhà thổ hạng sang cung cấp dịch vụ cho nhân viên dân sự và sĩ quan Mỹ.

Mỗi ngày anh Đôn mua các tờ báo đối lập như tờ *Ánh Sáng* của dân biểu đối lập Xxxx Công và chỉ định những bài tôi cần dịch ra tiếng Anh, toàn là bài phê bình chính phủ VNCH gắt gao. Anh thích nhất là mục “Tin vịt nghe qua ròi bỏ” do ông Công và mấy cây bút thiên Cộng thay nhau viết dưới bút hiệu Năm Trời Đánh chuyên xuyên tạc và châm biếm chính phủ. Thỉnh thoảng, anh xuống phỏng vấn các cô gái giang hồ bên dưới, theo anh các cô là nạn nhân chiến tranh và

bị giam cầm chẳng khác gì tù nhân chính trị, và anh bảo tôi đi theo để có mặt tôi là người Việt, các cô thoải mái bộc lộ hoàn cảnh của mình hơn.

Tôi làm việc từ chập tối đến gần giờ giới nghiêm. Thăng Sang chở tôi bằng xe Honda đến gần trung tâm thành phố, mỗi tối thả tôi xuống một chỗ khác nhau. Tôi đi bộ đến góc đường Lê Lợi - Pasteur, thận trọng đi một vòng quanh khu phố, và sau khi chắc chắn không có ai theo dõi mới bước vào *bin-đình* và đi bộ lên cầu thang tới tầng bảy. Sau vài tuần tôi quen việc, anh Đôn để tôi làm việc một mình trong khi anh ra ngoài làm gì đó không rõ. Một đêm vào cuối tháng thứ hai, mùa hè sắp chấm dứt, tôi đang dịch báo thì có tiếng đập cửa rầm rầm. Tôi ra mở cửa thì thấy cô gái giang hồ quen mặt thở hổn hển thúc giục,

“Anh *dông* lẹ lên đi. Lính *mã tà bố ráp* dưới nhà, *tui* nghe nó hỏi ông Mỹ có nhà hay không. Chút nữa nó lên đây tóm cổ anh đó.”

Đoạn cô dắt tay tôi ra bao lơn mặt sau và chỉ cái thang sắt gắn vào tường dùng làm lối thoát khi có hỏa hoạn. Trong bóng đêm, tôi run lấy bầy mò mẫm từng nấc thang, vừa leo vừa nom chừng cảnh sát, và cuối cùng xuống tới mặt đất và chạy thoát cuộc vây bắt. Hú hồn! Tôi tổn kinh không dám đến gặp anh Đôn lấy tiền lương tuần lễ cuối cùng. Từ đó, tôi không gặp lại anh.

Tháng Tư năm 1971, chính phủ VNCH tổng đạt lệnh trục xuất anh Đôn, và đầu tháng Năm anh bay về Mỹ. Trong bốn năm sau đó, anh dẫn thân vận động Quốc hội Hoa kỳ cắt đứt quân viện cho VNCH để chấm dứt chiến tranh. Anh và một số cựu nhân viên IVS đề ra sứ mạng gọi là “Dự án Giáo dục Lưu động về Đông dương.” Họ lái hai chiếc *minivan* đi vòng quanh nước Mỹ, mỗi ngày bán cháo gà và gói gà ăn chiều, kể chuyện *chuồng cọp*, và hô hào dân chúng ủng hộ lập trường của họ. Cuộc vận động hữu hiệu đến nỗi, trong cuộc điều trần trước Quốc hội về sự sụp đổ của VNCH, vị đại sứ Hoa kỳ tại Việt nam cuối cùng kết luận rằng anh là một trong những lý do chính khiến miền Nam thất thủ. Nhiều người Mỹ liệt anh vào “Bọn đi Hà nội ăn trưa” (“Hanoi for Lunch Bunch”), tức là nhóm Cộng sản ở Đại học Cornell.

Nhưng tôi không thể nào oán ghét anh Đôn. Ai chê trách tôi chịu.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Mười, 2019

Bà Cụ Phơi Cơm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Bảy, nam California vào giữa mùa hè nhưng ban trưa nắng còn dịu và trời không nóng gắt. Sau bữa ăn trưa, Quỳnh Châu rủ tôi sang Trại 4 vì nàng cần gặp cô sinh viên văn khoa học với nàng niên khóa vừa qua. Chúng tôi đến trước một căn lều lúc nhúc người lớn và trẻ con. Một thiếu nữ độ mười chín, hai mươi tuổi tóc xõa ngang vai tay cầm một xấp giấy tờ đang chờ Quỳnh Châu và chỉ cho nàng một bà cụ khoảng sáu, bảy mươi tuổi ngồi chồm hồm ngoài nắng bên cạnh lều. Cụ trải tờ báo lớn dưới đất, dùng mấy hòn đá dẫn bốn góc, và tỉ mỉ rải cơm trắng lên trên tờ báo. Quỳnh Châu đến ngồi bên cụ,

“Bác ơi, con là bạn của cô Trà Mi. Bác phơi cơm khô làm chi vậy, có cần con phụ một tay không?”

“Không cần đâu cô. Tôi phơi mớ cơm khô này để dành, chạy loạn thì có mà ăn chứ,” bà cụ trả lời bằng giọng Bắc của ngư dân làng Phước Tỉnh gần Vũng Tàu.

“Xứ Mỹ làm gì có giặc giã mà bác lo. Người Mỹ giàu có, làm sao thiếu đồ ăn mà bác phải để dành?”

“Tôi có biết tiếng Mỹ đâu mà đi Mỹ. Tôi ở đây chờ thằng con tới đưa tôi về xứ, hay nó dắt tôi đi đâu thì tôi đi đó,” bà cụ nói chắc nịch.

Trong lúc Quỳnh Châu tỉ tê bắt chuyện với bà cụ, cô sinh viên là Trà Mi cho biết cô làm thông dịch viên cho cơ quan thiện nguyện Hội Đồng Công giáo Hoa Kỳ (hay USCC) và phụ trách *ca* (trường hợp) của cụ. Cụ đi một mình và không nhớ tên tuổi, mặc dù mẫu I-94 do sở Di trú và Nhập tịch cấp ghi cụ là Tien Thi Tran (không bỏ dấu), 72 tuổi. Người ta đưa cụ “Tiên” đến văn phòng USCC ghi danh tìm bảo trợ vì thấy cụ đeo râu chuỗi có thánh giá trên cổ, nhưng cụ không biết mình đến đó để làm gì. Trà Mi chấp nối vài mảnh ký ức vụn vặt còn sót lại của cụ và đoán cụ cùng gia đình người con trai “chạy loạn” trên chiếc thuyền đánh cá. Khi thuyền ra biển và tới gần chiếc tàu Mỹ thì bỗng đâu một chiếc máy bay trên trời rớt xuống đập vào thuyền. Cụ chỉ nhớ có vậy.

Ca bà cụ già mất hết thân nhân và mất trí nhớ khiến nhân viên USCC xúc động, vài họ đạo Công giáo gửi thư xin đặc biệt bảo trợ nuôi nấng và săn sóc cụ. Nhưng ai nói gì thì nói, cụ khẳng khăng chờ con trai tới dắt cụ “về xứ.” Khi tình cờ gặp Trà Mi và nghe thuật lại hoàn cảnh cô cùng nơi đất khách của cụ, Quỳnh Châu động lòng trắc ẩn xin gặp cụ để tìm cách giúp đỡ.

Quỳnh Châu viếng thăm và chuyện vãn với cụ “Tiên” mỗi ngày, và chuyện *bà cụ phơi cơm* dần dần loan truyền khắp bạn bè và người quen của chúng tôi. Một buổi chiều, tôi và Quỳnh Châu đang ngồi . . . làm thình trong lều thì Phụng dặt tay thẳng Tú bước vào cùng với một đôi thanh niên nam nữ; thẳng Tú giới thiệu,

“Thằng Tiếp bạn tao từ thuở hai thằng còn ở trường tắm mưa ở Pleiku, còn đây là Quế Chi ý trung nhân của nó. Cô nàng là *em Pleiku má đỏ môi hồng* chính hiệu con nai.”

“Tôi nghe thằng Tú nói nhiều về ‘ông,’ nay mới có dịp gặp,” tôi bắt tay Tiếp.

Tiếp trắng trẻo đẹp trai và ăn nói gãy gọn dịu dàng, và Quế Chi thì duyên dáng già giặn. Ngày trước, Tiếp và thằng Tú ở cạnh nhà nhau và cùng học trường Nam tiểu học Pleiku, nhưng lên trung học thì thằng Tú học trường trung học Pleiku và Tiếp học trường Thánh Phao Lồ. Tiếp hay sang đứng trồng cây si ở trường Nữ trung học Pleime và “chơi trò trốn tìm” với cô bạn Quế Chi cùng xóm xinh xắn: Trường nữ trung học có hai cổng, có khi Tiếp đứng chờ ở cổng này thì nàng theo cổng kia ra về.

Học xong trung học, Tiếp lên Đà Lạt làm chủng sinh ở Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X. Sau gần mười năm tu trì, Tiếp mong đợi ngày thụ phong linh mục vào mùa hè năm 1975. Nhưng ước nguyện dang hiến trọn đời phụng sự Chúa tan rã theo số phận của Cao nguyên. Giữa tháng Ba, sau khi Ban Mê Thuật thất thủ, chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) quyết định “di tản chiến thuật” bộ tư lệnh Quân đoàn II đang trấn giữ cao nguyên từ Pleiku về Nha Trang và “tái phối trí” các lực lượng chiến đấu trực thuộc về Tuy Hòa để ngăn chặn Cộng quân. Gia đình Tiếp bỏ nhà cửa và cùng đồng bào theo Quốc lộ 19 đi về Qui Nhơn để tránh nạn Cộng sản. Khi đoàn người đến đèo An Khê, Cộng quân nấp trên núi pháo kích như mưa xuống quốc lộ. Không một ai thoát khỏi tay tử thần, kể cả gia đình Tiếp.

Đồng thời, các giáo sư và sinh viên Giáo hoàng Học viện (trong đó có Tiếp) tản cư về Sài Gòn. Người chủng sinh gần thành linh mục đơn độc được giáo dân dắt lên thuyền đánh cá chạy ra ngoài khơi Vũng Tàu rồi sang đảo Guam và cuối cùng tới Trại Pendleton. Nơi đây, Tiếp gặp lại Quế Chi; nàng vẫn còn độc thân và đi với cha mẹ và bốn đứa em. Mối tình xưa của đôi bạn cũ bừng sống dậy, Tiếp quyết định trở về đời thế tục, nhưng lòng vẫn mong noi gương Chúa hy sinh để giảm bớt sự đau khổ của thế nhân. Người ngoài chỉ biết Tiếp là giáo sinh ban Triết học và Thần học ở Đà Lạt.

Thằng Tú hăm hở,

“Ngày này tụi tao bàn với nhau và nghĩ ra ý kiến này: Nếu cụ ‘Tiên’ có đứa con nuôi hết lòng thương yêu cụ, không chừng cụ chịu xuất trại với nó. Thằng Tiếp *tứ cố vô thân*, nhìn khắp chẳng thấy người thân, và thiếu tình mẫu tử. Nó tình nguyện đưa cụ đi định cư và sống bên cụ cho đến khi cụ nhắm mắt.”

“Ông . . . à anh thật có từ tâm, để tôi bàn lại với Trà Mi. Nhưng trước hết anh và chị Chi phải kết thân và tạo liên hệ tình cảm – tiếng Anh gọi là ‘bonding’ – sao cho cụ tin tưởng anh chị,” Quỳnh Châu mừng khắp khởi.

“Tôi hiểu mà chị,” Tiếp gật gù đồng ý.

“Chị Chi có đồng lòng với anh không?”

“Để giúp *anh* có tình thương của mẹ và hoàn thành nghĩa vụ con chiên của Chúa, tôi sẽ theo *anh* tới cùng,” Quế Chi cam kết.

Kế hoạch của Tiếp thành công quá mức mong đợi của mọi người. Bà cụ không những chấp nhận “vợ chồng” thằng con nuôi mà nhờ đó tỉnh táo hơn một chút. Cụ nhớ ra và nói với Tiếp,

“Mẹ tên Tấm mà sao ai cũng gọi mẹ là cụ Tiên? Bà thông gia, tức là mẹ vợ mà, tên Tiến chứ chả phải là Tiên đâu.”

Trà Mi mang đề nghị của Tiếp trình với văn phòng USCC. Chỉ sang hôm sau, Trà Mi trở lại với tin vui: Nhà thờ Chánh tòa Thánh Joseph là nhà thờ Công giáo lớn nhất ở thành phố San Diego gần Trại Pendleton đồng ý bảo trợ cả gia đình cụ Tấm gồm cụ và “vợ chồng” Tiếp lẫn gia đình cha mẹ Quế Chi. USCC và họ đạo sẽ chu toàn đám cưới của hai người.

Một buổi chiều đẹp trời, đám cưới cử hành trong căn lều lớn ở đầu sân vận động, lều dùng làm lớp học Anh ngữ ban sáng. Thân chinh cha xứ nhà thờ Chánh tòa, tức là Giám mục địa phận San Diego, làm phép cưới, và họ đạo cử hai cặp vợ chồng trung niên nhã nhặn và thân thiện đến dự. Họ chở vào chiếc bánh cưới ba tầng, một thùng bánh *xăng-uych* lớn, và thức uống để đãi khách dự lễ cưới. Đứng giữa cụ Tấm và cha mẹ Quế Chi, Trà Mi cười tươi như hoa thay mặt bà con hai họ cảm ơn quan khách. Gia đình cô đã được bảo trợ đi Sacramento thủ phủ tiểu bang California từ tuần trước, nhưng cô xin hoãn lại, dự đám cưới xong mới cảm thấy mình làm tròn phận sự và yên lòng chia tay với cụ.

* * *

Tôi thường gặp anh chị Bân khi đi ăn cơm chiều; anh chị mang theo cả ba đứa con, cậu lớn nhất khoảng năm tuổi và cô út còn ẵm trên tay, chắc chưa đầy năm. Anh trạc trên ba mươi tuổi, cao lớn hùng dũng, khuôn mặt khô ngô nhưng buồn hiu hắt, và ít khi trò chuyện với ai. Thịnh thoảng Quỳnh Châu trao đổi vài câu chào hỏi xã giao với chị Bân và nựng các cháu bé. Chị khoảng tuổi tôi, dong dong và khỏe mạnh, và cũng ít lời như chồng.

Một hôm tôi đứng thẩn thờ hút thuốc lá trước văn phòng bộ chỉ huy Trại 3, thấy anh Bân và mấy người bạn đứng nói chuyện gần đó, và tò mò lắng tai nghe. Các anh phục vụ trong các phi đoàn trực thăng thuộc Không đoàn Chiến thuật XX ở căn cứ Biên Hòa. Anh Bân là đại úy lái CH-47 Chinook là loại phi cơ trực thăng vận tải hạng nặng có hai động cơ và hai cánh quạt rất lớn ở trước và sau. “Chinook” là tên của bộ lạc da đỏ sống ở bờ bắc cửa sông Columbia ở tiểu bang Washington. Người cười giòn giã nhất là anh Thụ phi công phụ cho anh Bân. Câu chuyện xoay quanh chuyến bay thoát khỏi Việt nam của hai anh trưa ngày 29 tháng Tư. Trong khi các phi công trực thăng khác lấy phi cơ về nhà đón gia đình, anh Bân phải đưa chị và ba đứa con vào phi trường Biên Hòa và bay đi từ đó vì chiếc Chinook lớn quá khổ không thể đáp gần khu dân cư. Anh Thụ độc thân và đi một mình.



Vừa đến hải phận quốc tế, chiếc Chinook của anh Bân cạn xăng và bay tới chiến hạm USS Kirk xin tiếp cứu. Kirk là một khu trục hạm hộ tống nhỏ thuộc Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ và đang tham gia chiến dịch Gió Thường Hay Thổi (Frequent Wind) đưa nhân sự Việt Mỹ và các quốc gia thứ ba ra khỏi Sài Gòn; đó là cuộc di tản bằng trực thăng lớn nhất lịch sử. Kirk tuần phòng ven hải

phận quốc tế, canh giữ không phận để bảo vệ trực thăng hành quân, và sẵn sàng bắn hạ phi cơ Việt Cộng nếu chúng bay lên cản trở. Phi cơ địch không xuất hiện.

Kirk nhỏ nên chỉ “vớt” người di tản từ các tàu hải quân nhỏ, thuyền đánh cá, và phi cơ trực thăng bị hư hại hay hết nhiên liệu. Nếu tàu hay phi cơ còn đủ khả năng đi xa hơn, Kirk chỉ dẫn họ ra các chiến hạm lớn hơn hay hàng không mẫu hạm đậu ngoài khơi. Nếu một chiếc trực thăng được cho đáp xuống, ngay sau khi hành khách và phi công ra khỏi phi cơ, thủy thủ trên chiến hạm vội vàng xúm lại đẩy xuống biển để lấy chỗ cho trực thăng khác tới.

Từ chiếc Chinook của anh Bân, đồ người xuống là cả một vấn đề: Nếu chiếc trực thăng đáp xuống sân tàu nhỏ bé của Kirk, hai cánh quạt khổng lồ sẽ xé toạc chiếc chiến hạm như chơi. Phi cơ chở phụ nữ và trẻ em nên không thể đáp xuống biển và chờ thuyền đến cứu. Do đó, trong khi Kirk di chuyển ở vận tốc năm hải lý một giờ, chiếc Chinook bay là ngược đầu trên đuôi chiến hạm và mở cửa sau cho hành khách nhảy xuống. Từ độ cao chừng năm thước, chị Bân nghiêng rằng ôm từng đứa con thả xuống cho thủy thủ Mỹ đứng bên dưới hứng đỡ như bắt banh. Sau khi thấy chúng nằm an toàn trong tay các thủy thủ, chị nhắm mắt nhảy vào những cánh tay lực lưỡng đó. Anh Thụ nhảy xuống sau cùng. Chỉ còn lại anh Bân; anh bay ra xa chừng 60 thước, vừa cởi áo quần vừa xoay hướng phi cơ về phía trái, và nhảy phóc xuống biển về phía phải.

Anh Thụ cười ha hả nhớ lại giây phút nguy nan,

“Hai cánh quạt Chinook đập vào mặt nước nổ ầm như hai ba quả bom nổ một lúc. Những mảnh vỡ dài từ ba đến năm thước bay tứ tung lên trời, và anh Bân biến mất trong vùng nước trắng xóa. Tụi *tui* nín thở chờ đợi. Cuối cùng, anh trồi lên khỏi mặt nước, *tui* và chị Bân mừng *hết lớn* vỗ tay reo hò như con nít.”

Tôi nghe tiếng anh Bân nghẹn ngào,

“Trong cái tích tắc sinh tử trước khi phóng người ra khỏi phòng lái, tôi thấy hiện ra trong góc mắt một chiếc thuyền đánh cá dài khoảng sáu, bảy thước chở đầy người. Thuyền nằm ngay trên đường đi của chiếc Chinook. Khi ngoi lên khỏi mặt nước, tôi nhìn về nơi phi cơ lao xuống mà chỉ thấy sóng bạc đầu. Tôi thăm cầu nguyện . . . Trên chiếc thuyền cứu nạn, tôi thấy một bà cụ mình mẩy ướn nhẹp và vấy máu nằm mê man trên sàn. Anh thủy thủ đang săn sóc cụ chép miệng, ‘Chiếc thuyền đánh cá vỡ tan tành. Bà cụ sống sót và không chìm xuống nước mất tăm là cả một phép lạ.’ Tôi cúi đầu đưa tay làm dấu thánh giá . . .”

Tôi hiểu ra và thấy lòng quặn đau. Có sao định mệnh lại ác nghiệt khiến anh Bân và chiếc Chinook gây ra cuộc thảm sát cả gia đình cụ Tấm? Cụ may mắn đã mất trí, không biết người thân đã bỏ mạng oan uổng ngay ở ngưỡng cửa bến bờ tự do. Tôi cầu mong cụ cứ quên mãi như thế.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Mười Một, 2019

Nàng Autumn Chung Thủy

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu tháng Tám, sau khi anh Hán đi Gia Nã Đại và một số gia đình ở mấy căn lều kế cận lần lượt xuất trại đi định cư, tôi đâm ra lo quẩn lo quanh, đôi khi tự hỏi không biết cơ quan thiện nguyện Hội nghị Do thái Thế giới có làm mất hồ sơ bảo trợ gia đình mình hay không. Ban đêm tôi thức khuya làm toán thăm lâu hơn và ban ngày hay ngồi trầm ngâm một mình trong lều. Một hôm thằng Sang đi ra ngoài về, dắt theo một thiếu nữ trạc hăm lăm, hăm sáu tuổi, và gọi giật tôi ra khỏi vũng im lặng thường lệ,

“Anh *Ba Hoa* nhớ chị Thu bạn học của *tui* ở Tuy Hòa không?”

“À, Lệ Thu là một hoa khôi của trường trung học Nguyễn Huệ, làm sao không nhớ cho được? Mới đó mà đã gần mười năm,” tôi gượng đứng dậy chào.

Tôi gặp Lệ Thu hè năm 1966, khi tôi về thăm nhà ở Tuy Hòa lần đầu tiên. Thằng Sang *lấy le* với ông anh học đại học ở Sài Gòn và lớn lối khoe các cô gái đẹp nhất Tuy Hòa đều học cùng lớp đệ nhị (lớp 11) với nó, cô nào nó cũng quen thân. Một hôm nó dẫn tôi đến chơi nhà Lệ Thu, một căn nhà tranh khiêm tốn gần bờ ruộng trên đường Nguyễn Huệ. Sau khi giới thiệu tôi và nàng, nó trở tài ăn nói, mở máy nói huyền thuyên, và chọc cười một cách vô vị. Người thiếu nữ thùy mị với mái tóc dài xoắn ngang vai rất dè dặt, nói nhát gừng, và cố gắng không để lộ vẻ miễn cưỡng tiếp khách ra ngoài mặt. Tôi gặp nàng lần đó rồi thôi.

Giọng Phú Yên trong và cao của Lệ Thu đượm vẻ buồn mênh mang,

“Anh kêu *tui* bằng tên ‘Thu’ là được rồi, ‘Lệ Thu’ nghe buồn *thúi ruột*.”

“Sao lạ vậy? tôi tưởng tên ‘Lệ Thu’ đẹp tuyệt vời,” tôi ngạc nhiên.

“Bộ anh không nghe *nẫu* hát ‘*Nước mắt mùa Thu khóc ai trong chiều, Hàng cây trút lá ngĩa trang đầu hiu*’ sao na?” nàng cười buồn; “*nẫu*” là “đại danh từ dùng rộng rãi của vùng Phú Yên - Bình Định để chỉ người ấy, bọn họ, hay người ta.

“Làm to rồi Thu ơi! Thực ra ‘lệ’ ở đây không phải là nước mắt mà là đẹp đẽ như trong ‘*diễm lệ*’ hay ‘*tráng lệ*.’ ‘Lệ thu’ là mùa thu đẹp đẽ, chứ nếu có ý nghĩa buồn bã như vậy thì ai mà dùng đặt tên con gái mình? Trong danh từ Hán Việt, nếu muốn chỉ nước mắt mùa thu thì phải nói là ‘*thu lệ*’ chứ,” tôi được dịp giải thích.

“*Dzầy na* (vậy sao)? Lâu nay *tui* cứ tưởng số phận *tui* hẩm hiu là do cái tên rầu rĩ đó,” nàng cười héo hắt thuật lại những gian truân nàng đã trải qua, và cùng tôi kết lại những biến cố của một ngày tháng Tư đau thương.

Lệ Thu là con đầu lòng của một gia đình có năm người con, cha là hạ sĩ quan quân đội Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Ông tử trận ở Đồng Xuân thuộc tỉnh Phú Yên năm nàng học đệ tứ (lớp 9), nàng vừa đi học vừa đỡ đần mẹ buôn bán ngoài chợ để nuôi em. Sau khi đậu Tú tài I, nàng bỏ học sang phi trường Đông Tác làm thông dịch viên trong căn cứ Không quân Hoa kỳ. Nhờ tinh thần học hỏi và chịu khó làm việc (bao nhiêu giờ phụ trội cũng không từ), nàng trở thành phụ tá đắc lực và tín cẩn của vị tướng chỉ huy trưởng căn cứ. Cô nhân viên dân sự Phạm thị Lệ Thu được kính nể gọi là “Miss Autumn T. Pham.”

Sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, Hoa kỳ rút quân và chuyển giao căn cứ Đông Tác cho VNCH, và vị tướng chỉ huy người Mỹ chuyển sang phía dân sự và đổi về Sài gòn làm việc. Ông đề nghị Autumn đưa gia đình đi theo và tiếp tục làm việc dưới quyền ông ở văn phòng Tùy viên Quân sự (Defense Attaché's Office hay DAO) thuộc tòa Đại sứ Hoa kỳ và nằm trong căn cứ Tân Sơn Nhứt, đề nghị mà nàng và bà mẹ hoan hỉ nhận lời. Vì công việc, nàng thường xuyên đến tòa đại sứ trên đường Thống Nhất và quen thân với Mark McNealy và Douglas Bradford là hai chàng Thủy quân Lục chiến ("TQLC") trong trung đội canh phòng. Trung đội gồm khoảng 50 người; theo Hiệp định Paris, đó là số quân nhân tối đa mà Hoa kỳ có thể giữ tại Việt nam.

Vẻ đẹp đông phương thuần hậu và trong trắng của người thiếu nữ chưa từng biết hẹn hò yêu đương khiến Mark và Doug (tên tắt của Douglas) say đắm. Hai chàng sinh ra và lớn lên ở một thành phố nhỏ ở tiểu bang Wisconsin phía bắc Hoa kỳ. Ở nhà cạnh nhau, học cùng trường, tốt nghiệp trung học cùng một lúc, gia nhập TQLC cùng một ngày, và sang Việt nam cùng phục vụ trong trung đội canh phòng và ăn ngủ đi chơi đều có nhau. Hai chàng đua nhau chinh phục quả tim của Autumn, nhưng không vì thế mà tình bạn của họ sút mẻ. Con tim của nàng chỉ có thể trao cho một người: Kẻ may mắn là Mark. Doug không những không phật lòng mà còn thương bạn và yêu mến người yêu của bạn nhiều hơn. Ngày 13 tháng Tư năm 1975, tiểu đội 13 người của Mark được biệt phái vào canh gác khuôn viên DAO.

Khi Autumn nửa thẹn thừng nửa lo lắng báo cho Mark biết mình thọ thai, chàng sung sướng chạy ra tiệm vàng Kim Lợi trên đường Lê Thánh Tôn, dốc túi mua chiếc nhẫn kim cương cao giá nhất có thể mua được, và nhờ Doug thu xếp để mời Autumn đến "dự tiệc bất ngờ" ở Đại sảnh Marshall là khu trú quân TQLC tại biệt thự số 204 đường Hồng Thập Tự. Tối ngày 23 tháng Tư, khi Autumn bước vào phòng, Mark quỳ một chân trước mặt nàng dâng nhẫn và cầu hôn giữa tiếng hoan hô của bạn đồng đội.

Ngày 24, tình hình trở nên nghiêm trọng, toán TQLC được lệnh bỏ Đại sảnh Marshall và trú đóng trong khu giải trí của tòa đại sứ. Hôm sau, Mark đưa tiễn Autumn, mẹ và các em nàng, và một số thân nhân khác lên máy bay vận tải di tản sang căn cứ Không quân Clark ở Phi Luật Tân. Không dè cuộc chia tay chớp nhoáng cũng là giây phút nhìn thấy nhau cuối cùng của hai kẻ vừa đính ước.

Ba giờ rưỡi sáng ngày 29, Việt Cộng bắt đầu pháo kích vào căn cứ Tân Sơn Nhứt, một quả hỏa tiễn bắn trúng Trạm Gác Số 1 của khuôn viên DAO khiến hai quân nhân TQLC bị tử thương; họ là thương vong cuối cùng của Hoa kỳ trên đất Việt nam. Mark là một trong hai người lính không may đó.

Mười giờ 51 phút sáng, chiến dịch Gió Thường Hay Thổi (Frequent Wind) khởi động. Chiến dịch nhằm đưa ra khỏi Sài gòn các công dân Hoa kỳ, công dân các nước thứ ba như Đại Hàn và Nhật Bản, và người Việt thuộc các thành phần như nhân viên sở Mỹ, sĩ quan cao cấp, và viên chức chính phủ quan trọng. Từ các chiến hạm của Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ đậu ngoài khơi Vũng Tàu, các toán TQLC được đưa vào bố trí các vị trí chiến lược để bảo vệ an ninh cho cuộc di tản. Đoàn trực thăng đón người đi bay ngợp trời Sài gòn.

Đài Phát thanh Quân đội Hoa kỳ liên tục phát mật hiệu “*Hôm nay Sài gòn nóng 105 độ [Fahrenheit], và nhiệt độ càng lúc càng lên cao*” và đánh bài “*I'm Dreaming of a White Christmas*” (Tôi mơ Giáng sinh tuyết trắng). Xe buýt đón hành khách ở 28 điểm tập trung trong thành phố và theo bốn lộ trình khác nhau đưa họ vào khuôn viên DAO; từ đây, trực thăng chở họ ra chiến hạm. Trực thăng cũng đón người tại 13 bãi đáp có sơn hình chiếc máy bay trên sân thượng của các ngôi nhà đã được chỉ định từ trước.



Đến sáng ngày 29, có khoảng 10,000 người tụ tập chen lấn trước tòa đại sứ và 2,500 người đã vào được bên trong; tất cả đều thiết tha mong được ra đi. Tuy nhiên, phải đợi đến khoảng bảy giờ tối, sau khi việc di tản ở DAO hoàn tất, đoàn trực thăng mới chuyển sang “bốc” người ở tòa đại sứ. Cách mười phút là hai chiếc trực thăng đáp xuống bãi đậu xe và sân thượng. Khoảng hai giờ sáng ngày 30, tòa đại sứ ước tính cần 19 chuyến nữa để di chuyển số người ở bên trong. Mặc dù người bên ngoài liều lĩnh vượt tường nhảy vào càng lúc càng đông, Tổng thống Hoa kỳ ra lệnh chỉ đón thêm 19 chuyến nữa và Đại sứ Marteney phải ra đi.

Khi ông đại sứ lên chuyến trực thăng cuối cùng và phi công truyền đi tín hiệu “*Hồ đã thoát ra,*” ai nấy đều yên trí chiến dịch đã hoàn tất. Nhưng thật ra còn khoảng 60 TQLC cố thủ trên sân thượng. Không những họ phải nơm nớp đề phòng Việt Cộng tấn công mà còn phải ngăn chặn không cho đám đông, những kẻ ở bước đường cùng khao khát được lên trực thăng, phá cửa xông lên. Hai chiếc trực thăng quay trở lại đón TQLC, nhưng không đủ chỗ cho cả 60 người. Tiểu đội mười một người của Doug ở lại, đợi gần một tiếng đồng hồ, và bắt đầu tuyệt vọng khi chiếc trực thăng vận tải được bốn trực thăng chiến đấu hộ tống hiện ra ở chân trời. Doug là người cuối cùng lên trực thăng. Nhìn xuống thành phố bốc khói bên dưới, chàng nói thầm, “*Vĩnh biệt em yêu, Autumn!*”

Cuộc di tản bằng trực thăng lớn nhất lịch sử đưa đi tổng cộng 6,968 người, gồm 1,373 người Mỹ và 5,595 người Việt và công dân các nước thứ ba.

* * *

Từ Phi Luật Tân, Lệ Thu được đưa sang căn cứ Không quân Andersen ở đảo Guam và sau cùng là Trại Pendleton. Nàng viết thư cho Mark về địa chỉ FPO của đơn vị; FPO (Fleet Post Office) là khu bưu chính của Hải quân Hoa kỳ bao gồm cả TQLC, tương tự như KBC của quân đội VNCH. Nhưng thư đi thì có mà thư về thì không, Mark biền biệt tăm hơi. Nàng ốm nghén, buổi sáng ọ ọ nôn mửa, và suốt ngày nghiêng răng chịu đựng tiếng bực tiếng chì của bà mẹ. Bà mắng nhiếc cô con gái không chịu giữ gìn trinh tiết để cho “*thằng Sở Khanh*” lợi dụng hưởng thụ thân xác

chán chê rồi cao bay xa chạy. Ngày nào bà cũng giục nàng đi phá thai, trục cái “của nợ” ra cho rảnh rang làm lại cuộc đời nơi đất khách quê người.

Dần dần, Lệ Thu thấy lời đay nghiến của mẹ là hợp lý và thiết thực. Giữa tháng Bảy, nàng tới bệnh viện Hải quân thuộc Trại Pendleton xin “thực hiện thủ thuật.” Bệnh viện chỉ có một bác sĩ sản/phụ khoa mà nhu cầu của đàn bà tỵ nạn thì cao nên y tá cho hẹn một tuần sau. Ngày hôm trước cuộc hẹn bác sĩ, Doug bỗng xuất hiện – một mình. Không thấy Mark, Lệ Thu đoán biết tự sự; nàng ôm chầm lấy Doug và khóc òa,

“Mark mất rồi phải không? Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến chuyện bất hạnh này từ hai tháng trước . . .”

“Autumn, em rán bình tĩnh. Mark hy sinh vào ngày cuối cùng của cuộc chiến, tôi rất tiếc. Tôi vô cùng ân hận vì đã đình ninh em kẹt lại ở Việt nam. Thư em gửi cho Mark thì Quân bưu chuyển về nhà cha mẹ Mark là ông bà McNealy. Ông bà quá đau đớn vì mất đứa con duy nhất và không hề mở thư ra xem. Cho đến ngày hôm kia, tôi nghỉ phép về thăm nhà; khi đó mọi việc mới sáng tỏ. Ông bà McNealy thành thật xin lỗi em và gia đình,” nước mắt ràn rụa trên mặt Doug.

“Cám ơn anh. Mark không còn, ông bà ấy và cả anh nữa đều không làm gì được cho tôi,” Lệ Thu chùi nước mắt.

“Không, không, Autumn ơi! Gia đình Bradford của tôi và gia đình McNealy, hai nhà xin em cho chúng tôi cơ hội đùm bọc em và gia đình.”

Nói đoạn Doug quỳ một chân, lấy hộp nhẫn trong túi ra, và nâng lên bằng cả hai tay,

“Autumn Thu Pham, xin em ban cho tôi cái vinh dự lớn nhất đời là làm chồng em và cha của đứa bé trong bụng em. Đây là chiếc nhẫn đính hôn của mẹ tôi. Hai gia đình Bradford và McNealy sẽ xem con chúng mình là cháu chung. Em biết là tôi lúc nào cũng yêu em mà.”

Lệ Thu rầu rầu hạ thấp giọng nói với tôi và thằng Sang,

“Ngày mai gia đình *tui* đi Wisconsin định cư, và hai tuần nữa *tui* làm đám cưới. À, Sang ơi, từ nay sẽ không còn cái tên ‘Lệ Thu,’ dù là ‘mùa thu đẹp đẽ’ hay ‘nước mắt mùa thu,’ mà chỉ có Autumn T. McNealy thôi.”

“Sao chị biến thành bà Mỹ *dzàng* nhanh quá *dzậy?*” thằng Sang cười cười.

“Cha mẹ Mark muốn chính thức *nhìn con tui* là cháu nên xin nhận *tui* làm con nuôi. *Nhỏ* Autumn này thành con gái và người thừa kế của ông *bả*, và mang họ McNealy. Để sống mãi với tình yêu đối với Mark, *tui* sẽ giữ họ *ảnh chớ hồng có* lấy họ mới của chồng như đàn bà Mỹ khác.”

Người con gái Phú Yên chung thủy với người yêu đầu đời như châm ngôn “*semper fidelis*” của binh chủng TQLC của chàng. Thường nói gọn là *Semper Fi*, thành ngữ La-tinh này có nghĩa là “bao giờ cũng trung thành.” Phụ nữ như nàng để có mấy người!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Giêng, 2020

Thử Lòng Người Hiền Lương

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ lúc vào trại Trại Pendleton hơn sáu tuần lễ trước, hôm nay là lần đầu tiên tôi ra tới Trại 8 nằm sát cổng trại và xa lều tôi ở nhất để tìm thằng Lục bạn học thời đệ nhị (lớp 11) trường trung học Ban Mê Thuật (“BMT”). Bạn tôi sinh ra và lớn lên ở xã Lạc Giao bao gồm thị xã BMT, là huynh trưởng Phật tử, và tự hào là dân BMT chính tông từ thuở vùng này còn là Hoàng triều Cương thổ. Sau khi thi đỗ Tú tài I, mỗi đứa đi một ngả: Tôi ở lại BMT học đệ nhất (lớp 12) mới mở năm đầu tiên, nó về Sài gòn học trường Hưng Đạo trên đường Cống Quỳnh, và từ đó hai đứa không gặp lại nhau.

Thằng Lục thấp hơn tôi nửa cái đầu, người chắc chắn và lanh lẹ, và giọng nói trầm và thân thiết. Nó chào tôi bằng câu chọc ghẹo quen thuộc,

“Ê, Y Ba Hoa, mười năm rồi mà mày vẫn ngu ngơ khờ khạo như con mọt sách thứ thiệt, duy cái mặt thì không còn *búng ra sữa*.”

“Ờ, thằng Y Lục *mặt học trò giò ăn trộm*, à quên . . . giò đá banh. Hồi đó đá banh với mấy thằng Thượng lớp mình, mày có *dê* được con Hờ nào không?” tôi trả đũa.

Phần lớn người Thượng BMT là dân Ra-đê (Rhadé) đàn ông mang họ Y (đọc là “i”) đàn bà họ H’ (đọc là “hờ”), và bọn học trò nghịch ngợm hay ghép thêm “Y” hay “H” vào tên bạn để gọi. Thằng Lục tóm tắt cuộc đời nó trong thời gian qua,

“Sau khi đậu Tú tài II, tao lên Phú Bổn mà tỉnh lỵ là Hậu Bổn làm việc với Lực lượng Đặc biệt Hoa kỳ, tình cờ gặp Thanh Luyến ngoài chợ, bị tiếng sét ái tình đánh trúng, và kêu bà già đem trầu cau xin cưới liền tay. Sinh ra hai cô công chúa bốn và năm tuổi kia.”

Ở cuối lều, hai cô bé mặc quần đỏ lặng lẽ chơi với đồng vãi rời bên cạnh mẹ. Thanh Luyến ngồi sau chiếc máy may nhỏ, ngẩng đầu lên chào tôi, và tiếp tục may. Thằng Lục kể tiếp,

“Làm việc khoảng hai năm thì nhóm Lực lượng Đặc biệt giải tán, tao chuyển sang bên phía Cảnh sát Việt nam rồi về Sài gòn học khóa sĩ quan ở Học viện Cảnh sát Quốc gia trên đồi Tăng Nhơn Phú gần trường Bộ binh Thủ Đức. Ra trường với cấp bậc Thiếu úy, tao trở về ty Cảnh sát Phú Bổn phục vụ cho đến ngày *tan hàng*.”

“Vậy mày *chạy* vào trung tuần tháng Ba, lúc chính phủ ‘di tản chiến thuật’ triệt thoái quân đội theo Quốc lộ 7 từ Pleiku xuống Tuy Hòa để ‘tái phối trí’ để đánh lại Cộng sản?”

“Đúng vậy. Hậu Bổn nằm trên Quốc lộ 7 là đường rút quân, tao đưa vợ con *chạy* sau đoàn xe di tản đầu tiên. Ngoài dăm ba bộ quần áo của hai đứa tao và tụi nhỏ, tao tìm khắp nhà chẳng thấy có gì đáng giá để mang theo ngoài cái đầu máy may *bả* đang dùng đó.”

Ngày 16 tháng Ba, nhờ yếu tố bất ngờ đoàn xe quân sự xuất phát từ Pleiku tiến hành êm xuôi. Qua hôm sau, sư đoàn 320 Việt Cộng đuổi theo đánh phá đoàn xe triệt thoái, quân ta ngưng lui binh và lập phòng tuyến cự địch tại Hậu Bổn. Giữa trận đánh long trời lở đất, thằng Lục lái chiếc Jeep cảnh sát chở vợ con ra khỏi vùng lửa đạn, nhưng chừng 20 cây số thì xe hết xăng. Thằng Lục bỏ xe đi bộ và xin cho Thanh Luyến và con quá giang trên chiếc V-100 Commando

bọc sắt lội nước được của toán Quân cảnh hộ tống đoàn xe, nhưng nó phải vừa chạy bộ vừa bám theo xe khác để đi theo. Thêm khoảng 80 cây số, đến cầu Cà Lúi gần ranh giới tỉnh Phú Yên, Quân cảnh ra lệnh cho Thanh Luyến và con xuống xe, và chuẩn bị chiến đấu. Không tới mười phút sau, chiếc V-100 bị bắn cháy, vợ chồng thằng Lục ôm con chạy thục mạng. Đám dân sống sót chừng 100 người thất thểu lết tới đập Đồng Cam bên phía Phú Yên là kiệt lực.

Trong cơn tuyệt vọng, thằng Lục chợt thấy chiếc trực thăng vận tải hạng nặng CH-47 Chinook bay trên không. Nó tìm tằm ra (do tiếng Pháp "drap") trải giường màu trắng trải lên mặt đất, chiếc Chinook trông thấy bèn đáp xuống tiếp cứu, và mọi người chen nhau ùa lên. Vợ chồng thằng Lục ôm con xông tới, bồng hai cô bé trên tay vùng vẫy khóc thét lên, và hai người ngó lại thì thấy mình đang ôm con người khác. Nhìn tứ phía tìm con gái đỏ con mắt mà không có, họ khóc ròng, miễn cưỡng leo lên chiếc trực thăng cứu mạng, và mừng như chết đi sống lại khi thấy hai cô con gái mặc quần đỏ ngồi thu mình trong góc xa nhất. Hai cô bé bị đám đông đẩy dồn lên máy bay trước tiên.

Trực thăng chở hành khách về trại tạm cư ở phi trường Đông Tác Tuy Hòa. Hôm sau, thằng Lục đến ty Cảnh sát Phú Yên trình diện, nhưng ty chỉ còn lại lèo tèo vài viên chức cấp thấp bơ ngơ báo cáo. Thằng Lục quyết định đưa vợ con đi xe đò vào Nha Trang, trình diện ty Cảnh sát Khánh Hòa, và gặp tình trạng tương tự, mặc dù chưa thấy bóng dáng Việt Cộng xuất hiện. Chen lấn ba ngày trời không mua được vé xe đò, nó đành mua lại chiếc xe Honda cũ của người bà con để thân chinh lái về Sài Gòn.

Tôi ngạc nhiên ngắt lời thằng Lục,

"Mày chở ngần ấy người bằng chiếc Honda hai bánh à? Từ Nha Trang vào Sài Gòn gần bốn trăm rưỡi cây số chứ gần gũi gì."

"Tao cầm tay lái ngồi trước, hai đứa con xen vào giữa, và bà xã ngồi sau hai bên vai đeo hai bọc quần áo. Giữa hai đùi tao là cái đầu máy may và thùng đạn M-30." M-30 là một loại súng đại liên nhẹ.

"Chạy giặc mà ôm thùng đạn đại liên theo làm gì?" tôi trợn mắt nhìn nó.

"Thùng đạn không để đựng xăng, chứa hơn mười lít. Đến đâu có xăng tao mua đổ đầy, trữ cho đủ chạy tới Sài Gòn. Nhờ phước đức ông bà, xe tao không bị bể bánh."

Thằng Lục nhắm mắt nhớ lại chặng di tản ra khỏi Sài Gòn,

"Tao ở đỡ nhà ông chú trên đường Khổng Tử trong Chợ Lớn, hàng ngày đi trình diện Tổng nha Cảnh sát Quốc gia trên đường Võ Tánh. Sáng sớm ngày 30 tháng Tư, Việt Cộng đánh tới Xa cảng Miền Tây ở Phú Lâm, tao sợ quá vội vàng chở vợ con ra bến Bạch Đằng tìm đường đi. Thấy chiếc tàu Đông Hải đậu ở giữa sông, tao đánh liều đưa vợ con lên ngồi chờ cùng với năm, sáu trăm người khác."

Mười giờ 24 phút, lệnh đầu hàng của Tổng thống Xxxx Man phát ra trên đài phát thanh. Mọi người nhảy bổ lên phòng chỉ huy đòi Đông Hải phải lập tức rời bến mới hay tàu không có người điều khiển, hai máy thì một máy bị hỏng. May thay, trong đám người lên tàu có thuyền trưởng và sĩ quan cơ khí của hai chiếc tàu khác đã ra đi, hai người này và một số người khác (trong đó

có thằng Lục) tình nguyện lãnh nhiệm vụ điều hành tàu. Tàu chạy cà rịch cà tang, bị Việt Cộng tấn công hai lần, nhưng cũng thoát được ra biển.

Thuyền trưởng chỉ có tấm bản đồ, không có dụng cụ hải hành, và phải đoán hướng và tọa độ bằng que tăm xỉa răng. Đông Hải đi gần 300 hải lý đến Pulau Redang là hòn đảo lớn nhất nằm ngoài khơi phía đông bán đảo Mã Lai Á. Hành khách được lệnh xuống tàu, bị tạm giữ, nhưng được cho ăn uống tử tế. (Gia đình thằng Lục chịu đói khát trong năm ngày trên tàu Đông Hải.) Bốn ngày sau, một thương thuyền lớn là tàu Đại Dương cập bến dưới sự chỉ huy của Tướng Yyyt Lâm và lữ đoàn Thủy quân Lục chiến. Cuối cùng, gia đình thằng Lục và một số hành khách từ tàu Đông Hải lên tàu Đại Dương; tàu này lên đên gần hai tuần lễ và cập bến đảo Guam ngày 23 tháng Năm.

Thằng Lục cười toe,

“Tao đến Guam trở nên sang trại Trại Pendleton này cũng trễ. Mà là thằng bạn *Buồn Muôn Thuở Bụi Mù Trời* duy nhất tao gặp lại trên đường tỵ nạn.”

“Tao thấy vợ mày ngồi may suốt buổi, may đồ nhà hay may thuê?”

“Từ trại Orote Point bên Guam sang đây, bà xã tao kiếm được tiền lai rai nhờ cái máy may tụi tao cõng theo từ Hậu Bồn. *Bả* sửa đồ cũ người ta lãnh của các nhóm từ thiện mà mặc không vừa, hay may đồ trẻ em bằng vải tháo ra từ quần áo cũ đó.”

Giữa lúc ấy, một đôi thanh niên nam nữ bước vào lều, cầm xấp quần áo trên tay, và vào bên trong nói chuyện với Thanh Luyến. Thằng Lục kéo tôi ra ngoài,

“Thằng chồng tên Khang là trung úy phi công phụ lái C-130, con vợ là khách hàng thường trực của bà xã tao. Lều tụi nó gần đây; cả hai đứa đều ham kể chuyện và nói dai như đĩa, nhưng xào đi xào lại chuyện *đi* của nó tao nghe đến thuộc lòng.” C-130 Hercules là loại phi cơ vận tải có thể cất cánh và hạ cánh trên phi đạo ngắn không dự bị trước.

“Chuyện gì mà rùng rợn lắm ly bì đất đến vậy?” tôi tưởng nó nói đùa.



Khang là con thứ bảy trong gia đình tám người con của Mục sư Nam, ông đứng đầu một cơ quan truyền đạo Tin lành trụ sở đặt trên đường Trần Hưng Đạo. Con trai lớn là thiếu tá Không quân ở Nha Trang *chạy* về Sài Gòn khi BMT vừa thất thủ, con thứ tư là phi công khu trục cơ phản lực A-37 Dragonfly ở Biên Hòa, và con trai út đi lính Không quân ở Phan Rang. Khi quân đội triệt thoái ra khỏi cao nguyên, Khang một mình lên bay C-130 ra Phan Rang tìm em nhưng không gặp, sau đó người em cũng *chạy* về Sài Gòn, và cả gia đình tề tựu đông đủ ở thủ đô. Khang, hai người anh phi công, và Mục sư Nam bàn định kế hoạch đưa gia đình ra ngoại quốc. “Gia đình” của họ gồm thêm gia đình ba người thông gia của Mục sư Nam, ba ông cũng là Mục

sư Tin Lành. Để thực hiện ý đồ, họ móc nối với một thiếu tá tên Kiếm là phi công C-130, vì Khang chỉ là phi công phụ khó lòng đánh cắp máy bay.

Bốn giờ chiều ngày mùng 3 tháng Tư, trong lúc thẳng Lục gò lưng đèo vợ con qua rừng Lá gần Bình Tuy, “gia đình” 53 người lái bảy chiếc xe hơi khác nhau tới phi trường quân sự bỏ hoang gần Long Thành và leo lên chiếc C-130 Kiếm bay tới đáp xuống. Kiếm và hai nhân viên phi hành là ba người duy nhất không thuộc “gia đình” đó. Chiếc C-130 bay sà trên mặt biển để tránh *ra-đar* (radar) và đáp xuống phi trường Tân Gia Ba (Singapore). Hay tin này, dư luận và báo chí Sài Gòn rúng động, thủ tướng chính phủ ra lệnh xúc tiến thủ tục dẫn độ và ký sự vụ lệnh cử một nhóm quân nhân sang áp giải 56 kẻ trọng phạm về nước. Lệnh chưa kịp thi hành thì nước mất.

Những kẻ đào thoát được chính phủ Tân Gia Ba đón tiếp như thượng khách, và trong ba tuần ở đó, họ được tự do và ăn uống sung túc nhờ 20 ngàn đô la “Hội Thánh” ở Mỹ gửi về. “Hội Thánh” bao nguyên chiếc máy bay hãng hàng không Pan Am đến đón, họ rời nơi tạm trú ra phi trường bằng *limousine* (xe hòem thuê riêng) có xe cảnh sát hộ còi chạy trước mở đường. Phi cơ bay đến đảo Guam, nhưng “Thành phố Lều” tức là trại Orote Point chưa dựng xong, họ phải bay tiếp tới đảo Saipan cách Guam 200 cây số về phía bắc, ở khách sạn Continental năm sao của Saipan, và sau một tuần được phi cơ vận tải hạng nặng C-141 của Không quân Hoa kỳ đón trở lại Guam. Cuối cùng, họ được đưa vào bốn trại tỵ nạn trong đất liền như mọi người khác. Mục sư Nam, cô con gái tên Sophie, và Khang chọn đi California, sáu người con còn lại và ba vị thông gia chọn đi ba trại kia ở Arkansas, Florida, và Pennsylvania.

Tôi không khỏi tò mò,

“Ông mục sư và cô Sophie ở trại nào?”

“Ông ở Trại 4, thành lập các buổi nhóm thờ phượng Chúa, và ban đêm truyền giảng cho đồng bào. Nhưng từ khi nghe ông kể chuyện ‘tuân theo ý Chúa’ thoát thân sang Tân Gia Ba, giáo dân từ từ giãn ra và lánh xa. Con Sophie ở Trại 7 cũng là khách hàng của bà xã tao.”

“Hội thánh *hội thiếc* đâu mà không đứng ra bảo trợ họ?”

“Ai mà biết! Tao sôi máu khi nghe thẳng Khang kiêu hãnh tuyên bố chuyến đi của gia đình nó ‘có một lịch sử rất đặc biệt.’ Họ trốn đi sớm nhất và ăn cắp chiếc máy bay C-130 đem ra khỏi nước đầu tiên.”

Tôi tự hỏi, tại sao kẻ ma mãnh như nhà ông mục sư *ra đi* gặp toàn sung sướng và thuận lợi mà gia đình thẳng Lục, nhất là hai cô bé non nớt và yếu đuối, lại trải qua bao nhiêu nỗi gian truân. Ông Trời bất công hay muốn *thử lòng người hiền lương*? (Hai mươi lăm năm sau, cô chị là một bác sĩ chuyên khoa nổi tiếng, và cô em là phóng viên chính của một đài truyền hình lớn ở Dallas thuộc tiểu bang Texas.)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Tư, 2020

Đám Cưới Ngoài Biển Khơi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Như thường lệ, tôi thức giấc vào khoảng bốn giờ sáng và uể oải nằm trên giường bố nghĩ đến một ngày vô vị trước mặt. Quỳnh Châu thở nhẹ nhàng đều đặn trên chiếc giường bố bên cạnh. Đêm vắng lặng, gió thổi rì rào trên các ngọn cỏ quanh lều. Bỗng từ chiếc lều cách chúng tôi chừng vài chục thước, có tiếng đàn bà kêu cứu, “Có ai cứu con tôi, bố người ta!” Tôi chồm dậy mặc vội quần áo bước ra khỏi lều và chạy về phía có tiếng kêu, Quỳnh Châu theo sau bèn gót. Vạch tấm bạt cửa lều chui vào, chúng tôi gặp một cặp vợ chồng trẻ khoảng hăm mốt, hăm hai tuổi. Người chồng ẵm em bé chừng năm, sáu tháng trong lòng, cô vợ khóc rưng rức,

“Cháu bị sốt nóng từ đầu hôm, cả đêm khóc không ngủ. Đến giờ thì người nóng hừng hực, cháu hết khóc, nhưng không còn động đậy . . .”

“Anh đi kêu xe cứu thương, em ở lại giúp anh chị ấy bình tĩnh,” tôi nói với Quỳnh Châu.

Ba chân bốn cẳng tôi chạy bay ra văn phòng bộ chỉ huy Trại 3 và trình bày vấn đề trường hợp khẩn cấp với anh hạ sĩ quan trực. Anh điềm đạm nhắc ống nói khỏi chiếc điện thoại màu đen và quay số. Mười lăm phút sau xe cứu thương nhà binh xuất hiện; tôi được nhờ đi theo để thông dịch. Không tới mười phút, xe tới bệnh viện Hải quân thuộc Trại Pendleton. Đây là lần đầu tiên tôi đi xa ra khỏi khu vực lều trại, ngôi bệnh viện đồ sộ khiến tôi choáng mắt, và tôi ngửi thấy một mùi thơm đặc biệt khó quên.

Bác sĩ trực là một sĩ quan mặc quân phục Hải quân dưới chiếc áo choàng trắng. Tôi thấy mặt ông khá quen nhưng còn ngờ ngợ nên không nói ra. Chăm chú nghe cô vợ khai bệnh của con, ông khám nghiệm em bé và ra lệnh cho y tá cởi quần áo và dùng khăn thấm nước lạnh chườm lên trán và thân hình em để hạ thân nhiệt. Tôi giật mình ngạc nhiên vì theo thói tục người Việt khi bị nóng sốt người ta mặc thêm áo quần cho khỏi bị lạnh. Ông nói với hai vợ chồng,

“Cháu bị sưng phổi và bị sốt lên đến 103 độ [Fahrenheit, tức là 39.5°C]. Cơ nguy hiểm đã qua, nhưng tôi muốn giữ cháu lại để quan sát. Ông bà có thể ở trong bệnh viện với cháu.”

Nhìn bảng tên trên ngực áo choàng – Robert Steeler, tôi không còn nghi ngờ gì nữa: Bác sĩ là anh Rob (một tên gọi tắt của “Robert”) tôi quen ở Nha Trang bảy năm trước. Thấy bệnh nhân cấp cứu đứng chờ khá đông, tôi không dám làm mất thì giờ của anh nên lờ đi và dợm bước ra ngoài tìm xe buýt về trại. Nhưng anh dịu dàng nắm vai tôi cười toe và nói bằng tiếng Việt bỏ dấu sai lung tung,

“*Èm Bà Hoa, tôi rất vui mừng khi gặp lại em ở đây,*” rồi anh đổi sang tiếng Anh, “Rất tiếc bây giờ tôi không có thì giờ để nói chuyện. Để thứ Bảy tôi đưa Vân vào trại thăm em.”

Người anh Rob nói chắc hẳn là cô Tứ Vân. Tôi gặp cô lần đầu tiên hè năm 1965, khi từ Ban Mê Thuột (“BMT”) xuống Nha Trang thi Tú tài II vì BMT tỉnh nhỏ không có hội đồng thi. Cô là một trong hai giám thị coi thi phòng tôi, người kia là thầy Cựu dạy Anh văn ở Quốc Học Huế. Ngày học Quốc Học, tôi nghe nói thầy thù tôi vì học sinh đồn đãi tôi giỏi Anh văn hơn thầy ở chỗ thầy nói tiếng Anh giọng Huế Mỹ trơ mặt ra không hiểu. Trong ba ngày thi viết, cô ra công che chở

để tôi không bị thầy kiểm có thu bài và đuổi ra khỏi phòng thi nửa chừng. Trong khi chờ kết quả thi viết (đậu mới được thi vấn đáp), đám con trai BMT đến tán dóc với các nữ sinh cùng lớp đang tạm trú tại ngôi biệt thự của người bà con của Kiểm; Kiểm người Huế là cô bạn thân nhất của tôi. Không ngờ, tôi gặp cô giám thị tại đó. Cô là “bà o” Tứ Vân của Kiểm, đi du học bên Mỹ về, dạy Anh văn ở trường Đồng Khánh Huế, và kỳ này vào Nha Trang chấm thi. Ngày tôi vào thi vấn đáp, cô can thiệp để tôi thi Anh văn với cô, thay vì với thầy Cự mà bị đánh rớt cầm chắc trong tay.

Sau khi thi Tú tài II, tôi vào Sài Gòn học, Kiểm lấy chồng và dọn về Nha Trang. Ba năm sau, tôi nghỉ hè về chơi ở thành phố biển xanh cát trắng nắng vàng, tìm thăm Kiểm, và gặp lại cô Tứ Vân; cô ở chung nhà với vợ chồng Kiểm. Năm trước, cô đổi vào dạy trường Nữ trung học Nha Trang (sau có tên mới Huyền Trân). Kiểm nằm cữ sinh con đầu lòng, kiêng cữ theo tục lệ xưa của người Huế, và nằm trong phòng nói chuyện với tôi qua bức màn che kín. Trong gần mười ngày ở Nha Trang, tôi theo cô đi chơi với anh Rob. Anh là đại úy bác sĩ Hải quân phục vụ trong đoàn công tác hỗ trợ y tế cho Dân y viện Nha Trang trong chương trình hoạt động dân vận MILPHAP (Military Provincial Health Assistance Program) của quân đội Hoa Kỳ.

Cô Tứ Vân và anh Rob học cùng trường ở Đại học Texas tại Arlington thuộc tiểu bang Texas. Anh đi học do Hải quân tài trợ trong chương trình Đoàn Huấn luyện Sĩ quan Trừ bị (ROTC), mùa hè thụ huấn quân sự, và cam kết phục vụ quân đội khi ra trường. Hai người trở nên thân thiết và gắn bó với nhau. Học xong cô về nước, anh tiếp tục học, tốt nghiệp bác sĩ, và trở thành sĩ quan Hải quân. Anh tình nguyện sang Việt nam làm việc cho MILPHAP không ngoài mục đích được gần gũi người bạn lòng. Anh tự học tiếng Việt, đọc và hiểu thông suốt, nhưng thiếu thực hành nên khi nói bỏ dấu sai khiến câu nói nghe rất buồn cười. Tôi nhận ra họ yêu nhau bằng mối tình tuyệt vọng: Gia đình cô nệ cổ không chấp nhận cô “làm mẹ Mỹ,” và cô không thể cãi lời cha mẹ.

* * *

Trưa thứ Bảy, loa phóng thanh gọi tôi “trình diện” bộ chỉ huy để gặp khách đến thăm. Mái tóc dài bồng bênh của cô Tứ Vân vẫn như xưa; lòng vui mừng ngập tràn, tôi cầm tay cô,

“O khi mô cũng đẹp, *chừ* lại thêm đẹp đôi. O qua đây hồi nào?”

“O bà lo xo, người ta là o của con Kiểm chứ o *chi* của Ba Hoa? Kêu bằng ‘chị’ đi – cho người ta trẻ ra một chút *chớ*,” cô nói nhanh và hay cười như ngày nào.

“Dạ ‘chị’ thì ‘chị,’ sợ *chi* ai? Đây là Quỳnh Châu *mụ vợ* để thương của em,’ tôi lây sự hồn nhiên của chị Tứ Vân.

Với giỏ thức ăn anh Rob khệ nệ mang theo, bốn chúng tôi ngồi dưới tàn cây ở đầu sân vận động ăn *picnic*. Chị Tứ Vân buồn bã kể lại cuộc hành trình của chị,

“Đầu tháng Tư Nha Trang thất thủ, chị chạy về Sài Gòn ở nhà người bà con. Gia đình chị kẹt lại ngoài miền Trung; có tin cha mẹ chị chạy từ Huế vô Đà Nẵng, nhưng không biết *răng* ông bà già không tới nơi. Chị định tìm xe đò đi ra miền Trung coi hai người chết sống ra *răng*.”

“Đang làm việc ở bệnh viện Hải quân, thấy tình hình Việt nam quá nguy ngập, tôi liền xin nghỉ phép 30 ngày để qua Việt nam đón Vân. Sĩ quan Mỹ không được phép vào Sài Gòn nếu

không có sự vụ lệnh, nhưng tôi thà bị đưa ra tòa án quân sự hay kẹt lại bên đó còn hơn là vĩnh viễn không gặp nàng. Ngày 24 tháng Tư, tôi đáp chuyến bay cuối cùng của hãng hàng không Pan Am tới Tân Sơn Nhứt. May mắn thay, tôi tìm được nàng,” anh Rob quả quyết; anh nói chuyện bằng tiếng Anh, trong khi ba người còn lại nói cười lú lo bằng tiếng Việt.

“Câu hỏi đầu tiên của chị là, ‘Anh về đây làm chi? Bộ muốn tự tử hả?’ Anh nói về đón chị và nếu chị không đi anh nhất định ở lại; Việt Cộng bắt, anh cũng chịu. Chị hết nước nói, đành cuốn gói đi theo ông tướng *gan cóc tía ni*,” chị Tứ Vân tình tứ vịn tay anh.

“Tôi mừng như được lên thiên đàng, đưa Vân vào tòa Đại sứ Hoa Kỳ, xuất trình giấy tờ chứng minh làm việc cho MILPHAP, và xin di tản với vị hôn thê. Viên chức kiểm soát không để ý đến giấy tờ cũ từ năm 1970 và hối hả đẩy chúng tôi lên sân thượng. Hai đứa nhảy thót lên chiếc trực thăng đưa nhân viên tòa đại sứ ra chiến hạm USS Midway đang mở máy chờ sẵn. Bay vù ra khỏi Việt nam.”

USS Midway là chiếc hàng không mẫu hạm có thủy thủ đoàn trên 4,100 người, có thể mang 120 phi cơ, và đã hai lần tham chiến tại Việt nam: năm 1965, đậu ở ngoài khơi vịnh Bắc Việt làm cứ điểm cho phi cơ oanh tạc miền Bắc, và năm 1972, tham gia vào công tác giải mìn phong tỏa các hải cảng của miền Bắc. Lần này, Midway trở lại cùng các chiến hạm khác của Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ để tham dự chiến dịch Gió Thường Hay Thổi (Frequent Wind), chiến dịch di tản nhân sự Việt Mỹ và các quốc gia thứ ba ra khỏi Sài Gòn trong hai ngày 29 và 30 tháng Tư. Chị Tứ Vân bồi hồi,

“Trên Midway, chị hồi hộp xem cảnh trực thăng Mỹ đi đi về về đổ người xuống liên liên và trực thăng do phi công Việt nam mình lái chở gia đình đáp xuống tới tấp. Nhân vật quan trọng nhất lái trực thăng đáp xuống là ông Phó Kiên, ông mặc bộ đồ bay áo liền quần màu xám bạc bó sát người trông rất lịch sự và oai vệ. Nhưng hùng tráng nhất và cảm động nhất là cuộc hạ cánh của Thiếu tá Không quân Xxxx Bảnh.”



Chiều ngày 29, Thiếu tá Bảnh lái chiếc phi cơ L-19 Bird Dog chở vợ và năm đứa con cất cánh từ Côn Sơn bay tới gần Midway. Đó là loại phi cơ có cánh cố định hai chỗ ngồi dùng để liên lạc và thám thính; “Bird Dog” là chó dùng đi săn chim. Thủy thủ Midway có ý định ra lệnh cho chiếc Bird Dog đáp xuống biển và chờ thuyền nhỏ đến cứu vì phi công Việt nam không được huấn luyện cách đáp xuống hàng không mẫu hạm và L-19 không có bộ phận giảm tốc độ gấp rúc khi hạ cánh; họ cố gắng liên lạc vô tuyến nhưng vô hiệu. Chiếc Bird Dog bay quanh Midway hai vòng và thả giấy xuống, nhưng thư bị gió thổi bay xuống biển. Vòng thứ ba, tờ giấy bao quanh khẩu súng lục bỏ trong bao súng rơi trúng *boong* tàu. Tờ thư ghi,

Tôi có thể hạ cánh trên phi đạo của tàu, xin làm ơn di chuyển phi cơ trực thăng qua một bên. Tôi còn nhiên liệu bay thêm một tiếng đồng hồ nữa, xin hãy cứu tôi. Thiếu tá Bảnh, vợ, và năm con.

Hạm trưởng Midway chấp nhận lời yêu cầu và ra lệnh dời những chiếc trực thăng chướng ngại để dọn đường cho Thiếu tá Bảnh hạ cánh. Mọi thủy thủ trên tàu, bất kể cấp bậc, đều hăng hái xúm lại đẩy xuống biển mấy chục chiếc trực thăng đáng giá hàng chục triệu đô la. Chiếc Bird Dog hạ cánh an toàn, và gia đình Thiếu tá Bảnh bước ra phi cơ trong tiếng hoan hô nhiệt liệt của mọi người.

Nhưng anh Rob cười nửa miệng,

“Ai nói gì thì nói, tôi thấy biến cố quan trọng nhất trên Midway vẫn là *đám cưới ngoài biển khơi* của tụi này.”

“Thì ra anh chị làm lễ cưới ngay trên tàu. Chúc mừng anh chị,” tôi siết chặt tay anh.

“Xuống Midway là hai đứa phải tách riêng. Anh Rob là sĩ quan Hải quân phải ở trong khu phòng ngủ sĩ quan. Chị là dân tỵ nạn ở khu dành cho cho lính, và khi đồng người quá không đủ chỗ phải ngủ trên *boong*. Tình trạng *Ngưu lang Chức nữ* không biết tới *khi mô*, anh bèn đề nghị hai đứa làm đám cưới, lấy nhau *quách cho xong*, để được gần nhau,” chị Tứ Vân cười e lệ.

Quỳnh Châu khen,

“Anh chị giỏi thiệt! Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng mà cũng tìm được cách để thành hôn.”

“Khó khăn *chi mô*. Chỉ cần được hạm trưởng chấp thuận và mục sư tuyên úy đồng ý hành lễ là xong. Đám cưới trong nguyện đường, chị mang áo dài Việt nam, họ nhà gái là gia đình một anh phi công ở Nha Trang quen thân với chị, và nhẫn cô dâu thì mượn của bà vợ. Họ nhà trai có cha anh Rob, chú rể mặc quân phục đại lễ Hải quân mượn của cha, và nhẫn chú rể cũng mượn của ông. Toàn mặc *khín*, đeo *khín*!” chị Tứ Vân sung sướng nắm tay anh.

“Một tí *connection*, ‘*tiềnng* *Viết* *nằm* *nọi* *la* *còn* *ông* *châu* *cha*,’ cũng có ích lắm chứ bộ! Ông già tôi là Đô đốc George P. Steeler giữ chức vụ then chốt của Đệ thất Hạm đội, ông bay trực thăng riêng từ soái hạm USS Oklahoma City tới dự lễ cưới,” nụ cười của anh nở tận mang tai; “*connection*” là quan hệ họ hàng, hay theo kiểu nói mĩa của người Việt là “con ông cháu cha.”

Nhìn anh Rob và chị Tứ Vân hạnh phúc bên nhau, tôi tưởng chừng như vừa đọc xong một truyện cổ tích. Chuyện tình của hai người đẹp như một giấc mơ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 11 tháng Mười Hai, 2019

Không Để Ai Bị Khốn Khó

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày đầu tiên vào trại Trại Pendleton, mỗi gia đình phải ghi tên với một trong 13 cơ quan thiện nguyện (voluntary agency, hay *VolAg*) có nhiệm vụ giúp tìm bảo trợ, tức là người hay hội đoàn tình nguyện hướng dẫn và giúp đỡ người tỵ nạn hội nhập xã hội Hoa Kỳ. Tôi chọn cơ quan mang số 13 nằm cuối danh sách sau này mới biết là một *VolAg* địa phương chỉ có thể giúp định cư quanh vùng California. Gần hai tháng qua tôi chẳng thấy cơ quan đó rục rịch gì cả, trong lúc Hội đồng Công giáo Hoa Kỳ (USCC) đại diện cho giáo hội Công giáo và Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran (LIRS hay “Lutheran”) đại diện hội thánh Tin lành Lutheran mỗi ngày đưa hàng chục gia đình đông con mà chủ gia đình dường như không có nghề nghiệp thực dụng ra ngoài cho nhà thờ Công giáo hay Tin lành bảo trợ.

Những người ra sớm thường siêng năng viết thư cho bạn bè còn ở lại; thư được chuyền tay đọc và nghiền ngẫm, và mỗi chi tiết trong thư đều được bàn luận và suy diễn tận tình. Một ông được nhà thờ Công giáo USCC bảo trợ ra thành phố Fullerton ở nam California kể lại lúc ra tới nơi, gia đình ông được họ đạo đón chào như thượng khách và đưa về ngôi nhà lớn khang trang có đủ phòng cho hai vợ chồng và năm đứa con, và chiếc tủ lạnh khổng lồ trong nhà bếp chất đầy thức ăn ngon lành. Sau đó, người họ đạo chia nhau đưa đón con đi học, vợ chồng đi chợ mua đồ ăn, và cả gia đình đi nhà thờ. Áo quần giày dép và các vật dụng trong nhà thì hàng ngày người ta mang đến cho ngập ngụa, không sao dùng hết. Ông kể chuyện đi ra đường,

Thành phố sạch sẽ, đường sá ngay ngắn và ngăn nắp, và ít người đi bộ ngoài đường. Khi gặp tôi, ai nấy đều niềm nở chào và nói ‘Hay’ [‘Hi’ là tiếng chào thân mật của người Mỹ].”

Thư không nói, nhưng chúng tôi đoán biết ngôi nhà do họ đạo thuê và trả tiền hàng tháng, và gia đình ông sống đầy đủ nhờ *welfare* là tiền trợ cấp dành cho “gia đình Mỹ có con phải nuôi” và *food stamps* là phiếu thực phẩm cấp cho gia đình nghèo. *Welfare* là chi phiếu hàng tháng gửi đến nhà, người thụ nhận thường đủ điều kiện hưởng thêm trợ cấp y tế và một số trợ cấp khác. *Food stamps* là các tấm phiếu cỡ bằng tờ giấy bạc ghi trị giá 1, 5, 10, 20, và 50 đô la và có thể dùng thay tiền mua thức ăn tại các chợ. Bánh mì, sữa, thịt, cá, rau cải, trái cây, v.v. đều có thể mua bằng *food stamps*, kể cả những món xa xỉ như tôm càng, cua Alaska loại lớn, và tôm hùm mà người Mỹ trung lưu ít dám rớ tới.



Thỉnh thoảng tôi tìm gặp Tuyển là bạn học ở trường kỹ sư và cùng Tuyển vẽ vời tương lai, mơ ước trở lại nghề chuyên môn của mình ở Hoa Kỳ. Tuyển là kỹ sư công chánh làm việc ở nha Đồn của Tổng nha Kiều lộ thuộc bộ Công chánh, còn độc thân, và ra đi bằng tàu Hải quân với hai người em ruột và một người em họ. Người em kế Tuyển là trung sĩ truyền tin chuyên bảo trì dụng cụ truyền tin quân sự. Người em ruột kia và người em họ là sinh viên trường Luật. Tuyển tự tin về tài năng của mình,

“Moa là đệ tử ruột của thầy Đình. Thầy tốt nghiệp trường Cầu Cống nổi tiếng của Pháp và là chuyên gia cầu cống số một của Việt nam. Năm 1961, khi nhà thầu RMK-BRJ xây cất xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, thầy chỉ đến xem một lần mà chỉ ra những chỗ sẽ nứt trên cầu ‘Một Ngàn Thước’ của xa lộ; cầu được gọi như thế vì chiều dài xuyết xoát 1,000 mét. Thầy nói trúng *chóc* khiến bọn kỹ sư Mỹ chấp tay bái phục.” “Moa” là cách đọc tiếng Pháp “moi” (là tao hay tôi).

Tuyển ghi tên với Hiệp hội Trợ giúp Di dân Hebrew (HIAS, hay “Hội Do thái”) và hăng hái xuất trại khi *Hội Do thái* tìm được người bảo trợ ở Oakland ở bắc California. Hai tuần sau khi đến nơi, Tuyển viết thư cho tôi,

Lúc rời khỏi trại, tụi moi [đọc là “moa”] mỗi đứa nhận được 100 đô la làm lộ phí. Người bảo trợ là một anh Do thái khoảng trên ba mươi tuổi. Anh ta đưa tụi moi về căn apartment hai phòng ngủ và cho biết Hội Do thái đã trả tiền nhà tháng đầu tiên. Anh ta chỉ dẫn cách đọc bản đồ tìm địa chỉ, đi chợ mua đồ ăn, đi xe buýt, đi tới sở tìm việc, v.v. Tuần lễ sau, anh ta đến thăm chừng đôi ba lần và cuối cùng giao cho tụi moi mỗi đứa 400 đô la, nói là tiền của chính phủ. Sau đó anh ta biến mất . . .

Số tiền 500 đô la (\$500) mỗi anh em Tuyển nhận được, ở trong trại chúng tôi đã nghe phong thanh và bàn lui tán tới nát nước, nhưng không ai biết rõ ràng. Thực ra, hợp đồng của chính phủ và các *VolAg* quy định rằng, cứ mỗi người *VolAg* đưa đi định cư, chính phủ sẽ hoàn lại \$500 để trang trải chi phí, và *VolAg* tự do sử dụng số tiền đó theo ý mình. Trong trường hợp *Hội Do thái*, *VolAg* giao hẳn số tiền cho anh em Tuyển rồi “phủ tay” từ giã. Ngược lại, *Lutheran* chỉ phát cho mỗi người \$10 để dùng đi đường và bắt người bảo trợ phải gánh chịu phí tổn định cư người tỵ nạn (thường không gồm khoản trợ giúp tài chánh vì đã có *welfare* và *food stamps* của chính phủ). Vài người chắc mẩm \$500 đó là số tiền chính phủ cấp cho mình và khi không thấy giao tiền, ùng ùng nổi giận không nói không rằng mang gia đình qua tiểu bang khác ở với bạn bè vì “bảo trợ lưu manh ăn chặn.” Người bảo trợ chưng hửng không biết vì sao họ bỏ đi.

Ban đầu anh em Tuyển chịu vất vả mọi bề. Khởi sự là “nghề” rửa chén nhà hàng ai cũng làm được sau dăm ba phút học việc. Sau đó “lên” *busboy* là phụ tá hầu bàn có nhiệm vụ dọn dẹp khi khách ăn xong và đặt lại dao muỗng nĩa khăn ăn mới, nhưng không được đụng tới tiền *pucc-boa* (tiếng Pháp “pourboire”) dành cho hầu bàn. Ít người đủ điều kiện làm hầu bàn vì phải giỏi tiếng Anh và biết rõ các món ăn trong thực đơn để giải thích với khách và lấy đơn đặt món ăn. Bốn anh em nhẩn nhục làm đủ thứ công việc để kiếm tiền – ở xứ này không có nghề gì xấu cả, dành dụm từng đồng, và cật lực học hỏi. Sau một năm, mọi việc dần dần trở nên khả quan: Hai người em trẻ nhất ban đêm đi làm, ban ngày tiếp tục học đại học; người em kế làm trong một xưởng sửa chữa điện tử nhỏ; và Tuyển xin được một chân họa viên trong hãng cố vấn kỹ thuật chuyên thiết kế cầu.

Công việc họa viên quá dễ dàng nên thì giờ thừa thãi, Tuyển tha hồ xem xét họa đồ cầu và tối về nhà lấy sách vở nghiên cứu thêm để trau dồi kiến thức kỹ thuật. Một hôm, Tuyển tìm thấy một khuyết điểm tai hại trong một họa đồ thiết kế cầu: Cầu có thể sụp đổ nếu trọng tải lớn trong điều kiện thời tiết khắt khe như bão lớn hay nước lũ mạnh. Tính đi tính lại dăm ba lần và chắc chắn là mình không thể sai, Tuyển đưa vấn đề trình lên ban giám đốc. Cả công ty mừng rỡ xôn xao, lỗi lầm này nếu không khám phá kịp thời có thể đưa tới hậu quả khôn lường. Anh họa viên người Việt được thăng ngay lên chức kỹ sư thiết kế, lương cao hơn nhưng không được ban thưởng gì khác. Tuyển vờ khiêm nhường,

“Tôi chỉ gặp may thôi. Ngày tôi học trường kỹ sư, thiết tính cầu là bài tập hàng tuần.”

* * *

Đầu tháng Tám, Phụng và thằng Tú ra thành phố Fairfield ở bắc California; người bảo trợ là chị Loan chị của Phụng và chồng chị là Dennis. Ngày trước ở Việt nam, chị bán câu lạc bộ Mỹ trong căn cứ Không quân Biên Hòa và gặp Dennis là hạ sĩ quan cơ khí Không quân Hoa kỳ. Hai người yêu nhau, làm đám cưới, và đến năm 1973 cùng nhau về Mỹ. Dennis tiếp tục phục vụ quân đội và làm việc trong căn cứ Không quân Travis ở Fairfield.

Thằng Tú ghi tên với *Lutheran*. Nó đã biết vợ chồng chị Loan nghèo và không đủ phương tiện giúp đỡ vợ chồng nó, nhưng sau gần ba tháng chờ đợi vô vọng, Phụng nóng lòng muốn ra khỏi trại và thúc giục anh chị làm giấy tờ bảo trợ. Chị Loan gửi thư cho Phụng,

Anh chị ở apartment nhỏ, nhưng rán thu xếp cũng có chỗ ngủ cho vợ chồng em. Ra đây, ban đầu em sẽ phải dùng áo quần chung với chị. Fairfield là thành phố nhỏ, việc săn hiếm hơi, nhưng Tú có thể xin làm trong nhà hàng, và chị sẽ xin cho em một chân phụ bán hàng với chị trong PX [gian hàng Quân Tiếp vụ] của căn cứ Travis.

Những ngày ở Fairfield của thằng Tú thật gian nan. Sáng sớm trời lạnh, hai vợ chồng co ro dặt nhau ra trạm xe buýt đón xe đi làm: Phụng vào căn cứ, và thằng Tú đi rửa chén nhà hàng, mỗi ngày tám tiếng đồng hồ. *Lực bất tòng tâm* (sức không tùy lòng), thằng Tú ý chí có thừa, nhưng cái chân cụt quá đầu gối gắn chân giả không chịu nghe lời. Mỗi tối về nhà, nó “ăn” cả chục viên aspirin cho đỡ đau và để chuẩn bị hôm sau “đi cày” tiếp. Sau một tháng, nó *sụm bà chè* phải nằm nhà. Nó gọi cho văn phòng *Lutheran* xin vào trại trở lại để chờ bảo trợ khác; gọi điện thoại viển liên qua lại, nó mất bếng đi hơn một ngày tiền công rửa chén.

May sao văn phòng *Lutheran* vừa nhận được thư của sở Học chánh thành phố Rockford xin bảo trợ một thầy giáo giỏi tiếng Anh. Thuộc tiểu bang Illinois và cách Chicago 150 cây số về phía tây bắc, Rockford có nhiều học sinh người Việt, và sở Học chánh mở chương trình ESL (“English as a Second Language” là chương trình dạy tiếng Anh cho người ngoại quốc) và cần một phối hợp viên, công việc lý tưởng cho chàng thương phế binh đặng bằng Cử nhân Giáo khoa Anh văn tại Đại học Văn khoa Sài gòn. Vài ngày sau, *Lutheran* dàn xếp cho vợ chồng thằng Tú đáp máy bay từ Fairfield đến Rockford. Trong mấy năm tiếp theo, thằng Tú ban ngày dạy học, buổi tối đi học lớp đêm, lần lượt đỗ Cao học và Tiến sĩ Giáo dục, và cuối cùng làm Trưởng ban ESL tại đại học cộng đồng địa phương. Phụng học nghề uốn tóc và sau vài năm làm thợ, mở tiệm có đông khách hàng.

Bạn tôi đi Illinois, tôi tấp về North Dakota. Mỗi lần đi họp ở Chicago, tôi ghé thăm vợ chồng thằng Tú, và như thế mỗi năm gặp nó đôi ba lần. Một hôm vào đầu thập niên 1980, khi nhắc lại những ngày chân ướt chân ráo ra khỏi trại, nó tình cờ đề cập tới những “gia đình *welfare*” năm 1975,

“Theo phúc trình chính thức, cuối năm 1976, hơn một năm sau khi mọi người định cư yên ổn, có tất cả 44 ngàn (hay 30 phần trăm tổng số) dân tỵ nạn ăn *welfare*. Theo Đạo luật Di trú và Quốc tịch 1965, nếu một ngoại kiều tạm dung (như chúng mình bấy giờ) là ‘gánh nặng của công chúng,’ người đó sẽ không được nhận vào ngoại kiều thường trú và dĩ nhiên sẽ không thể trở thành công dân Hoa kỳ. Nhưng tháng Hai năm 1977, chính phủ gửi tới Quốc hội dự luật cho phép người tỵ nạn Đông dương được miễn trừ khỏi tuân theo điều luật đó, và ‘dân *welfare*’ đủ điều kiện trở thành thường trú.”

“Tao nhớ rồi, hồi đó sống đủ hai năm ở Mỹ là ai nấy đều *thơ thối hân hoan* nộp đơn xin vào thường trú, không biết rằng chính phủ đã phải san bằng một khúc mắt của luật di trú. Bấy giờ những ‘gánh nặng của công chúng’ đó ra sao?” tôi gật gù.

“Hầu hết không có nghề nghiệp rõ ràng và không rành Anh ngữ. Càng thất nghiệp lâu, họ càng thiếu động cơ thúc đẩy học hỏi hay tìm việc. Một số rất ít công việc họ làm được thì trả lương thấp hơn xa trợ cấp của chính phủ, không ai dại gì đi làm. Họ tiếp tục ‘lãnh lương Reagan’ và yên phận dồn nỗ lực nuôi dạy thế hệ thứ hai. Lớp trẻ nói chung rất thành công trong việc học hành, đứng đầu số ở các trường trung và đại học, và làm cho thầy cô người Mỹ nể vì,” thằng Tú hãnh diện kể; “Reagan” là tên vị tổng thống Hoa kỳ đương nhiệm.

Đất nước này đã cứu mang đám dân tỵ nạn và *không để ai bị khốn khó*, nhất là những kẻ ít có khả năng tự túc nhất, và ai nấy đều thụ hưởng đời sống vật chất thoải mái. Điều này chẳng phải là tại số, tức là vận mạng con người trong đời, như người Việt hay nói,

*Số sống vất bờ tre cũng sống,
Việc chờ hay hồng, việc ngóng hay trôi.
Khó, giàu muôn sự tại trời,
Nhân sinh ai cũng kiếp người mà thôi.*
(Ca dao)

Mà là do lòng nhân đạo và hào hiệp của dân chúng Hoa kỳ. Tôi hãnh diện làm công dân quốc gia này.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Mười Hai, 2019

Rắn Chuông và Người

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Nằm cuối cùng về phía nam toàn trại Trại Pendleton, lều số 67 thuộc Trại 3 của gia đình tôi dựng trên một khoảnh đất bằng ở lưng đồi, đi lên chừng hai chục thước là tới đỉnh, và bên kia thung lũng là đồi núi nối tiếp nhau chạy về phía chân trời. Sau lưng chúng tôi là bụi rậm người ta đồn có rắn chuông, loại rắn độc duy nhất ở California. Chỉ nghe nói không thôi cũng đủ để Quỳnh Châu và Bình ngơ ngợp lo sợ; tôi thường đùa để trấn an hai cô,

“Rắn sợ người và sẽ không làm gì mình nếu không bị quấy rầy. Loại rắn độc nhất là Việt Cộng thì xa mình đến nửa vòng quả đất. Một hai con rắn chuông ẩn mình trong bụi, *nhằm nhò* gì *ba chuyện lẻ tẻ* mà ‘Mỹ nhân’ lo ngay ngáy cho hao giảm sắc đẹp nghiêng nước đổ . . . thùng?” “Mỹ nhân” là đàn bà đẹp, nhưng tôi còn ám chỉ là “người Mỹ.”

Trong lều kê hơn hai chục cái giường bố nhà binh, nhưng chỉ có gia đình tôi “chiếm cứ” vì những người khác thích ở *ba-rắc* ấm áp, hay các lều gần nhà bàn và bộ chỉ huy trại để tiện việc ăn uống và nghe rõ thông báo trên máy phóng thanh. Điều bất tiện của căn lều xa là suốt ngày gió thổi rì rào trên đồi, hôm nào trời gió to là kể như tôi điếc đặc vì không nghe được loan báo của trại. Một buổi chiều đầu tháng Tám, tôi ngồi trầm ngâm một mình thì Quỳnh Châu và Bình ra ngoài về, vợ tôi thở hổn hển,

“Chờng ơi, sáng đến giờ loa phóng thanh gọi tên anh ơi ới, sao còn ngồi đây?”

“Vậy sao? anh có nghe thấy gì đâu,” tôi uể oải hỏi lại.

“Anh mà làm toán thì sét đánh bên tai cũng chẳng nghe thấy nữa là! Họ bảo anh đến văn phòng *Lutheran* chứ không phải cơ quan Hội nghị Do thái Thế giới của mình đâu anh,” Quỳnh Châu nhắc nhở; “*Lutheran*” là Cơ quan Di trú và Tỵ nạn *Lutheran*.

“Lạ thật, ‘anh’ Do thái Do thiếc thì chẳng thấy tăm hơi, mà ‘ngài’ *Lutheran* lại đi tìm mình! Không biết chuyện gì xảy ra?”

Sáng hôm sau tôi lên văn phòng *Lutheran* đặt trong *trailer* (nhà *ơ-moóc*) gần Trung tâm Thủ tục và được đưa vào văn phòng giám đốc là căn phòng nhỏ cuối *trailer* chỉ có cái bàn giấy và hai chiếc ghế phía trước. Ngồi sau bàn giấy, bà giám đốc đang nói chuyện điện thoại và niềm nở chìa tay mời tôi ngồi. Người thiếu phụ trạc tứ tuần, mái tóc nâu hơi điểm sương, đôi mắt xanh dịu hiền, và dáng người mảnh khảnh khiến tôi nhớ đến cô Miên Diễm dạy Anh văn năm tôi học đệ tam (lớp 10) Quốc Học Huế; cô giảng bài dịu dàng và đọc tiếng Anh giọng Oxford bay bướm và nhẹ nhàng như đọc thơ. Bà giám đốc cũng nói giọng Oxford, mỗi bà hơi chúm cong lại khi đọc âm “ơ” cuối cùng trong chữ “San Francisco” nửa giống như “cô” nửa giống như “câu,” và âm thanh thoát ra nghe lả lướt như cuộn tròn trong không khí. Cuộc điện đàm kết thúc, bà đặt ống nghe xuống và nhìn tôi chờ đợi; tôi rụt rè,

“Thưa bà giám đốc, người ta gọi tôi trên hệ thống truyền thanh chỗ đông và bảo tôi đến văn phòng bà.”

“Xin anh cứ gọi tôi bằng tên Diane, nếu anh không muốn bị gọi bằng ‘Giáo sư *Ba Hoa*,’” bà mỉm cười nhìn vào hồ sơ ghi tên tôi trước mặt.

“Dạ Diane. Bà nói tiếng Anh giọng Oxford hay quá, giống như cô giáo dạy Anh văn đầu tiên của tôi mười mấy năm trước,” tôi thấy yên tâm hơn.

“Tôi ngạc nhiên là anh có thể nhận ra đấy. Tôi dạy học bên Anh hơn mười năm trước khi gia nhập mục sư đoàn.”

Thì ra bà Diane là mục sư Tin lành Lutheran. Tôi thắc mắc,

“Tôi không ghi danh với *Lutheran*, tại sao cơ quan bà lại muốn gặp tôi?”

“Chúng tôi báo tin mừng cho anh: Nhà thờ Ba ngôi Lutheran ở Bismarck thủ phủ tiểu bang North Dakota sẵn lòng bảo trợ gia đình anh,” bà cười hân hoan.

“Tôi không có liên hệ gì với nhà thờ đó, không quen ai ở North Dakota, và cũng không ghi tên với văn phòng *Lutheran* của bà, làm sao người ta biết tôi mà ngỏ ý bảo trợ?”

“Tôi không rõ. Chỉ biết điện văn của văn phòng thiện nguyện *Lutheran* ở Arkansas gửi tới ba trại tỵ nạn Florida, Pennsylvania, và California nêu đích danh anh và chỉ rõ nếu tìm thấy anh thì liên lạc thẳng với nhà thờ Ba ngôi. Chúng tôi gửi thông báo đến cả tám trại trong Trại Pendleton này và may mắn là bây giờ anh tới đây. Nếu anh muốn định cư ở North Dakota, chúng tôi sẽ tiến hành thủ tục cho gia đình anh xuất trại ngay.”

Bà mục sư cho biết vào đầu thập niên 1950, người ta khám phá ra mỏ dầu hỏa khổng lồ ở vùng tây bắc North Dakota, nhưng mỏ nằm dưới lớp địa tầng khó khai thác nên chỉ khoan được một số ít giếng dầu. Vùng trung tâm tiểu bang lại đầy dãy than non; đó là loại than đá màu nâu nằm trên mặt đất, dễ khai thác, nhưng khi đốt phát ra nhiệt lượng thấp nên ít được giới kỹ nghệ chú ý. Sau cuộc khủng hoảng năng lượng vài năm trước, các nhà đầu tư nỗ lực gia tăng việc khai thác mỏ dầu, và đồng thời các công ty điện lực thi nhau xây nhà máy điện chạy bằng than non để xuất cảng điện sang tiểu bang khác. Kỹ nghệ năng lượng và nền kinh tế North Dakota phát triển mạnh mẽ và cần nhiều kỹ sư điện, và tôi sẽ tìm được việc làm hợp với khả năng chuyên môn không mấy khó khăn.

Nhưng North Dakota nằm về mạn bắc của Hoa Kỳ. Phần dữ kiện phía sau cuốn sổ hoạch định bỏ túi 1975 của tôi cho biết tính trung bình nhiệt độ thấp nhất hàng đêm tại Bismarck của tháng Giêng là -4°F , tức là -20°C . Lạnh hơn nước đá đến những 20 độ Celsius. Nghĩ tới là thấy lạnh ớn đến xương sống rồi!

Tôi thảo luận đề nghị của nhà thờ Ba ngôi với Quỳnh Châu và các em, trình bày cả hai mặt “lợi” và “hại,” và hỏi ý kiến mọi người. Tất cả đều nói tùy tôi quyết định, nhưng tôi thấy rõ ai nấy đều mong sớm chấm dứt tình trạng ở lều ăn chực nằm chờ này. Tôi trần trọc suốt đêm. Gần sáng, tôi thiếp đi và trong giấc ngủ chập chờn thấy một đôi rắn chuông hiền lành trườn mình từ đám cỏ khô sau lều trốn vào bụi rậm. Tôi giật mình thức dậy; cặp rắn trong giấc mơ nhắc nhở tôi câu nói của triết gia người Đức Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844 – 1900), “Người là con vật độc ác nhất.” Tôi đã tránh nạn Cộng sản là những kẻ hung dữ và tàn ác nhất của loài người, sá chi một chút thời tiết lạnh lẽo mà sợ hãi? Bao nhiêu người sống ở North Dakota, lẽ nào tôi chịu thua kém họ?

Cầm trên tay bản tóm lược (bối cảnh học hành và làm việc) mà anh Leon mang in trên giấy quý cho tôi, tôi trở lại văn phòng *Lutheran* chấp nhận sự bảo trợ của nhà thờ, nhưng chỉ nếu được cam kết là sẽ có việc làm thích hợp. Bà Diane đồng ý và hằng hái đưa ra ý kiến,

“Tôi có thể dàn xếp để các công ty cần người phỏng vấn anh qua điện thoại. Anh có phiền lòng nếu chúng ta để ngỏ cuộc phỏng vấn cho một số người khác quan sát không?”

“Không sao, tôi dạy học quen nói chuyện trước đám đông,” tôi nghĩ tới chuyện ngụ ngôn “Mèo lại hoàn mèo,” cùng lắm thì tôi *lại hoàn* anh chàng tỵ nạn lơ láo nằm lại trong trại mà thôi.

“Có chắc là anh không cần thông dịch?” bà chưa yên lòng.

“Bà đừng lo, tiếng Anh của tôi cứng lắm. Chỉ không bắt chước được giọng Oxford của bà thôi,” tôi đùa cho bà an tâm và kịp ngừng lại trước khi khoe thêm là ngày đi dạy học, tôi hay bị đùn cho nhiệm vụ đón tiếp và thuyết trình khi có phái đoàn ngoại quốc viếng thăm trường đại học.

Cơ hội xin việc này không dễ gì mà có, tôi không thể sơ suất để làm hư việc. Mỗi ngày Quỳnh Châu đóng vai người phỏng vấn, dùng chi tiết trong bản tóm lược để đặt câu hỏi, và luyện cho tôi trả lời đến khi không thể thuần thục hơn. Hai tuần sau, tôi được mời lên phỏng vấn qua điện thoại với bốn công ty điện và điện tử bản doanh đặt tại Bismarck. Biến cố đặc biệt được tổ chức trong phòng hội trung ương của Trại Pendleton dưới sự chứng kiến của vị tướng chỉ huy trại, báo chí, và đại diện các cơ quan thiện nguyện. Đây là một dịp trình diễn trước dư luận và chính phủ Hoa kỳ của các cơ quan thiện nguyện về thiện chí, khả năng, và thành quả của họ trong Chương trình Định cư Người Tỵ nạn Đông dương.

Tôi bình tĩnh và tự tin ngồi ở chiếc bàn giữa phòng với chiếc điện thoại, âm thanh được khuếch đại cho cả phòng nghe. Giám đốc kỹ thuật của bốn công ty lần lượt phỏng vấn tôi, mỗi công ty được phân phối thời hạn nửa tiếng đồng hồ. Thân thiện và dễ dãi, họ đã nghiên cứu trước kinh nghiệm nghề nghiệp và căn bản học vấn của tôi, chỉ hỏi cho rõ những chi tiết mà họ không quen thuộc, và khi có dịp, cho tôi biết các trang bị mới mẽ của công ty. Thí dụ, khi hỏi về bộ sách *Giải tích Mạch Điện* tôi biên soạn, công ty tiện ích cung cấp điện và hơi đốt “khoe” mới thiết trí vào máy điện toán chương trình dùng để giải những bài toán trong hệ thống điện lớn bằng phương pháp mới nhất. Khi tìm hiểu luận án tiến sĩ kỹ sư về *ăng-ten* truyền sóng của tôi, công ty truyền thanh và truyền hình hãnh diện cho biết công ty làm chủ trụ *ăng-ten* phát sóng lớn và tối tân nhất North Dakota. Điều quan trọng nhất họ thắc mắc là,

“Anh lấy đâu ra thì giờ để làm việc và học hành ngàn ấy thứ?”

“Mỗi ngày có hai mươi bốn tiếng đồng hồ; tôi suy nghĩ nhanh nên bao giờ cũng thừa thì giờ làm nhiều việc khác nữa,” tôi đã chuẩn bị câu trả lời.

Các vị giám đốc hứa tham khảo với ban Nhân viên về chức vụ và lương bổng và sẽ xác nhận đề nghị việc làm khi tôi về Bismarck, trực tiếp đến phỏng vấn, và xem nơi làm việc. Hai ngày sau, bà Diane đến tận lều tôi làm thủ tục xuất trại, phát 60 đô la (mỗi người 10 đô la) làm lộ phí, và giao vé máy bay. Sáng hôm sau chúng tôi rời Trại Pendleton.

* * *

Đến Bismarck, tôi chọn làm việc cho công ty tiện ích. Năm 1986, tôi được gửi đi họp ở Toronto bên Gia Nã Đại và tình cờ gặp lại người học trò cũ là Đàng đang làm kỹ sư cho Thủy điện Ontario. Đàng mời tôi về nhà ăn cơm tối, và hai thầy trò cùng nhau bồi hồi nhớ lại chuyện xưa. Năm 1975, gia đình Đàng di tản bằng tàu Hải quân, qua vịnh Subic ở Phi Luật Tân, và tới trại Orote Point trên đảo Guam. Ở Guam, Đàng nghe phong thanh tôi đi được, nhưng chưa kịp tìm gặp thì gia đình Đàng chuyển vào trại Đồn Chaffee ở Arkansas. Ở trại tỵ nạn này, nhờ giới Anh văn, Đàng xin làm thông dịch viên cho cơ quan thiện nguyện *Lutheran*,

“Lần đầu tiên em kiếm ra tiền, sướng không thể tả! Làm mỗi giờ lãnh một đô la hai mươi lăm xu (\$1.25) mà uống bia lấy từ vòi ra ở câu lạc bộ Mỹ chỉ trả mười xu một ly cối.”

“Vậy chú mày là ‘thủ phạm’ gây ra việc *Lutheran* gửi điện văn đi kiếm anh, và nhờ đó anh định cư ở North Dakota?” tôi đã đoán ra.

“Dạ đúng anh. Nhưng em đi Gia Nã Đại trước khi biết sự thể ra sao nên đến bây giờ nghe anh kể em mới hay hồi đó họ tìm thấy ông thầy em phục nhất,” Đàng cười nửa miệng thuật lại nguyên do.

Ngày ấy, đáp ứng lời kêu gọi của Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran, nhà thờ Ba ngôi Lutheran quyết định bảo trợ một gia đình tỵ nạn Việt nam, tiếp xúc với nha Chức nghiệp North Dakota hỏi nghề nào dễ kiếm việc nhất tại địa phương, và được cho biết kỹ sư điện là nghề ăn khách nhất. Nhà thờ viết văn thư xin bảo trợ gia đình một kỹ sư điện và theo cách làm việc của người Mỹ, gửi tới văn phòng *Lutheran* gần nhất là ở trại Đồn Chaffee. Được phân công phổ biến và theo dõi yêu cầu của nhà thờ và sau ba tuần lễ không thấy ai nhận đi North Dakota, Đàng ghi đại tên tôi vào dù không biết người thầy học cũ đang ở nơi nao.

Đàng xuống tầng hầm nhà lục thùng giấy tờ cũ, lấy lên một mảnh giấy cứng hình vuông cỡ bằng tấm bưu thiếp có chữ viết tay trên cả hai mặt, và trao cho tôi. Mười một năm trước, tấm phiếu nhỏ ghi chép sơ sài về *ca* nhà thờ Ba ngôi ấy đã khiến cho tôi di cư tới thành phố Bismarck nhỏ bé hiền hòa. Nơi đó, tôi nhận đất khách làm quê mình và sống quãng đời còn lại. Định mệnh thật có những sắp xếp bí ẩn không ngờ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Giêng, 2020

Học Một Sàng Khôn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ lúc di tản tới đảo Guam rồi sang trại Trại Pendleton, gia đình tôi đã ngủ lều vải nhà binh và ăn cơm nhà ăn tập thể đúng 100 ngày. Đêm nay là đêm cuối cùng chúng tôi ngủ trong căn lều số 67 và sáng mai bay lên Bismarck thuộc tiểu bang North Dakota. Hành trang đi định cư vốn vẹn có chiếc cặp da cũ của tôi, hai chiếc *xắc* tay Air Vietnam tả tơi, và ba chiếc túi vải Quỳnh Châu và Bình may tay bằng vải *ca-ki* tháo ra từ quần đàn ông quá khổ trong mớ áo quần cũ các nhóm từ thiện bên ngoài mang vào phát cho. Túi vải đựng áo quần của thằng Sang và Lâm và Trọng, toàn đồ từ thiện, và gồm tất cả mọi thứ thuộc về ba đứa em tôi.

Tôi thức khuya như thường lệ và khoảng nửa đêm vạch tấm bạt cửa lều bước ra ngoài. Mặt trăng gần tròn chênh chếch trên bầu trời không gợn một áng mây. Tôi đứng suy nghĩ mông lung, không hay Quỳnh Châu đứng bên cạnh từ lúc nào; giọng nàng nhẹ như gió thoảng,

“Chồng xấu thì thôi, ra đứng ngắm trăng một mình mà không kêu cô vợ dễ thương theo cho có bạn.”

“Trẫm’ thấy ‘hoàng hậu nương nương’ nhắm mắt nằm yên và thở đều nên tưởng ‘nương tử’ ngủ say nên *chuồn* ra đây than thở với gió trăng và *liều một đám*,” tôi nói đùa; “liều một đám” nói lái thành “làm một điếu,” tức là hút thuốc lá.

“Em giả bộ ngủ để anh đi ngủ sớm lấy sức ngày mai đi đường mà anh không để ý, tưởng em ngủ thực đó thôi. Từ khi chia tay với anh Ngân chiều hôm qua, anh trở nên tư lự và không còn háo hức về vụ đi North Dakota; có chuyện gì chồng chưa nói cho em biết?” giọng nàng buồn buồn.

Ngân là bạn thân của tôi ở Sài Gòn, học Đại học Khoa học, đồ Cử nhân Hóa học, và mở trường dạy luyện thi tú tài và thi tuyển vào các trường đại học chuyên khoa. Không như tôi lúc nào cũng hối hả như con lật đật, Ngân dễ tính xuề xòa, ăn nói đi đứng chậm rãi và từ tốn, và ít khi quan tâm tới giờ giấc hay cố gắng đúng giờ. Nhưng nhờ vậy, cộng thêm tính quý bạn hết mình của Ngân, trong mấy năm gần đây hai thằng gần gũi và thân thiết với nhau. Tôi hay than phiền về tính *lè phè* của bạn và đáp lại, Ngân cười hề hề không cãi.

Hai năm trước, tôi làm phù rể cho Ngân, vợ Ngân làm việc cho văn phòng Tùy viên Quân sự tòa Đại sứ Hoa Kỳ (hay DAO) trong căn cứ Tân Sơn Nhất. Cuối tháng Tư năm nay (1975), gia đình Ngân di tản bằng máy bay sang đảo Guam và đến trại Trại Pendleton từ đầu tháng Năm, sớm hơn tôi cả năm, sáu tuần. Hai thằng gặp nhau chưa có dịp kể nhau nghe những gian nan trải qua gần đây thì gia đình Ngân được nhà thờ Công giáo bảo trợ ra sống ở thành phố Tustin ở nam California.

Được tin tôi sắp đi North Dakota, Ngân nhờ người bảo trợ chở vào trại chào từ giã. Hiện tại gia đình Ngân “*ăn welfare*” (nhận trợ cấp của chính phủ), và Ngân được nhận vào chương trình huấn nghệ CETA (người Việt đọc là “*xê-ta*”). CETA là Đạo luật Tổng hợp về Nhân dụng và Huấn nghệ năm 1973. Chương trình đó cung cấp việc làm từ 12 đến 24 tháng cho những người lợi

tức kém hay bị thất nghiệp đã lâu. Ở California, Ngân có thể đi học toàn thời gian và trong khi đi học được trả lương giờ tối thiểu quy định bởi luật liên bang không khác gì đi làm việc. Ngân ghi tên học ở Đại học Tiểu bang California - Long Beach và hai tuần nữa nhập học khóa mùa thu.

Tôi thổ lộ điều nghĩ ngợi ray rứt trong lòng,

“Anh sẽ có việc làm tốt ở North Dakota, nhưng lòng không vui vì phải bỏ nghề dạy học anh hằng yêu thích. Nếu được nhận vào chương trình CETA như Ngân, trong vòng 24 tháng anh dư sức trở lại trường lấy bằng tiến sĩ và kiếm một chân giáo sư dạy ở một đại học nào đó. Suy đi tính lại, anh không chắc quyết định đi North Dakota của mình có chín chắn hay không.”

“Cái bản khoán của chồng là cảm giác khó chịu gọi là ‘nhận thức bất hòa,’ tiếng Anh là ‘cognitive dissonance.’ Cảm giác đó xảy ra khi mình bị xung đột bởi hai hay nhiều điều tin tưởng trái ngược nhau. Chẳng hạn như sau khi khổ công chọn mua một đôi giày vừa ý và bị bạn chê đôi giày mắt tiền, cỡ quá lớn, hay phẩm chất xấu, anh bị dằn vò giữa ý thích và quyết định của mình và lời bình phẩm của bạn rồi đâm ra áy náy không biết phải làm sao. (Cảm giác hối tiếc trong trường hợp này gọi là ‘người mua hối hận.’) Nhưng tìm cách xóa bỏ hoặc giảm bớt sự ‘bất hòa’ để tránh né tình trạng mâu thuẫn sẽ đưa lại kết quả *dở dơi dở chuột* không toại ý. Thí dụ, một chàng trai kén chọn ý trung nhân, nghe người này nói một câu người kia nói một câu, và cuối cùng lựa được một cô nhưng không phải là mẫu người yêu mơ ước. Đôi giày anh mua, đúng ý hay không thì tự anh biết. Hãy mang đôi giày đã chọn để đi trên con đường mình vạch ra, đừng theo con đường của người khác mà bỏ lỡ cơ hội thay đổi cuộc đời chồng ơi.”

Tôi ân hận nắm tay Quỳnh Châu,

“Vợ anh nói chí lý, anh không *đứng núi này trông núi nọ* nữa. Nhưng hình như em có điều *chi* quan trọng định nói với anh?”

“Dạ, hôm qua em lên bệnh viện Hải quân khám bác sĩ. Ông bác sĩ sản/phụ khoa thử nghiệm và xác nhận gia đình mình sẽ có thêm một miệng ăn vào giữa tháng Ba năm tới,” nàng bẽn lẽn.

“Vậy là em đã . . .?” tôi sung sướng quay người ôm Quỳnh Châu.

“Dạ, em tính báo cho anh biết liền, nhưng thấy anh buồn bực nên em chần chừ,” nàng rơm rớm nước mắt.

Tôi hôn lên má Quỳnh Châu và nói khẽ vào tai nàng,

“Anh xin lỗi em, ‘má thằng Thìn’ của anh.”

“Năm tới là năm Bính Thìn tuổi con Rồng thì em hiểu rồi, nhưng sao anh nói là ‘thằng’?”

“Người Việt mình nói con trai thương mẹ nhiều hơn cha, và con gái thương cha nhiều hơn mẹ. Anh mong con đầu lòng là con trai để ghi nhớ công lao và sự hy sinh của vợ yêu trong những ngày khó khăn nhất của hai đứa mình.”

“Dạ nếu vậy thì em sẽ mong ngược lại: Con mình là con gái và từ giờ đến đó, anh là ‘ba bé Long’ của em,” nàng nũng nịu; “Long” là con rồng.

“Điều cần nhất là ‘bà bầu’ phải đi ngủ dưỡng sức,” tôi dặt tay nàng đi vào lều, vừa đi vừa hát nhại câu ca dao với tuổi Tý của tôi ghép vào,

‘Bầu’ ơi thương lấy ‘Tý’ cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một lều.

* * *

Chúng tôi dậy sớm đón xe tới trạm xe buýt đưa người xuất trại ra phi trường Quốc tế Los Angeles. Khoảng sáu giờ rưỡi sáng xe buýt rời khỏi trại, tôi quay đầu nhìn chiếc cổng gác mà lòng bồi hồi. Từ già căn lều trên đồi tôi lấy làm lạ hơn hai tháng qua, từ già nhà bàn với những bữa cơm không ngon nhưng đầy đủ dinh dưỡng, và từ già những người lính Thủy quân Lục chiến trẻ tuổi kiên nhẫn, lễ phép với người lớn, và thân thiện với trẻ em.

Tôi miên man suy nghĩ, xe đến gần Los Angeles lúc nào không hay, và giật mình thức tỉnh giữa tiếng vỗ tay reo vui của các bạn đồng hành. Bên ngoài là một cảnh tượng tôi chưa từng thấy: xa lộ rộng thênh thang mỗi chiều có sáu hay bảy *lane* (đường vạch rõ cho xe hơi chạy) và xe hơi đủ loại nườm nượp nối đuôi nhau trong giờ đi làm. Xe cộ đông đảo và di chuyển chậm rì, nhưng không xe nào lườn lách bon chen từ *lane* này sang *lane* khác và không có tiếng bóp còi inh ỏi như cảnh kẹt Sài Gòn. Thỉnh thoảng có xe cần đổi *lane*, chớp đèn ra hiệu, và được các xe khác lịch sự nhường đường cho qua. Hình ảnh một nước Mỹ giàu có và dân chúng kính nhường nhau khiến tôi cảm kích và bóp nhẹ tay Quỳnh Châu,

“Sinh ra ở xứ này ‘thằng Thìn’ nhà mình thật may mắn!”

Xuống xe trước phi trạm, chúng tôi được hướng dẫn đến quầy vé hãng Hàng không Northwest để *check in* (ghi tên để lấy thẻ lên tàu) cho chặng bay đầu tiên tới Denver thuộc tiểu bang Colorado. Tôi lấy tập vé máy bay ra trình, nhân viên quầy vé nhìn tôi hỏi trống lỗng, “*Smoking or non?*” Tôi bối rối, “hút thuốc hay không” nghĩa là sao? Tôi yêu cầu lập lại câu hỏi; vẫn là “*Smoking or non?*” Hay anh ta bảo tôi không được hút thuốc? Vô lý, tôi không hề thấy bảng cấm, và nhiều người chung quanh đang hút tình bơ mà có ai nói gì đâu. Tuy vậy, tôi dụi điếu thuốc lá mới hút một phần ba vào chiếc gạt tàn trên quầy vé. Anh ta trả lại tập vé cùng với xấp thẻ lên tàu,

“Cám ơn ông, chúc ông thượng lộ bình an.”

Hơn một tiếng đồng hồ sau tôi mới hiểu ra. Khác với máy bay Air Vietnam bên nhà, ở đây chỗ ngồi hành khách chia thành khu hút thuốc và khu không hút thuốc. Anh quầy vé hỏi tôi muốn ngồi ở khu nào và khi thấy tôi hút thuốc, tự ý chỉ định chúng tôi ngồi ở khu hút thuốc làm “má thằng Thìn” phải chịu thở khói thuốc suốt chuyến bay. Khi phi cơ lên tới cao độ bình phi, tôi thưởng cho mình một điếu thuốc lá khác và gọi hai lon bia Budweiser, một cho mình và một cho thằng Sang; Quỳnh Châu và các em khác được uống nước ngọt miễn phí. Mỗi lon bia giá một đô la, bằng một phần mười tài sản cá nhân của tôi. Hôm qua, Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran phát cho mỗi người 10 đô la làm lộ phí, và giờ đây phần tôi và thằng Sang còn lại chín đô la.

Xuống phi trường Denver, chúng tôi được một thanh niên thiện nguyện của hội Hồng thập tự đón và đưa sang quầy vé hãng Hàng không Frontier để bay chặng cuối về Bismarck. Ở đó, họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran chờ đón chúng tôi, phi trạm nhỏ không đủ chỗ, và nhiều người phải đứng dôi ra ngoài trời. Tôi và Quỳnh Châu đi về nhà trên xe vị đại diện chính của nhà thờ là ông Ryland Gardner tôi tiếp xúc bằng thư và điện thoại trong mấy tuần qua, và các em đi

chung với nhóm thanh niên trẻ. Ông cho biết suốt tuần qua hơn một chục người họ đạo làm việc thâu đêm để sửa soạn nhà cửa cho chúng tôi.

Đèn đuốc sáng trưng trong ngôi nhà kiến trúc theo lối cổ với hàng hiên xây cất tỉ mỉ, chiếc bánh “Welcome to Your New Home” (Chào mừng bạn về nhà mới) cùng các thức uống nằm trên chiếc bàn lớn giữa phòng ăn, và tiệc tiếp tân dành cho những kẻ di dân mới đã sẵn sàng. Ông Gardner đưa tôi đi một vòng xem nhà: Tầng hầm sẽ dành cho cha mẹ ở; tầng này có phòng ngủ, phòng tắm, và lối đi riêng ra bên ngoài. Tầng trệt có ba phòng ngủ và phòng khách, phòng ăn, phòng tắm, và nhà bếp. Phòng ngủ chính lớn nhất có hai giường dành cho ba đứa em trai, phòng nhỏ hơn của vợ chồng tôi, và phòng nhỏ nhất thuộc về em Bình. Các phòng đều trang bị đầy đủ bàn ghế tủ giường, chiếc tủ lạnh lớn trong nhà bếp chất đầy thức ăn tươi, và những ngăn tủ trong nhà bếp đầy thức ăn khô. Trong phòng tắm, tôi thấy tận mắt lần đầu tiên chiếc bồn tắm bằng sứ tráng men màu trắng như trong phim xi-nê.

Trong phần phát biểu, tôi xúc động cảm ơn các người họ đạo đã chân thành chào đón chúng tôi và với ý định trả lễ theo tục lệ Việt nam, hứa sẽ đến nhà thăm viếng từng người trong một ngày gần đây. (Lời hứa ấy mãi mãi là lời hứa suông. Trong đời sống chạy đua với đồng hồ ở Mỹ, để đâu gì mà viếng thăm riêng rẽ nhiều người như thế?) Sau buổi tiếp tân, khách thu dọn sạch sẽ trước khi hối hả ra về. Ông Gardner về sau cùng và hẹn mười giờ sáng hôm sau đưa đi tôi đi ký hợp đồng thuê nhà và làm các thủ tục giấy tờ khác. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay: mới chín giờ rưỡi, chắc dân tỉnh nhỏ quen đi ngủ sớm để sáng mai đi làm.

Sáng hôm sau dậy sớm, tôi nấn ná pha cà-phê uống và mở *ti-vi* xem đợi đến giờ hẹn. Tám giờ thiếu mười lăm, ông Gardner bấm chuông; tôi mời ông vào và hỏi ông dùng cà-phê sáng chưa. Ông cảm ơn và nói,

“Chắc mình không đủ thì giờ; anh sẵn sàng chưa?”

“Dạ cháu xong cả rồi. Nhưng bác nói mười giờ, còn sớm mà,” tôi ngạc nhiên.

“Bây giờ là chín giờ bốn mươi lăm,” ông giơ tay đưa đồng hồ ra.

Thì ra Bismarck đi trước California hai tiếng đồng hồ mà tôi không hay. Tôi hơi *quê* với ông Gardner, và cái “*sàng khôn*” học được sau khi *đi một ngày đàng* có thêm một điều. Bước đầu bỡ ngỡ mà được như vậy cũng không đến nỗi tệ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 5 tháng Hai, 202

Tiếng Gọi từ Cõi Âm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi thực sự sống ở Hoa kỳ. Như đã hẹn, ông Gardner đưa tôi đến công ty bất động sản ông làm chủ để ký hợp đồng thuê nhà. Khi cô thư ký mang bản hợp đồng tới, tôi lấy bút định ký tên thì ông đưa tay ngăn lại,

“Ở nước này, anh cần nhớ là không bao giờ ký tên vào một văn kiện mà không đọc kỹ và hiểu rõ.”

“Trong đời cháu chưa ký hợp đồng bao giờ. Bác là người của nhà thờ bảo trợ nên cháu nghĩ không cần đọc,” tôi bối rối.

“Anh hãy tập thói quen đó, mình không đi đâu mà vội,” ông khăng khăng bảo tôi.

Tôi cầm bản hợp đồng, đọc kỹ từ đầu đến cuối, và hỏi lại những điều chưa hiểu rõ. Thấy tôi đọc xong và hơi nhúu mày, ông Gardner giải thích,

“Nhà anh ở do nhà thờ Ba ngôi Lutheran làm chủ, chúng tôi tính tiền thuê 150 đô la là giá thấp nhất, chỉ vừa đủ để trang trải thuế thổ trạch, bảo hiểm, và chi phí bảo trì hàng tháng. Nhà thờ sẽ không lấy tiền nhà trong ba tháng, hay đến khi anh có đủ lợi tức sống tự lập.”

Sau đó, ông Gardner lái xe đưa tôi ra First National Bank giới thiệu với một ông phó tổng giám đốc ngân hàng. Cũng là người trong họ đạo, ông này niềm nở tiếp chuyện và khi chia tay trao cho tôi tấm danh thiếp, “Nếu cần gì, anh cứ gọi điện thoại hay đến gặp tôi.” Trên đường về, tôi nói với ông Gardner,

“Ở Việt nam không mấy ai dùng nhà băng vì phần lớn dân chúng dùng tiền mặt để mua bán và nếu dư dả muốn để dành lâu dài thì mua vàng cất giữ. Thịnh thoảng cháu cũng ra nhà băng lãnh chi phiếu, nhưng chỉ mở trương mục tiết kiệm để gửi tiền vì lãi suất đến 36 phần trăm một năm.”

“Ở Hoa kỳ, khó có ai không cần tới trương mục ngân hàng. Người ta dùng chi phiếu trong mọi giao dịch, trả tiền hóa đơn hàng tháng, và gửi chi phiếu trong thư mà không bao giờ sợ mất.”

“Ngày rời Sài gòn, cháu mang theo cái cặp đầy tiền Việt nam, nhưng số tiền khá lớn đó đã trở thành mớ giấy lộn vô giá trị. Tài sản tại cháu bây giờ vốn vẹn có mười đô la một người lãnh của cơ quan thiện nguyện để chi tiêu dọc đường nên chắc còn lâu mới cần gửi tiền nhà băng,” tôi nghe ông im lặng khá lâu.

Trưa hôm đó, tôi được ăn bữa cơm Việt nam đầu tiên sau gần bốn tháng trời. Cơm trắng, cá kho, và canh rau cải nấu tôm. Tôi xuýt xoa khen,

“Nếu biết được vợ anh và cô em gái có tài nấu nướng trứ danh như thế này thì anh không lên Bismarck làm *chi*. Cứ liệu mạng *ra* California, mở nhà hàng Việt nam, và làm bồi bàn cho hai cô là . . . sướng đời tỵ nạn rồi.”

“Chồng đừng cho hai chị em đi máy bay giấy, rớt xuống đất đau lắm đó,” Quỳnh Châu vờ không bằng lòng.

“Nước đường của anh Ba Hoa coi vậy mà khó nuốt trôi lắm. Anh khen để chị em mình lúc nào cũng phải nấu ăn ngon, mặc dù thịt cá toàn đồ đông lạnh, gia vị thiếu tùm lum, và nước mắm không có phải thay bằng xì dầu,” Bình chu mỏ bồi thêm.

“Chồng khen hay chê thì cứ nói *líp ba-ga*, nhưng tối phải ăn lại đồ cũ vì chiều nay em và cô Bình đi cắt tóc. Lâu nay tóc dài *thoòng* mà chưa được nếm mùi kéo của chú Thoòng,” Quỳnh Châu cười nửa miệng.

“*Líp ba-ga*” (do tiếng Pháp “*libre bagage*”) là tiếng lóng có nghĩa là tha hồ làm việc gì cho đã đời, và tiệm uốn tóc “chú Thoòng” trên đường Phan đình Phùng gần chợ Vườn Chuối Sài Gòn dùng thợ người Hoa cắt uốn khéo tay được phụ nữ ưa chuộng. Tôi chưa kịp bàn ra thì Quỳnh Châu vuốt vai tôi,

“Bà Lorene vợ Mục sư Nielsen hẹn chiều nay đưa tụi em xuống phố . . . xem dân cho biết sự tình và cắt tóc tặng không ở tiệm của một bà bên nhà thờ.”

Ông John Nielsen là mục sư trưởng của nhà thờ Ba ngôi, trạc năm mươi tuổi, dáng người cao lớn, ăn nói lớn tiếng, và giọng nói rõ ràng và thành thực. Bà Lorene có lẽ nhỏ tuổi hơn chồng, người thanh nhã và dịu dàng, và mặt đẹp như thiên thần. Chúng tôi vừa ăn cơm xong thì ông bà bấm chuông ngoài cửa. Trong lúc bà nói chuyện với Quỳnh Châu và Bình, ông hỏi tôi,

“Ngày mai thứ Bảy, anh và bọn con trai có bận việc gì không?”

“Dạ không, ông Gardner chưa dự định việc gì cho tụi cháu cả,” tôi lắc đầu.

“Chúng tôi có việc muốn nhờ anh làm. Nhà tôi ở nằm cùng một khu phố với nhà anh và cũng là nhà của nhà thờ Ba ngôi. Hàng rào bằng gỗ chung quanh vườn sau cần một lớp sơn mới, anh giúp được không?”

“Dĩ nhiên là tụi cháu sẵn lòng. Sáng mai sẽ sang làm ngay,” tôi sốt sắng nhận lời.

“Vậy chiều nay tôi đi mua sơn cọ và các thứ cần thiết và để sẵn cho anh làm việc. Anh nhớ ghi lại anh và các em làm tổng cộng bao nhiêu tiếng đồng hồ để nhà thờ trả tiền.”

Thì ra ông mục sư được ông Gardner cho biết tôi là kẻ trắng tay nên bày ra việc cho tôi làm lấy tiền. Để tỏ lòng biết ơn và trả lễ và đồng thời khoe tài nấu nướng của phụ nữ nhà mình, tôi mời ông bà chiều mai sang dùng cơm tối với chúng tôi. Ông mừng rỡ nhận lời, nhưng lại đề nghị,

“Bên nhà tôi có mấy đứa con ở xa về. Hay là như thế này, Lorene sẽ đưa hai cô gái đi chợ, mua vật liệu cần thiết, và sang nhà tôi nấu nướng. Hai gia đình mình ăn cơm tối với nhau, một viên đá ném trúng cả hai con chim.”

Món cơm chiên Dương Châu của Quỳnh Châu và Bình ngon như của nhà hàng Đồng Khánh Chợ Lớn; ông bà mục sư và bốn người con tấm tắc khen ngợi và ăn đến sạch nồi. Ông bà người gốc Na Uy, một trong bốn nhóm chủng tộc chính ở North Dakota; ba nhóm kia là Đức, Nga, và Ái Nhĩ Lan. Nhắm nháp ly rượu vang, ông vui miệng kể chuyện khôi hài,

Hai bọm rượu gặp nhau trong ba (bar) bán rượu. Anh thứ nhất tự giới thiệu mình là Oly (tức là Oliver) dân Na Uy. Anh kia cười hình hích,

“Vậy là hôm nay tao gặp may.”

“Vậy sao?” Oly hỏi.

“Với tụi Đức, Nga, và Ái Nhĩ Lan, khi kể chuyện khôi hài tao phải nói đến bốn hay năm lần bọm nó mới hiểu ra mà cười.”

“*Dân Na Uy tụi tao thì sao?*” Oly gặng hỏi.

“*Chỉ cần kể hai lần, cùng lắm là ba. Thật tuyệt, mà thấy không?*”

Từ ngày rời Sài Gòn, hôm nay là buổi tối vui vẻ và thoải mái nhất của tôi. Gia đình Nielsen thật dễ thương; nói chuyện với họ, tôi hầu như quên mình là kẻ di dân nghèo khó. Trong những năm kế tiếp, ông bà mục sư và ông Gardner giữ vai trò quan trọng trong đời sống của gia đình tôi. Khi chúng tôi không còn cần giúp đỡ về vật chất, vòng tay thương yêu của ba người vẫn mở rộng, và họ là nơi nương tựa tinh thần của tất cả chúng tôi, từ cha lớn nhất đến em Trọng nhỏ nhất.

* * *

Tôi làm việc cho công ty tiện ích gần 37 năm, năm 2012 quyết định về hưu, và chọn 30 tháng Tư là ngày làm việc cuối cùng. Trước đó, tôi và Quỳnh Châu mua *condo* (hay “condominium” là căn nhà phải trả tiền trông nom và bảo trì chung) ở Austin thủ phủ tiểu bang Texas; *condo* gần cả nhà mẹ, nhà thằng Sang, và nhà Bình. Một buổi sáng giữa tháng Năm, vợ chồng tôi lên đường về Austin. Chiếc *minivan* chở vật dụng cho căn *condo* mới chạy êm trên xa lộ vắng xe.

Chúng tôi ghé ăn trưa ở Fargo, thành phố lớn nhất North Dakota cách Bismarck chừng 200 dặm Anh về phía đông, rồi rẽ sang xa lộ liên tiểu bang I-29 đi về hướng nam. Từ khi vào địa phận tiểu bang South Dakota, tôi thấy đôi mắt càng lúc càng mỏi, và cơn buồn ngủ kéo ập tới. Tôi ngừng xe ở khu nghỉ dọc đường, nhường tay lái cho Quỳnh Châu, và sang ghế hành khách ngồi ngủ. Nàng còn mệt mỏi vì *jet lag* (chênh lệch giờ sau khi đáp máy bay phản lực đi xa) sau chuyến đi về Việt nam gần đây.

Trong giấc ngủ mê mệt, tôi nghe tiếng gọi mơ hồ, “Dậy đi, dậy đi, đừng ngủ nữa.” Đầu óc mơ màng nhưng tôi rần mở mắt và thấy Quỳnh Châu chạy 85 dặm một giờ (trên xa lộ có giới hạn 75 dặm một giờ) và đôi mắt nàng lơ đãng buồn ngủ. Tôi lo âu thành tiếng, “Em chạy nhanh quá, chậm lại đi em,” rồi tiếp tục thiếp đi.

Một lát sau, tiếng gọi kia lại giục giã, “Dậy ngay đi, dậy ngay đi. Mục sư Nielsen cùng tuổi Tý với *mi*; ông đi rồi, nhớ không?” Ông bà mục sư về hưu mười mấy năm trước và thăm thiết lia đời trong một chuyến du lịch sang tiểu bang Montana kế cận cách đây hơn năm năm, xe ông bà bị xe vận tải hạng nặng đụng bẹp dúm trong lúc bà cầm lái. Tôi đã cùng khóc với mấy người con của ông bà khi đến thăm di hài ở nhà quàn và dự đám tang ở nhà thờ Ba ngôi. Bản tiểu sử (người chết) cho thấy ông sinh năm 1924, tuổi Giáp Tý. Hình ảnh ông bà nằm trong quan tài chớp nhoáng liên tục trong đầu tôi như một cuộn phim quay nhanh.

Tôi giật mình tỉnh dậy thì thấy Quỳnh Châu đang vật lộn với tay lái, xe sàng qua sàng lại chạy xéo qua khoảng đất trống giữa hai chiều xa lộ và vọt sang đường phía bên kia. Hoảng hốt la lên, “Cái gì vậy, cái gì vậy?” tôi dùng cả hai tay giúp nàng giữ vững tay lái trong khi hai chiếc vận tải hạng nặng chạy trời tới. Nàng quỳnh quáng nhấn *ga* mạnh hơn, chiếc *minivan* rú lên băng ra khỏi mặt đường, tránh hai chiếc xe vận tải trong đường tơ kẽ tóc, và lao tới cột trụ bê-tông của cây cầu trên xa lộ.

Một tiếng “ầm” chát tai vang dậy; chiếc *minivan* húc vào đầu cầu và quay ngược một vòng. Không biết túi không khí đã bung ra, tôi sợ xe nổ và phát cháy, liền vội vàng ngã ngửa người và chống tay luồn ra ngoài theo lỗ hổng dưới chân. Một phút trước, lỗ hổng đó là bộ máy xe. Chiếc kính đeo mắt gãy lìa và rớt trong xe, tôi đờ đẫn nhìn mà không thấy rõ cảnh vật chung quanh.

Hai người tài xế xe vận tải tiến lại gần; một người giữ tôi nằm yên tại chỗ, và người kia dùng điện thoại di động gọi cứu cấp. Không tới mười phút sau, các xe cảnh sát, cứu hỏa, cần trục, và cứu thương chớp đèn và hụ còi lục tục chạy tới. Xe cứu thương chở tôi tới phòng cấp cứu gần nhất là của bệnh viện Watertown, một thành phố nhỏ nằm ven xa lộ I-29. Vị bác sĩ trực đứng tuổi cẩn thận khám khắp người tôi,

“Ngoài chỗ xương vỡ trên bàn chân phải, tôi không thấy thương tích nào khác. Chiếc xe nát bậy mà ông bà sống sót thì thật may mắn.”

“Sao bác sĩ biết?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Tôi nhìn thấy hình chiếc xe. Nhân viên cứu thương chụp hình cảnh tai nạn để chúng tôi biết mà chữa trị,” ông cười nhẹ.



Sau khi được bác sĩ khám ở phòng bên, Quỳnh Châu vén màn bước vào nắm tay tôi với đôi mắt ngấn lệ, “Em không sao cả, lạy Trời cho chồng được bình yên”; miếng băng vết thương nằm giữa trán nàng. Tôi yêu cầu chuyển về bệnh viện lớn ở Fargo; ở đó, bác sĩ chỉnh hình giải phẫu bàn chân phải của tôi và bó bột từ đầu gối trở xuống. Quỳnh Châu không rời tôi nửa bước, nàng ở bên cạnh ngay cả khi tôi bị đánh thuốc mê nằm trên bàn mổ.

Tôi trở lại nhà Bismarck; tháng Năm ngày dài, nhưng trời tối mịt khi tôi lúng ta lúng túng chống đôi nạng mới khập khiễng bước vào nhà. Rời khỏi nhà mới ba ngày mà tôi tưởng chừng như đã lâu lắm.

Vài ngày sau tôi đến văn phòng bác sĩ đo mắt để khám mắt và làm kính mới. Như thường lệ, ông lấy chiếc kính tôi đang dùng tạm mang đi thử độ ở phòng ngoài; tôi cản lại,

“Đó là kính cũ từ ba năm trước. Bác sĩ đo làm gì cho mắt công?”

“Tôi đo thử coi, không hại gì,” ông nói từ tốn và sau đó trở lại với nụ cười chúm chím, “Anh tin được không, đây là kính mới nhất của anh!”

Tôi chết sững không nói nên lời. Khám phá của ông bác sĩ có nghĩa là cơn buồn ngủ trên đường đi và do đó tai nạn kinh hồn xảy đến là do tôi mang kính cũ không đúng độ. Trước ngày lên

đường, tôi lấy hộp đựng kính cũ ra, ghi chữ rõ ràng ngoài hộp, và bỏ vào va-li mang theo phòng hờ. Làm sao kính cũ và kính mới đổi chỗ với nhau, tôi không sao nghĩ ra.

Tôi lại càng không nghĩ ra vị linh thiêng nào trong cõi âm đã nhắc đến ông bà Nielsen để đánh thức tôi dậy và phò hộ cho vợ chồng tôi qua khỏi tai nạn ngặt nghèo. Chỉ biết Trời Phật gia ơn cho chúng tôi sống lâu hơn để gặp lại ba đứa con yêu quý.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng Hai, 2020

Món Quà Ngày Chủ Nhật

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong những năm gần đây ở Sài Gòn các vị lãnh đạo tôn giáo đua nhau xuống đường biểu tình loạn xạ ngẫu khiến tôi đâm ra ngao ngán coi nhẹ tôn giáo và xem thường đức tin của mình. Tôi là Phật tử nhưng chỉ đi chùa khi phải đưa mẹ đi, giỏi lắm là một năm ba lần: Tết nguyên đán, lễ Phật đản, và lễ Vu lan. Tôi cũng đi nhà thờ Công giáo một năm đôi ba lần khi có bạn rủ đi. Giáng sinh đi lễ nửa đêm là dịp đáng nhớ nhất: Hai phe đồng ý hưu chiến, lệnh giới nghiêm tạm đình chỉ, và mọi người đổ xô ra đường hưởng đêm “Sài Gòn không giới nghiêm” ngắn ngủi. Những lần đó, các bạn gọi nhạo tôi là dân “đạo dòng” – đi lòng dzòng mua vui.

Tôi chưa bao giờ đi nhà thờ Tin lành và hầu như không biết gì về đạo này. Ngoại trừ các bạn người Mỹ, tin đồ Tin lành duy nhất tôi quen là Thanh Phú, người yêu cũ của thằng Tú bạn tôi. Nàng dịu dàng và hiền lành, không bao giờ than vãn điều gì hay trách cứ ai, và đặt đức tin tuyệt đối vào đấng tối cao,

“Chúa an bài mọi việc, mỗi việc Người sắp đặt đều có mục đích riêng, và làm con của Người trên thế gian phải tin tưởng vào sự sáng suốt của Người.”

Tôi nhớ ngày tôi lên tám, học lớp nhì (lớp 4) trường Vinh Sanh thuộc nhà thờ Chánh tòa Qui Nhơn, và trên đường đi học về, đi ngang qua một bãi đất trống và tò mò dừng lại xem cặp vợ chồng mục sư Tin lành người Mỹ giảng đạo với đám đông gồm trẻ em và người nghèo khổ rách rưới. Sau khi phân phát các gói bột bắp lớn và một đồng áo quần cũ màu sắc lòe loẹt rộng thùng thình, ông mục sư nhắm tít mắt, đưa hai tay thành chữ V lên trời, và cất cao giọng nói tiếng Việt lơ lớ,

“Các con hãy đến đây, hãy cùng ta ca ngợi Đức Chúa Trời. Hãy tin vào Chúa, hãy làm con của Ngài. Để được Ngài cứu rỗi, và linh hồn được giải thoát. Đến đây, đến đây!”

Những kẻ khốn khó co ro đứng sắp hàng “tin vào Chúa” để lãnh 20 đồng, món tiền vừa đủ mua năm cuốn vở học trò 100 trang. Bao bột bắp tôi lãnh về nhà lần đầu bị mẹ bắt đi đổ vì “để chậ nhà” và không biết dùng làm gì. Áo quần cũ người lớn lãnh về có lẽ cũng chịu chung số phận. Những tuần lễ kế tiếp, ông mục sư tiếp tục rao mời như trước, và hàng người xin “được cứu rỗi” vẫn là những người đã lãnh tiền tuần trước, và tuần trước nữa. Hình như đối với ông bà mục sư, khuôn mặt *An nam* nghèo đói xác xơ nào cũng giống nhau. Tôi kể lại với mẹ giữa lúc mẹ đang nói chuyện với mấy bà bạn hàng xóm. Một bà nhỏ phệt bãi nước trà, lấy ngón tay vét môi, và cười khi khi,

“Mấy chị ơi, đạo giáo *chi* mà cho phép cha cố lấy vợ đẻ con? Đêm lục đục với vợ mệt phờ râu và ngày lo cơm nước gạo tiền cho vợ con thì còn đâu tinh thần mà dẫn dắt con chiên?”

“Chị nói *y hích ý tui*! Muốn có vợ thì dù là cha cố cũng phải ve vãn kén chọn cô này cô nọ, tránh sao khỏi ba cái *dzụ* mèo chuột ghen tương. Tưởng tượng ông cha đứng giảng kinh trong khi mấy cô chửi bới giành ‘cha’ ằm ỹ bên dưới, *tui* tức cười bể bụng,” một bà khác bập bập điếu thuốc Cẩm lệ bàn góp.

Chuyện ấy, tôi nhớ mãi. Nhưng trời không chiều lòng người, *ghét của nào trời trao của ấy*. Mặc dù tôi nhất định không dính dáng tới các cơ quan thiện nguyện đại diện tôn giáo, cơ duyên dun rủi khiến tôi được Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran của đạo Tin lành tìm kiếm để bảo trợ. Lúc ở bên nhà, tôi nghe nói mục sư Tin lành “Baptist” truyền giáo cho người Thượng trên vùng cao nguyên, nhưng chưa hề nghe tên “Lutheran.” Trong trại Trại Pendleton, tôi học được Lutheran là giáo phái Tin lành lớn gắn bó chặt chẽ với giáo huấn của nhà thần học người Đức Martin Luther (1483 – 1546). Ông là người đầu tiên hô hào phong trào cải cách đạo Thiên chúa, bác bỏ uy quyền của Giáo hội Công giáo La Mã và giáo hoàng, và khởi nguyên đạo Tin lành.

Lutheran và Baptist, cùng với sáu giáo phái khác như Adventist, Anglican, và Methodist là tám giáo phái Tin lành chính ở Hoa kỳ. Ngoài ra, còn có trên một chục giáo phái Tin lành nhỏ hơn như Quaker và Irvingian, và vô số tông phái. Các tông phái rất đa dạng, thường bắt buộc hay khuyến khích giáo đồ theo một nếp sống khác biệt nào đó, và hành đạo dưới nhiều danh xưng khác nhau như “nhà thờ,” “quy ước,” “hội đồng,” “nhà,” “liên minh,” và “hội tín hữu.” Những giáo phái và tông phái Tin lành hoạt động riêng rẽ, độc lập với nhau, và có quy luật, tín điều, và cách thờ phượng riêng, tuy tất cả đều tin Chúa Giê-su là đấng cứu thế.

Hôm nay là Chủ Nhật, ngày thứ ba tôi ở Bismarck. Buổi sáng, ông Gardner đến đón gia đình tôi đi nhà thờ và cho biết tôi sẽ có một tiết mục trong buổi lễ. Nhà thờ Ba ngôi Lutheran nằm cùng một khu phố với nhà tôi ở, qua khỏi sân sau là tới bãi đậu xe của nhà thờ. Gia đình tôi ngồi ở hàng ghế dài đầu tiên trong nhà thờ với ông bà Gardner, ông là Chủ tịch ban Trị sự của nhà thờ Ba ngôi Lutheran. Trong bộ áo lễ màu trắng viền đen trang trọng, Mục sư Nielsen đứng chủ lễ. Lễ Tin lành ít theo nghi thức hơn lễ Công giáo tôi có dịp dự, và tín đồ hát thánh ca nhiều hơn. Trong tiếng đàn đại phong cầm, lời thánh ca thanh thoát nhẹ nhàng mà tôn nghiêm. Bài giảng của mục sư chú trọng quanh nghĩa vụ của tín hữu Thiên chúa giáo giúp đỡ những kẻ khốn khó mà không mong đợi được đền đáp. Đặc biệt, ông nói, những người cần giúp đỡ hiện tại là gia đình tỵ nạn Việt nam mới tới; đó là chúng tôi.

Cuối bài giảng, ông Nielsen cầm một số báo *Newsweek* và đưa lên cao. Cùng với tờ *Time*, *Newsweek* là một trong hai tuần san nổi tiếng phát hành tại Hoa kỳ và lưu hành khắp thế giới. Số *Newsweek* đăng bài viết của Shana Alexander (1925 – 2005) về người tỵ nạn Việt nam, cô ký giả lo ngại họ chưa biết sử dụng máy giặt và máy sấy quần áo và không biết Michelangelo là ai thì làm sao sống nổi ở đất Mỹ. Ông mục sư lên giọng,

Bài báo này tượng trưng cho sự hờn hĩnh và lòng ích kỷ mà Chúa dạy phải lánh xa. Hôm qua, Bà Nielsen và tôi thù tiếp gia đình tỵ nạn của chúng ta và được hưởng một buổi tối thú vị. Họ là những người thông minh nhất mà tôi gặp, và hai cô gái nấu ăn tuyệt vời. Ba Hoa, chúng tôi may mắn được có gia đình anh ở đây.

Trên bục giảng kinh, ông Nielsen quay mặt xuống nhìn tôi; “Bà Nielsen” là bà Lorene vợ ông. Tôi suy nghĩ về bài báo và nhủ thầm, học cách sử dụng máy giặt máy sấy không thể mất hơn dăm ba phút đồng hồ, sao làm như ghê gớm lắm? Michelangelo là điêu khắc gia, họa sĩ, kiến trúc sư, và thi sĩ người Ý Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (1475 – 1564) sống vào thời Phục hưng ở Âu châu, công trình của ông gây ảnh hưởng vô song vào sự phát triển nghệ

thuật tây phương. Nhưng có phải người Mỹ nào cũng biết đến nhà nghệ sĩ đại tài này đâu, phần nào thôi chứ!



Tiếp theo, ông Gardner lên trình bày vắn tắt cuộc hành trình tìm tự do của gia đình tôi, ca ngợi chúng tôi là “những kẻ can đảm nhất,” gọi tôi là “người anh hùng” đã dẫn dắt gia đình đến nơi chốn an toàn, và cho biết cha mẹ đang ở trong trại Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas và,
Nhà thờ Ba ngôi sẽ tiến hành việc bảo trợ ông bà ra đoàn tụ với các con, một khi Ba Hoa kiểm được việc làm bảo đảm sự ổn định kinh tế cho gia đình.

Nghĩa là muốn sớm gặp lại mẹ, tôi sẽ phải có việc làm càng sớm càng tốt. Đến lượt tôi, tôi giới thiệu Quỳnh Châu và các em, cảm ơn họ đạo đã bảo trợ và giúp đỡ chúng tôi trong bước đầu sống nơi xứ lạ, và ước vọng,

Hôm nay chúng tôi là người tỵ nạn, nhưng chắc chắn ngày mai chúng tôi sẽ là những công dân xứng đáng, góp sức xây dựng Hiệp chúng quốc Hoa kỳ ngày càng tốt đẹp hơn.

Sau lễ, chúng tôi theo ông Gardner xuống tầng hầm nhà thờ, vào một phòng hội lớn, dùng bánh ngọt và rượu táo hâm nóng và cà-phê, và gặp gỡ các người trong họ đạo. Vừa vào phòng, các em tôi được mấy nhóm thanh niên trẻ cùng trang lứa chào đón và đưa về bàn mình trò chuyện. Riêng Bình, không hổ là giáo sinh ban Anh văn của một đại học uy tín ở Việt nam, em duyên dáng và lưu loát kể chuyện di tản, và những người bạn mới kính phục nhìn em như muốn uống từng lời nói. Ước *chi* tôi chụp được tấm hình cảnh nói chuyện đó để gửi cho tờ *Newsweek*.

Tôi và Quỳnh Châu tiếp những người lớn tuổi hơn. Họ bắt tay chúng tôi và chào mừng, chúc mừng, và chúc may mắn trong những ngày sắp tới. Sau cùng, một anh khoảng ba mươi tuổi, người cao lớn dềnh dàng, và giọng nói oang oang đến tự giới thiệu là Mike (tên tắt của Michael). Anh làm giáo sư trường trung học Bismarck và tuần tới sẽ lo việc ghi tên cho hai em Lâm và Trọng đi học; anh hỏi tôi,

“Tôi đọc tập sách về người tỵ nạn Đông dương do bộ Ngoại giao phân phối thì thấy nói phần lớn người Việt ở trong những túp lều tranh ở ngoài đồng. Điều này có đúng không?”

“Đúng, nhưng vào khoảng . . . ba hay bốn trăm năm trước, ngày Hoa kỳ chưa ra đời. Lúc ở trong trại tỵ nạn, tôi cũng đọc tập sách đó và vô cùng ngạc nhiên khi thấy một tài liệu do chính phủ Hoa kỳ ấn hành mà lại chứa nhiều dữ kiện quá ư lỗi thời đến thế. Tôi xem phần tài liệu tham khảo thì thấy tác giả dùng toàn sách cổ do người Pháp viết từ thế kỷ thứ 17 hay 18,” tôi cười nửa miệng lắc đầu.

“Tôi cũng thấy nói khi gặp các em bé thì không được xoa đầu vì đó là điều tối kỵ. Tại sao?” Mike hỏi thêm.

“Tôi không biết, có lẽ là tục kỵ vào một thời xa xưa nào đó. Dầu sao cũng không nên xoa đầu một cậu bé và làm rối bù mái tóc của cậu ta,” tôi nói đùa.

“Tôi không lấy làm lạ đâu *Bà Hoa*. Ở xứ Mỹ này, ai cũng nói công chức quan liêu của chính phủ liên bang chẳng mấy khi làm được việc gì cho đảng hoàng,” Mike kết luận.

Chiều Chủ Nhật, khách tới nhà tôi nườm nượp. Người trong họ đạo mang tặng chúng tôi đủ thứ áo quần và đồ dùng trong nhà. Áo quần được giặt sạch và gấp xếp thẳng thớm hay nằm ngay ngắn trên móc áo, phần lớn đã dùng một vài lần, nhưng có một số còn mới toanh và còn nguyên nhãn – với giá tiền đã được cẩn thận lấy ra. Trong số các đồ dùng, những dụng cụ nhỏ như máy đánh trứng làm bánh, máy xay trái cây, bàn ủi, v.v. được đóng gói trong hộp nguyên thủy và còn tờ chỉ dẫn cách sử dụng. Quà tặng đi kèm theo với những lời chúc lành thiết tha, những câu an ủi chí tình, và lời lẽ khiêm tốn khiến chúng tôi cảm động vô cùng. Có người cảm ơn chúng tôi đã đến và cho người Mỹ thấy tự do không phải tự nhiên mà có. Một ông trạc dưới bốn mươi (sau này tôi mới biết làm bác sĩ) đưa cho tôi chiếc phong bì đựng tờ bạc một trăm đô la kẹp trong tấm thiệp ghi “A gift of love” (Món quà yêu thương). Ông mong tôi nhận tiền mà đừng phiền lòng, vì đáng lẽ ông phải đưa tôi đi mua đôi giày mới. (Có lẽ ông thấy đôi giày há mồm lúc tôi lên phát biểu ở nhà thờ.)

Lần đầu tiên tôi hiểu thấm thía câu ngạn ngữ Pháp “*Cách cho còn hơn của đem cho*” (La façon de donner vaut mieux que ce qu'on donne), câu nói của nhà soạn kịch người Pháp Pierre Corneille (1606 – 1684). Cùng với Molière và Racine, Corneille là một trong ba nhà soạn kịch vĩ đại nhất của Pháp vào thế kỷ thứ 17. Từ cách cho của họ đạo, món quà quý giá nhất tôi nhận được hôm nay là tấm lòng nhân ái giữa người và người, không phải giữa người bảo trợ và người tỵ nạn. Món quà ấy tôi dùng mãi dùng hoài trong đời, không bao giờ với cạn.

Riêng về “món quà” phủ đầu của Shana Alexander, tôi cũng luôn luôn mang theo trong mình. Nhờ cô mà trong suốt 37 năm làm việc và đi học ở North Dakota, tôi nguyện với lòng lúc nào cũng phải giỏi hơn người Mỹ trong hoàn cảnh tương tự – và tôi đã thành công. Nhưng tôi không biết ơn cô hay tờ *Newsweek*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 4 tháng Ba, 2020

Vớt Nhầm Hột Châu

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đã vào hạ tuần tháng Tám mà thời tiết Bismarck vẫn còn ảm áp, nhiệt độ buổi chiều lên tới 90°F (khoảng 32°C). Ban đêm trời mát nhanh, nhưng tôi mặc áo tay ngắn đi ra ngoài trời vẫn thấy thoải mái. Ông bảo trợ Gardner nói,

“North Dakota có bốn mùa rõ rệt. Mùa hè nắng ấm như mọi nơi khác, sang thu mát mẻ, đến mùa đông thời tiết có khắc nghiệt hơn các vùng miền nam, và qua mùa xuân ấm áp trở lại.”

“Ở Việt nam, khí hậu nóng và ẩm quanh năm và chỉ có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Vì vậy, không mấy ai thắc mắc về nhiệt độ hàng ngày, và bản tin thời tiết buổi sáng trên đài phát thanh chỉ dành cho tàu bè chạy ven biển,” tôi kể chuyện bên nhà.

“Chúng mình còn khoảng một tháng mùa hè. Đến 23 tháng Chín là tiết thu phân ngày đêm dài bằng nhau và bắt đầu mùa thu,” ông nói thêm.

“Khi nào mùa đông bắt đầu?” đây là điều tôi lo lắng nhất.

“Vào tiết đông chí ngày ngắn đêm dài nhất do quả đất quay xa mặt trời, năm nay nhằm 23 tháng Chạp, hai ngày trước lễ Giáng sinh.”

Còn gần bốn tháng nữa tôi mới phải đương đầu với mùa đông giá lạnh, chuyện trước mắt là ba em Bình, Lâm, và Trọng gần đến ngày đi học. Ông Gardner cho biết,

“Thứ Năm tới, trường học khai giảng niên khóa mới. Sau mấy tháng nghỉ hè, học sinh đi học lại hai ngày cho quen thầy quen lớp, nghỉ xả hơi ba ngày *cuối tuần dài* lễ Lao động, và thứ Ba tuần tới học liền một mạch.”

“Cháu tưởng lễ Lao động nhằm mừng một tháng Năm chứ,” tôi lấy làm lạ hỏi lại.

“Không, ngày đó là lễ tháng Năm hay lễ Công nhân Quốc tế được các nước Âu châu nhất là các nước Cộng sản chọn làm ngày lễ Lao động. Nhưng ở Mỹ và Gia Nã Đại, lễ Lao động là ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Chín, ngày được dân chúng xem là lúc mùa hè kết thúc và trường học và các sinh hoạt thể thao mùa thu bắt đầu.”

Lâm và Trọng sẽ học trường trung học công lập không phải trả học phí, ăn trưa miễn phí ở trường (vì gia đình chưa có lợi tức), và được mượn sách học cả năm, nhưng hai em cần mua dụng cụ học sinh, ba-lô đựng sách vở, v.v. Bình chọn ngành Điều dưỡng ở Đại học Cộng đồng Bismarck (BJC), học hai năm lấy bằng Cán sự, và sau đó chuyển sang đại học bốn năm học tiếp lấy bằng Cử nhân Điều dưỡng. Em sẽ phải đóng học phí BJC, cần tiền ăn trưa, và cần mua sách vở và học cụ. Tóm lại, tôi cần tiền; ông Gardner đồng ý, “Sống ở Mỹ ai cũng phải có tiền.” Ông đưa tôi ra First National Bank gặp ông Phó Tổng Giám đốc ngân hàng và đồng ký tên vào giấy nợ ngân hàng để tôi vay 250 đô la, cả vốn lẫn lời trả lại trong sáu tháng, và nếu tôi không trả thì ông phải trả. Cầm tờ giấy nợ, tôi cười như mếu,

“Đây là lần đầu tiên trong đời cháu mắc nợ, và chắc không phải là lần cuối.”

“Ai cũng có lần đầu,” ông Gardner cười lớn, “Anh tập làm người Mỹ đi là vừa. Chúng tôi nợ ngập đầu ngập tai, vay nợ mua xe trả góp ba năm, vay nợ mua nhà trả góp 30 năm, nợ thẻ tín dụng mua hàng ở các cửa hàng lớn, và đủ thứ nợ nần khác. Rồi anh cũng vậy thôi.”

Sáng hôm sau, tôi và anh Mike trong họ đạo đưa Lâm và Trọng lên trường trung học Bismarck cách nhà năm khu phố; anh là giáo sư của trường. Thủ tục xin học rất đơn giản: Tôi chỉ cần điền đơn ghi tên và địa chỉ của mình (là người giám hộ) và tên và ngày sinh của hai em rồi ký tên là xong. Tính theo tuổi, Lâm vào lớp 11 và Trọng lớp 9, liên tục từ niên khóa vừa qua ở Sài Gòn. Sau khi hai em chọn môn học và lấy sách học và thẻ ăn trưa, anh Mike đưa chúng tôi đi xem trường. Trước cửa một lớp học trên lầu hai, chúng tôi gặp một cô giáo cao lớn tóc nâu trạc tuổi tôi ôm sách vở bước ra. Anh dừng lại chào và giới thiệu,

“Cô Judy dạy Anh văn, Lâm và Trọng sẽ học với cô. Đây là *Ba Hoa*, người Việt tỵ nạn vừa được nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ.”

“Chào mừng anh đến Bismarck. Tôi mong chờ dạy em anh, chắc các cậu cũng thông minh như ông anh,” Judy cười thật tươi; chúng tôi cùng nhau đi xuống cầu thang.

“Cô đã biết về chúng tôi?” tôi hơi thắc mắc.

“Sau hôm anh đến, tờ *Bismarck Tribune* (Diễn đàn Bismarck) tường thuật chuyện đi đón gia đình anh ở phi trường và đăng hình chụp với chức sắc của nhà thờ Ba ngôi. Trước đó, chồng tôi cũng đã kể chuyện anh và phục anh lắm. A, anh ấy đến rồi,” Judy nói lớn.

Một thanh niên trạc tuổi tôi, người cao lớn và tròn trặn với đôi mắt tinh anh và bộ râu quai nón, đứng chờ ở chân cầu thang. Judy reo lên,

“Minh ơi, em vừa mới nhắc đến mình. Charlie chồng tôi làm kỹ sư điện cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota. Còn đây là anh *Ba Hoa* mình nói với em đó.”

“Chào anh *Ba Hoa*. Ông *sếp* lớn của tôi đã phỏng vấn anh qua điện thoại lúc anh ở trong trại tỵ nạn. Ông ta phục anh sát đất, mong làm sao có được anh. Tôi cũng mong như thế,” Charlie bắt tay tôi với nụ cười thân thiện.

“Rất hân hạnh. Hy vọng sẽ may mắn làm việc chung với anh,” tôi mừng rỡ nói lấp vấp.

“Trưa thứ Sáu tới, theo thông lệ hàng tháng, chi hội Bismarck của IEEE nhóm họp và ăn trưa ở nhà hàng. Mời anh đến dự cho biết và đồng thời gặp mặt ông *sếp*; ông là chi hội trưởng sáng lập,” Charlie sốt sắng mời.

Tôi biết khá rõ về IEEE (đọc giống như “eye triple ee”), tức là Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới có trụ sở chính ở Nữu Ước. Trước đây, tôi là đồng tác giả viết hai bài khảo cứu khoa học được chọn đăng trên tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của hội gọi là *IEEE Transactions*. Tôi toan nhận lời mời của Charlie nhưng chợt nhớ bài học về lối xã giao của người Mỹ: Khi mời ăn uống hay đi coi hát, họ thường *go Dutch* (“chơi theo lối Hòa Lan,” nghĩa là người nào trả phần người ấy). Thấy tôi lưỡng lự, Judy hiểu ngay; nàng khều tay chồng,

“Minh nhớ là anh *Ba Hoa* mới đến chưa có việc làm hay phương tiện di chuyển.”

“Xin lỗi. Mời anh dự với tư cách khách của tôi, tôi đãi anh. Thứ Sáu tôi đến nhà đón anh nhé,” Charlie nói rõ trước khi từ giã.

Vợ chồng Charlie là đôi bạn Mỹ đầu tiên của tôi ở Bismarck. Sau đó, tôi làm việc cho công ty tiện ích và phục vụ cạnh Charlie suốt 35 năm, đến khi chàng về hưu vào cuối năm 2010.

* * *

Cùng buổi sáng hôm đó, Quỳnh Châu và bà Jane trong họ đạo đưa Bình đi ghi tên ở Đại học Cộng đồng Bismarck; bà là giáo sư của trường đại học. Trưa về vừa bước vào nhà, Quỳnh Châu tấm tắc khen,

“BJC không lớn mà đẹp khỏi chê; khuôn viên đại học nằm trên ngọn đồi nhìn xuống dòng sông Missouri thơ mộng hai bên bờ có những rặng cây cao. Cô Bình thiệt *ngon lành*, mới lục cá nguyệt đầu tiên mà *chơi* toàn thời gian lấy 12 tín chỉ làm bà Jane le lưỡi phục lẫn.”

“Mười hai tín chỉ gồm bốn môn học. Kể cả giờ thực tập, em học một tuần có bốn ngày, thấm thía gì so với thời khóa biểu của em ở Đại học Giáo dục Thủ Đức? Chị đừng khen làm em *ôcs dôcs* (mắc cỡ),” Bình cười duyên cãi.

“Bình cố học nhanh, ra trường sớm, đi làm tiền nhiều, và mau lấy *dông* (chồng). Anh ngó thấu tim đen của cô em mà,” tôi cười hì hì.

“Gì chớ cái *dzụ* lấy chồng thì em chưa tính đâu, ông anh đừng lo xa mà *hao tổn mình dzàng!*” Bình cong môi đáp lại.

Tôi thuật lại chuyện gặp bạn mới và lời mời dự buổi họp hội IEEE. Quỳnh Châu cũng khoe,

“Hôm nay em tình cờ gặp anh bạn cũ thời học Stanford.” Có tên đầy đủ là “Đại học Leland Stanford Con” và tọa lạc tại Stanford phía bắc tiểu bang California, Stanford là một đại học tư, nổi tiếng hàng đầu thế giới, và được xem như Đại học Harvard miền Tây.

“Vui vậy à?” tôi buột miệng.

“Em cũng không ngờ. Khi biết em tốt nghiệp Stanford, bà Jane nhớ ra, ‘Anh giáo sư Trưởng ban của tôi cũng là dân Stanford, tôi muốn giới thiệu chị với anh ấy; chị có phiền lòng không?’ Dĩ nhiên là em chẳng thêm phiền lòng, gặp thì gặp, *chết thảng Tây nào mà lo,*” Quỳnh Châu vừa cười vừa kể.

Vừa trông thấy Quỳnh Châu, anh giáo sư trẻ ngồi sau chiếc bàn giấy bề bộn sách vở giấy tờ giấy bản người đứng ngay dậy và bước ra la lớn,

“Cô Pearl, sao cô có mặt ở đây?” “Pearl” (nghĩa là ngọc quý, tức là “Châu”) là tên các bạn đồng học dùng để gọi nàng ở Stanford.

“Anh Brian Nông gia . . .” Quỳnh Châu sửng sốt không kém; ngày đó, Brian rất tự hào về gốc gác North Dakota thôn dã của mình nên bị bạn bạn thị thành gọi là “Brian Nông gia.”

“Thì ra hai người đã quen nhau, ôi quả đất tròn!” bà Jane chép miệng.

“Tôi và Pearl đều là dân *Cardinal*. Hồi đó, tôi làm luận án cao học, cần lấy hai môn nhiệm ý cho đủ số tín chỉ đòi hỏi, chọn hai môn học dưới bậc cử nhân cho dễ ăn, và nhờ đó được vinh hạnh học chung với Pearl. Khổ cho tôi, Pearl học giỏi tuyệt vời và vượt xa mọi người khiến giáo sư nâng cao tỷ số xếp hạng (percentile) của lớp và cho điểm rất hà tiện,” Brian nông nhiệt kể.

“Cardinal” (màu đỏ thắm) là tên gọi của các đội banh Stanford và cũng là danh xưng sinh viên Stanford gọi nhau. Ở đại học Mỹ, khi cho điểm cuối năm (“A,” “B,” “C,” “D,” hay “F”), giáo sư thường cho điểm theo tỷ số xếp hạng hơn là điểm thực khi làm bài. Thí dụ, nếu giáo sư quyết định điểm “A” ở tỷ số xếp hạng thứ 95, thì 95 phần trăm số sinh viên trong lớp sẽ được điểm thấp hơn điểm “A,” hay 5 phần trăm được điểm “A.” Nếu trong lớp có nhiều sinh viên giỏi, sinh viên học lực trung bình sẽ khó lòng được điểm cao.

Đưa ngón tay giữa lên cho bà Jane thấy chiếc nhẫn triện khắc huy hiệu Stanford với châm ngôn *Die Luft der Freiheit weht*, tiếng Đức nghĩa là “ngọn gió của tự do thổi,” Brian than,

“Tôi học *phờ đười* mới theo kịp Pearl và lấy điểm ‘A’ mong muốn. Sinh viên cao học phải luôn luôn giữ điểm trung bình trên ‘B,’ và trong suốt chương trình học chỉ được vi phạm điều kiện bắt buộc này một lần: Nếu điểm trung bình thấp hơn ‘B’ thì khóa kế tiếp phải rón học để kéo lên, nếu không sẽ bị mời đi chỗ khác chơi, không được tiếp tục chương trình cao học.”

“Tôi được học bổng sang Hoa kỳ du học, chú tâm học hành để không phụ lòng tin cậy của gia đình và đất nước, và không hề có ý tranh đua hơn kém với ai,” Quỳnh Châu lắc đầu.

“Cô là người bạn đồng môn tôi học hỏi nhiều điều và kính nể nhất. Nghe nói cô được học bổng học cao học ở Đại học Nữ Ớớc, cô học xong chưa?” Brian hỏi

“Tôi về Việt nam thăm nhà, gặp lại người bạn lòng không thể cách xa thêm một lần nữa, và ở lại lập gia đình với chàng. Từ đó sống hạnh phúc hơn bao giờ hết.”

Nghe Quỳnh Châu kể đến đây, tôi sung sướng đứng dậy nắm tay nàng đặt lên bụng bầu hơi mũm mĩm của nàng,

“Cô vợ dễ thương giỏi *hết sảy con cào cào*. Mai mốt ‘thằng Thìn’ có quyền hãnh diện khoe với bạn, ‘Má tao học giỏi nhất Stanford, mấy đứa mắt xanh mũi lõ to xác không theo kịp.’ Sao lâu nay em giấu kỹ và không cho anh biết?” “Thằng Thìn” là tên tôi dùng gọi đùa con đầu lòng sắp ra đời vào tháng Ba năm tới (1976), năm Nhâm Thìn.

“Ông *dông* nói thiệt hay giỡn chơi? Bộ ngu hay sao mà khoe mình với tay học giỏi *dàng trời*, nổi tiếng từ buôn Thượng Ban Mê Thuật tới làng chài Xóm Bóng Nha Trang là chồng em?” nàng chu mỏ đáp rồi gí tay vào vai tôi, “Nhưng anh chớ làm em tưởng thiệt rồi hình mũi *to bành sụ* lên bây giờ.”

“Vợ chồng mình khen nhau khen cả ngày, có khác gì *mèo khen mèo dài đuôi, chuột khoe chuột ngắn mình mà xinh!* Cô ‘Pearl’ tuyệt diệu của anh ơi, anh *rước được nàng về dinh* là cả một sự tình ngàn năm một *thuở* giống trong như câu ca dao,

Ngọc sa xuống biển ngọc trầm,

Thò tay vớt ngọc, vớt nhằm hột châu.”

Nhờ các em đi ghi tên xin học, tôi và Quỳnh Châu bất chợt có một ngày vui vì gặp bạn. Nhưng mối duyên phúc cùng tột của tôi là đã may mắn . . . *vớt nhằm hột Châu*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Ba, 2020

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.



NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền

nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài Gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn "BÀ CỤ PHỐI CƠM":

Tôi nghe tiếng anh Bân nheện ngào,

"Trong cái tích tắc sinh tử trước khi phóng người ra khỏi phòng lái, tôi thấy hiện ra trong góc mắt một chiếc thuyền đánh cá dài khoảng sáu, bảy thước chở đầy người. Thuyền nằm ngay trên đường đi của chiếc Chinook. Khi ngoi lên khỏi mặt nước, tôi nhìn về nơi phi cơ lao xuống mà chỉ thấy sóng bạc đầu. Tôi thăm cầu nguyện . . . Trên chiếc thuyền cứu nạn, tôi thấy một bà cụ mình mẩy ướt nhep và vấy máu nằm mê man trên sàn. Anh thủy thủ đang sẵn sóc cụ chép miệng, 'Chiếc thuyền đánh cá vỡ tan tành. Bà cụ sống sót và không chìm xuống nước mất tăm là cả một phép lạ.' Tôi cúi đầu đưa tay làm dấu thánh giá . . ."

Tôi hiểu ra và thấy lòng quặn đau. Cớ sao định mệnh lại ác nghiệt khiến anh Bân và chiếc Chinook gây ra cuộc thảm sát cả gia đình cụ Tấm? Cụ may mắn đã mất trí, không biết người thân đã bỏ mạng oan uổng ngay ở ngưỡng cửa bến bờ tự do. Tôi cầu mong cụ cứ quên mãi như thế.

GIÁ BÁN: \$US 25